

Thứ Ba, ngày 26 tháng sáu năm 2012

LỜI ĐẦU TỰ TÁNH QUÁN ÂM



Trong cuộc sống, ngoài ánh sáng cơ học và ánh sáng tâm linh để truyền đạt thông tin nội thể, thông tin trí lực, mọi sinh vật bình thường còn cần đến một loại sóng âm truyền tải thông tin qua nhĩ căn (phù trần căn), đưa đến đối tượng tiếp nhận. Thế giới hiện tượng cần đến 99% sóng âm vật lý để truyền đạt thông tin, ngoại trừ 1% còn lại, những người khuyết tật nhĩ căn không tiếp nhận được sóng âm vật lý bình thường, nhưng họ vẫn cảm nhận được sóng âm tâm lý ở một mức độ khác nhau; vấn đề này ta sẽ đi sâu trong phần nội dung của Tự Tánh Quán Âm.

Âm thanh đóng vai trò quan trọng song song với ánh sáng. Âm thanh vật lý có giá trị tương thích với ánh sáng vật lý, góp phần truyền đạt và giao hưởng giữa các sinh vật mang thái chất vật lý.

Âm thanh phát xuất từ một vật gọi là nguồn âm. Âm thanh xuất phát từ tiếng nói do tác lực của ý tưởng; âm thanh phát xuất từ giao động, va chạm... là những âm thanh vật lý, tai có thể tiếp nhận thường có tần số từ 16Hz đến 20KHz. Tần số âm thanh cao hơn 20Khz gọi là siêu âm, và thấp hơn 16Hz gọi là hạ âm. Còn một loại sóng âm phát xuất từ nội tại qua cơ chế sinh học, sóng âm phát xuất từ chấn động lực tế bào thần kinh, trung khu thần kinh, cũng có sóng âm giao động từ tâm thức...

Tất cả các loại âm thanh vật lý đòi hỏi tồn tại trong môi trường vật lý có tần số giao thoa để hỗ trợ chuyển tải âm thanh đi các hướng. Dĩ nhiên chúng cũng bị hạn chế bởi cái hạn chế của vật lý như vật cản, không gian, thời gian, khí hậu, môi trường dẫn điện... và âm thanh vật lý không được truyền tải trong chân không.

Từ những phát kiến về hiệu quả sóng âm, các nhà khoa học kỹ thuật sáng chế ra các dụng cụ điện tử để khuếch âm, truyền âm như FM, AM, ampli. Từ đó mà âm thanh trở thành đa dạng, cuốn hút.

Âm thanh có một chấn động lực nhất định tương tác trên mọi vật, mọi sinh vật. Âm thanh có năng lực hủy diệt, tạo sự điên loạn hoặc giúp cho tăng trưởng, phát triển. Về tâm linh, âm thanh cũng góp phần đáng kể để triển khai trí tuệ. Âm thanh êm dịu giúp thần kinh ổn định. Âm thanh náo nhiệt kích động tính nổi loạn của thần kinh.

Khoa học ngày nay, phát triển tốt cùng về âm thanh cũng chỉ dừng lại ở mức độ kỹ thuật cấp cao dành cho quân sự, quốc phòng, y học, nghệ thuật... chưa vượt qua khỏi âm học vật lý để tiến vào lãnh vực tâm linh.

Các Thiền sư phương Đông đã biết vận dụng âm lực để khai ngộ cho đệ tử, biết dùng âm thanh để nâng cấp tâm linh. Âm lực nằm trong tay của các Thiền sư trở thành một xảo thuật linh động uyển chuyển như thanh kiếm trong tay của các kiếm sư tài nghệ. Vì thế, âm thanh trong nhà Thiền hay ở lãnh vực tâm linh, trở thành một khí cụ sắc bén hỗ trợ cho việc thăng tiến tâm thức. Âm lực trong nhà Phật vượt khỏi hạn giới của môi trường vật lý, không tùy thuộc vào siêu âm hay hạ âm, không thanh cũng chẳng đục; lắm khi âm lực đối với các Thiền sư không còn là phương tiện truyền tải thông tin hay truyền đạt ý tưởng. Nó tuồng là tiếng sét vô nghĩa, cũng không thiếu trường hợp các minh sư dùng loại âm lực vô thanh để xé toạc màn vô minh nơi tâm thức đệ tử.

Âm lực rất đa dạng ở lãnh vực vật lý cũng như lãnh vực siêu nhiên. Một khi âm thanh ở môi trường vật lý nó có giá trị tương đối vì âm thanh và ánh sáng là hai đường song hành; thì âm thanh ở môi trường siêu nhiên, phi vật thể lại là một giá trị tuyệt đối, lúc bấy giờ âm thanh và ánh sáng chỉ là một.

Trong dạng phàm phu, lục căn có một vị trí và trách nhiệm cá biệt. Ví dụ cái thấy chỉ dành cho nhãn căn, nghe tiếng chỉ là trách nhiệm của nhĩ căn, chúng không thể lẫn lộn nhiệm vụ của nhau, nhưng một khi, thức biến thành trí thì lục căn trở thành diệu quan sát trí, vì không còn chấp ngã, không có phân biệt ngã thữ, vì thế “**binh đẳng tánh trí**” không còn phân biệt từng phần của phù trần căn. Bậc Thánh có thể nghe bằng mắt, thấy bằng tai, hay nói cách khác, lục căn đều dung thông tam giới, không còn chướng ngại bởi lục thức phàm trần.

Trong phần Tự Tánh Quán Âm sẽ đề cập đến cả hai lãnh vực âm thanh vật lý (gồm cả âm thanh sinh học) và âm thanh siêu thức (gồm cả âm thanh sinh thức).

Cũng như Tự Tánh Di Đà, mục đích đi đến tận cùng của ngoại thức sẽ nhập vào bản chất nội thức, cốt lõi của mọi vấn đề, làm tan loãng mọi chướng ngại ngoại hình để thâm thấu vào cốt tủy quang năng. Âm thanh cũng thế, chúng có một tự tánh nhất định, chúng sanh điên đảo bởi âm thanh, nhưng âm thanh cũng giúp chúng sanh tìm về thực tại. Chính vì thế có những bậc Bồ Tát nương âm thanh để giải thoát, quán âm thanh để biết đến sự khổ đau của chúng sanh, tức nhờ quán xét âm tục để hóa giải mọi phiền não kiếp người.

Có một Bồ Tát Quán Thế Âm ngoại tướng thì cũng có một hành giả quán âm nội thể để hóa giải mọi lệch lạc. Công hạnh đó đều là công hạnh vượt thoát mọi khổ ách, viễn ly mọi điên đảo mộng tưởng. Âm thanh trở thành một phương tiện chứ không là cứu cánh giải thoát.

Âm tục hay thế gian âm là những sóng âm trần tục nhuốm màu phiền lụy cá m đĩ, hủy diệt. Chân âm, Phật âm, siêu âm phi vật lý là loại năng lượng sóng từ có công năng nâng cấp tâm thức, khai mở tuệ tri.

Một số tôn giáo tâm linh cổ đại đều chú trọng đến loại âm lực này. “Om” là một âm lực có năng lực đánh động tâm thức như thế. “Om” hay “A” đều là đơn âm khởi nguyên của mọi âm tiết. Qua nhiều kỷ nguyên tâm linh, một số chân sư thiết lập một loại phần mềm âm lực khác nhau cho vào tần số tâm thức khác nhau, hành giả chỉ cần tiết tấu đúng âm lực của nó thì kết quả tâm linh sẽ được hỗ trợ, từ đó phát sanh ra mật ngôn thần chú, bùa phép...

Đa số Thiên pháp đều dùng một vài mật ngôn để hỗ trợ cho quá trình hành thiền. Một số người lầm tưởng Thần chú là loại thần quyền, nếu họ hiểu rằng chúng ta bấm đúng số phone thì sẽ được người trả lời, cũng thế, tần số giao hưởng được thiết lập do một kỹ sư thì một Thiên sư cũng có thể thiết lập cho môn phái mình một ẩn ngữ để đi vào thế giới tâm linh, như Bồ Tát thiết lập một cảnh giới riêng theo công hạnh của mình. Bồ Tát Quán Thế Âm là một lập trình viên hướng dẫn hành giả lắng nghe âm vọng tiền trần cũng như âm lưu nội tại để giải thoát mọi phiền não khổ đau.

Tự Tánh Quán Âm là bản thể thường tại trong mỗi sinh loại, biết được khả năng quán xét nội tại là biết trở về với bản lai diện mục, khai mở âm lưu nội tại để thấy tiếng vọng chân tâm luôn phủ sóng khắp càn khôn.

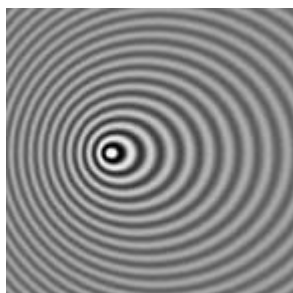
Đề cập quang năng tự tánh mà không nói đến âm lưu nội tại là một thiếu sót, chưa đủ cân bằng trên lộ trình tâm linh giải thoát. Đó là mục đích tiếp theo của Tự Tánh Quán Âm sau loạt bài Tự Tánh Di Đà.

MINH MÃN

15/6/2012

Thứ Ba, ngày 26 tháng sáu năm 2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 1



Âm thanh vật lý

Âm thanh là một phần quan trọng gắn liền với cuộc sống của mọi sinh vật, kể cả thực vật và khoáng vật. Nó tồn tại với một sinh động vật từ lúc sinh động vật đó có mặt.

Một thai nhi trong bụng mẹ, cũng đã biết tiếp nhận lời âu yếm của mẹ, biết nghe nhạc và chịu ảnh hưởng của từng loại nhạc; biết cảm nhận hạnh phúc hoặc khổ đau do tánh thuận hậu hay sân hận của mẹ giao tiếp hằng ngày trong cuộc sống. Vì thế, mối giây liên kết giữa bố mẹ và đời sống tâm linh của bố mẹ có ảnh hưởng nhất định sự cho tương lai của một người con.

Cây cỏ hoa trái được thí nghiệm cho thấy tác dụng của âm nhạc tương thích với tần số nhất định của mỗi loại, sẽ giúp cho cây trái phát triển nhanh và tươi tốt hơn; ngược lại, một tần số không tương thích sẽ làm cho cây khó phát triển hoặc bị khô héo. Sở dĩ cây cỏ phát triển được trong thiên nhiên đều đặn là do sóng quang nhiệt và sóng âm phong của từng luồng gió trong không gian thổi qua. Nếu cây được trồng trong phòng thiếu gió, dù có ánh sáng, cây cũng khó phát triển mạnh.

Gia súc cũng thế, ngoài thực phẩm, nếu sử dụng thuốc tăng trưởng nhanh, gia súc có thể tăng trọng nhưng ảnh hưởng tác hại đến gen cơ bản, phát sanh bệnh lý và gia súc không có sức đề kháng tự nhiên, độc tố tích tụ trong máu thịt. Tuy nhiên, nếu gia súc được chăn nuôi theo phương pháp truyền thống thì việc tăng trưởng tuy chậm, nhưng khỏe mạnh. Ngoài ra,

âm nhạc cũng giúp gia súc phát triển khá hơn việc chăm bón thực phẩm, và bảo đảm hơn dùng thuốc tăng trưởng.

Thuốc tăng trọng, tăng trưởng là can thiệp vào quá trình sinh hoạt vật lý tự nhiên của các tế bào, vì thế sự phát triển mang tính nhất thời đi đôi với việc di hại; trong khi âm thanh là loại sóng từ kích hoạt các tế bào tăng trưởng một cách tự nhiên, làm cho vật tiếp nhận khỏe mạnh về cơ năng sinh lý nội tiết.

Ở một lãnh vực vi mô, âm thanh còn phát sanh dòng điện trong kim loại và chất bán dẫn, có sự giao động của ion và các nguyên tử, từ đó sanh ra chuyên ngành nghiên cứu về điện âm học.

Âm thanh

Âm thanh là sự giao động của các phân tử, nguyên tử, các hạt. Âm thanh tạo một dạng sóng tần số, bước sóng, chu kỳ và tốc độ.

Theo âm học, Âm thanh thể hiện qua một loại sóng gọi là sóng âm. Tùy mỗi loại nguồn phát mà âm thanh có tần số khác nhau; thông thường âm thanh xuất phát từ va chạm của vật thể, từ thanh quản của một động vật, hay hiện tượng thời tiết. Sóng âm được pha trộn với sóng dẫn để khuếch tán âm thanh đi xa hơn. Từ đó sóng FM hay AM được kỹ nghệ thông tin sử dụng; bởi vì âm thanh phát xuất trong môi trường tự nhiên thường có tần số 20Hz-20KHz không đi xa hơn 5m. Do năng lực truyền dẫn bị ảnh hưởng bởi môi trường qua ba trạng thái rắn – lỏng và khí và do nhiệt độ cũng như áp suất của thời tiết; vì vậy kỹ thuật thông tin phải kết hợp với sóng dẫn pha trộn sóng âm khuếch tán vào tần số MHz – GHz để có sóng AM – FM – PM.

Âm thanh có tần số từ 16Hz đến 20KHz là âm thanh bình thường. Cao hơn 20KHz là siêu âm và thấp hơn 16Hz là hạ âm.

Âm thanh có thể phát ra từ một nguồn hay nhiều nguồn. Ví dụ giọng hát, kèm nhạc cụ kèn trống đàn... mỗi nguồn phát đều có một tần số dao động nhất định vì vậy chúng không bị nhiễu loạn.

Âm thanh vật lý bị vật cản sẽ phản hồi, ví dụ trong bốn bức tường kín, trong hang động. Từ đó, kỹ thuật khoa học sử dụng sóng âm để thăm dò một vật ở xa, do phản hồi sóng âm mà xác định được vị trí và khoảng cách của vật tìm... Nơi thông thoáng, âm thanh truyền khắp mọi nơi; gặp hai sóng âm giao thoa sẽ tạo hiện tượng nhiễu âm.

Siêu âm được áp dụng vào lãnh vực y học như điện tâm đồ, điện não đồ, thăm dò thai nhi, thăm dò khuyết tật. Trong lãnh vực quân sự như rada, tên lửa. Trong ngư trường như dò tìm luồng cá, theo dõi sự vận hành của một ngư loại. Trong khí tượng để biết sự chuyển động của khí quyển, bão tố, luồng gió thủy triều, sóng thần. Trong địa lý theo dõi địa chấn, dò tìm hầm mỏ; siêu âm cũng không bị hạn chế bởi môi trường nước nên được dùng truyền tin dưới độ sâu của các tàu lặn. Các thiết bị âm thanh giúp sáng chế máy trợ thính cho người nặng tai. Thậm chí, qua máy dò âm, bác sĩ biết được sức khỏe của bệnh nhân. Các nhà tướng số Đông phương kinh nghiệm, qua âm thanh của một thân chủ, có thể đoán phú quý, sang hèn, thiện ác, vận mạng của họ.

Trong lãnh vực âm học, nảy sinh nhiều vấn đề mà các nhà khoa học phải thành lập nhiều chuyên ngành để nghiên cứu tính tương tác của sóng âm đối với mọi vật, mọi chiều hướng như quang âm học nghiên cứu tính tương tác của sóng âm và sóng ánh sáng. Những ngành mà ít ai biết đến là khí âm học, địa âm học, thủy âm học, nhiệt âm học... Trong tương lai, ngành âm học sẽ cho ra đời nhiều sáng tạo mà khoa học đang tận dụng.

Cho dù nghiên cứu trong lãnh vực nào, cũng chỉ giới hạn trong không gian khí quyển, bởi vì ngoài ra, chân không sẽ không tồn tại sóng dẫn nên âm thanh không được truyền đạt. Do vậy, âm thanh bị hạn chế và tác động bởi phản xạ - khúc xạ và nhiễu xạ, vận tốc truyền âm cũng bị giới hạn bởi áp suất, nhiệt độ và môi trường đương thời.

Khi âm thanh phát ra, đặc tính trong không khí, âm thanh dao động sóng dọc, vì dao động truyền dẫn do sự co giãn của không khí. Trong thính phòng hoặc phòng thu âm, tránh âm phản hồi như bass trap làm khó nghe khi tiếp âm. Người ta xử lý sóng dọc bằng phương tiện vật lý như tiêu âm và tán âm để tránh ù tai thính giả và âm thanh lọt ra bên ngoài làm phiền người lân cận, đồng thời tạp âm bên ngoài không lọt vào phòng thu.

Đơn vị đo lường âm thanh tính bằng Decibel, viết tắt là dB; cường độ âm thanh nghe được, bình thường từ 0 đến 125 dB; nếu quá thấp thì không nghe được và quá cao thì sẽ bị điếc. Tuy nhiên sóng siêu âm dùng trong kỹ thuật thông tin như điện thoại, microwave, các dụng cụ phát sóng có ảnh hưởng đến sức khỏe. Lấy hai bình thủy tráng men áp vào tai sẽ nghe một âm thanh lạ, để lâu sẽ mệt và suy giảm sức khỏe, tác hại thần kinh. Trong một phòng hẹp kín, cho các dải tần siêu âm xuyên vào, người ở bên trong một lúc nào đó, tuy không nghe tiếng, nhưng cảm nhận choáng váng, thời gian lâu dài sẽ điên loạn, nội tạng mất sức đề kháng. Cũng như cực độ ánh sáng, âm thanh cũng có khả năng hủy diệt, một lực công phá xuất phát từ âm thanh có thể sụp đổ tòa nhà, gây chấn thương hoặc đổ bê

vật dụng. Những người thường đeo tai nghe suốt ngày, dù là bản nhạc du dương, cũng đủ làm cho tinh thần không ổn định. Não bộ có khả năng tiếp nhận một lượng âm lực nhất định với một cường độ nhất định trong một thời gian hạn chế thì cơ thể tự quân bình sáng khoái, ngược lại thì dẫn đến rối loạn cơ năng thần kinh, mất sức đề kháng và sanh bệnh, suy nhược tinh thần. Một võ sĩ dùng tiếng hét để lung lạc tinh thần đối phương; một Thiền sư sử dụng tiếng hét để cho đệ tử hoát nhiên ngộ đạo. Một võ sư Aikido dùng tiếng hét làm vỡ cửa kính...

Âm thanh tương thích với trình độ và sở thích người nghe sẽ đem lại sự phấn chấn. Có những âm lực kích động người nghe, ví dụ những bản nhạc quân hành, nhạc đấu tranh...; cũng có loại âm lực êm nhẹ kèm theo lời mang tính tích cực giúp con người lạc quan yêu đời, cũng không thiếu loại nhạc ủy mị chán chường làm cho người nghe tiêu cực bi quan. Vì thế, nghe loại nhạc của một dân tộc, ta có thể hiểu dân tộc đó hùng tráng cường thịnh hay yếu hèn suy vong. Từ một loại nhạc người thích, ta biết được khuynh hướng tiêu cực hay tích cực của người đang thưởng thức chúng.

Tóm lại, âm thanh vật lý có thể giúp cải thiện cuộc sống, cải tiến trong mọi ngành nghề từ nông nghiệp, công nghiệp, quân sự, y học, giáo dục, khoa học cho đến tín ngưỡng tôn giáo; và chúng cũng có khả năng hủy diệt không những cơ sở vật chất mà còn hủy diệt tinh thần của một cá nhân hay một thế hệ. Lung lạc tinh thần binh sĩ và cũng từng làm sa ngã bao nhiêu anh hào kiệt tướng trước âm thanh của nữ lưu thường tình. Năng lực của âm thanh tùy thuộc vào cường độ, vào âm chất, vào sóng từ, vào môi trường.

Từ âm thanh vật lý mà những hành giả chứng đắc chuyển qua âm lực tâm lý, âm lực sinh lý, âm lực siêu thức giúp cho thế hệ hậu bối tiến vào con đường tâm linh. Bởi vì mỗi thời đại có một căn cơ khác nhau, vì thế chư Tổ, các minh sư, các Thánh sư đều sản sinh ra một phương án khác nhau mà âm thanh là một trong những công cụ không thể thiếu trong cuộc sống vật chất hiện nay. Chúng đã song hành với ánh sáng – ánh sáng sinh học, ánh sáng cơ học, ánh sáng siêu thức thì âm thanh cũng trải qua âm thanh cơ học, âm thanh sinh học và âm thanh siêu thức khi mà nhân loại mỗi ngày một thăng tiến từ vật chất đến tinh thần, từ hiện tượng đến tâm linh.

MINH MÃN

25/6/2012

Thứ Năm, ngày 05 tháng bảy năm 2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 2



Âm thanh tâm lý

Ngôn ngữ truyền đạt không chỉ bằng âm thanh mà còn mang tố chất tâm lý, tố chất tâm lý được truyền khởi bằng ý lực. Một câu nói không mang động thái ý lực là câu nói vô nghĩa, không tạo cho người tiếp nhận hiểu và cảm thông điều mà người đã nói ra. Người tiếp nhận và hiểu, không chỉ do kinh nghiệm về ngôn ngữ đó, thuộc chủng tộc đó mà còn do sự giao cảm ý lực giữa hai bên.

Âm thanh là sự giao động cơ học trong một tần số nhất định thì tâm lý truyền âm cũng có một tần số truyền dẫn nhất định của tâm thức đến một tâm thức. Các pháp sư xa xưa dùng loại âm thanh tương ứng với trạng thái tâm lý để chữa trị; Bởi mỗi âm thanh có tần số tùy thuộc với khí cụ phát ra, âm thanh mang tính ngũ hành tương thích với tứ đại.

Âm của trống hàm tàng năng lực của đất, mang tính vô tư; âm thanh của gõ mang tính của nước hàm ý trầm tĩnh lặng lẽ; khí cụ bằng đồng liên quan tính lửa, biểu tượng mạnh mẽ; và phong linh, biểu trưng cho không khí có tính phiêu trầm.

Tùy âm điệu trầm bổng của mỗi khí cụ mà có tác dụng khác nhau đối với sinh động vật. Dĩ nhiên âm thanh phát ra từ khí cụ phải cộng hưởng với ý lực của người sử dụng. Âm thanh từ khí cụ hay từ động vật có tác dụng nhất định từ ý lực của người chủ động.

Một sinh vật bị hành hạ, bị sát hại, phát ra âm thanh kêu cứu, đau đớn, oán hận trong một tần số cộng hưởng với tầng số tâm lý của kẻ tạo ra sự đau khổ, sự sát hại đó, kết thành sóng âm nhân quả gắn kết giữa kẻ hại và

người bị hại, tồn tại trong không gian và trong chủng thức của cả tác nhân và kẻ bị hại.

Cùng một âm điệu phát ra, do tâm lý khoái lạc hay đau khổ mà sóng âm mang một ký hiệu khác nhau. Âm điệu của Rock kích động hệ thần kinh người nghe, con người sử dụng nhạc rock cực mạnh để xua đuổi thú rừng; thì nhạc êm dịu ru ngủ khi thần kinh căng thẳng.

Tất cả những âm thanh mà con người nghe được đều là tần số của hạ âm; và âm thanh con người phát ra đi liền với trạng thái tâm lý đưa đến một tác dụng nhất định. Ví dụ, một câu nói: “cha mày” được phát ra với âm điệu truyền cảm thương yêu sẽ làm người được nghe cảm thấy thân thương. Cũng với câu ấy, không nhất thiết phát ra bằng sự thịnh nộ, vẫn âm điệu từ tốn nhưng cộng hưởng bởi tần số tâm lý ghét bỏ, hận thù, sân hận, làm cho người được nghe cảm nhận sự chua xót, phiền muộn. Ví dụ, một cặp vợ chồng, một đôi tình nhân trí thức, khi chia tay vì không hợp tính nhau, chỉ cần một câu nói nhỏ nhẹ, từ tốn, vừa đủ hai người nghe, cũng đem lại đau lòng cho nhau, vì trong âm điệu đó lồng vào một tâm lý thiếu thuận hòa.

Cũng vậy, đôi khi âm thanh được phát xuất từ tâm lý thịnh nộ, với cường độ lớn, nhưng không hẳn người nghe bị tác hưởng bởi tâm lý phẫn nộ và cường độ mãnh liệt đó. Ví dụ một người bị bệnh tâm thần, có thể la hét mà người nghe có thể cảm thông, không bị phiền muộn.

Một điệu nhạc ru hồn rĩ rả phát ra từ một căn nhà trọ trong xóm lao động nghèo, cho dù đó là điệu nhạc thích hợp với chủ nhân, nhưng suốt ngày như thế cũng làm nảy sinh tâm lý khó chịu cho mọi người chung quanh.

Chính vì thế, âm thanh cộng hưởng với trạng thái tâm lý có thể giúp người thành đạt, giúp người giải trừ phiền muộn hay loại trừ bệnh tật thì âm thanh từ người phát có thể hủy diệt tinh thần con người, làm mất ý chí hoặc gây phẫn nộ cho kẻ khác. Hai vợ chồng cho nhau lời cay độc, nguyên rửa nhau thì đứa bé bú sữa mẹ sẽ bị nhiễm độc tố.

Âm thanh người phát ra không nhất thiết người nghe cần phải hiểu bằng ngôn ngữ, nhưng người nghe có thể cảm nhận bằng sóng âm ý lực của đối tượng. Ví dụ trẻ sơ sinh chưa hiểu được ngôn ngữ của người lớn, nhưng câu hát của mẹ, lời âu yếm của người lớn, trẻ có thể ngoan ngoãn, nín khóc hoặc mỉm cười. Tác động tâm lý phát ra từ tần số sóng âm, đôi khi không cần đến âm ngữ, con người có thể hiểu nhau. Huyền thoại về những Thiền sư, chỉ cần động tác, cái nhìn, cái im lặng, có thể làm cho đối cơ khai ngộ. Đó là những loại im lặng mà nhà Phật gọi là **“im lặng như sấm sét”**. Thật ra, vì không nghe âm thanh phát ra tiếng, nên gọi là

im lặng, đó cũng là một loại âm, loại âm vô thanh phát xuất từ ý lực; sẽ được nói đến trong những phần sau.

Như vậy, âm thanh là tần số giao động cơ học, tác động đến nhĩ căn người nghe, thì âm thanh tâm lý là tần số giao động tâm thức, không hẳn là siêu âm, tác động đến tâm lực của đối tượng; vì thế mà một số môn phái tâm linh sử dụng “**tâm truyền tâm**” giáo ngoại biệt truyền để tâm ấn tâm. Trong trường hợp này, chủ yếu là ý lực chứ không tùy thuộc vào ngôn ngữ.

Những người bình thường, biểu lộ ý tưởng, tình cảm, phẫn nộ, phiền muộn, đau đớn... hoặc muốn diễn đạt một vấn đề; ngoài âm thanh còn cần đến tâm lý tác động, hay nói cách khác, những âm thanh nghe được một cách bình thường là những âm thanh tâm lý, làm cho người phát và kẻ nhận đều hiểu được nhau. Ngoài ra vô thanh cộng hưởng tâm lý tác động cũng được xem là âm thanh tâm lý làm cho người tiếp nhận hiểu được người phát tác muốn nói gì.

Âm lực tâm lý

Khi tư tưởng ý nghĩ phát xuất một vấn đề, liền tạo ra gợn sóng của từ trường năng lượng sinh thức. Một ý tưởng thoáng qua mang tính vô ký thì gợn sóng sẽ tan loãng; một ý tưởng sâu sắc thì những tín hiệu sóng từ liên kết với chủng thức tồn tại trong alaiya.

Một ý tưởng phiền muộn kéo dài sẽ vây phủ màn u ám làm cho tinh thần suy nhược, đưa đến tự kỷ, trầm cảm.

Một tinh thần trong sáng vui vẻ sẽ giúp cho thân thể khỏe mạnh, yêu đời, trí sáng.

Một ý tưởng hận thù, phóng xuất năng lượng độc hại đến đối phương, sẽ bị phản hồi lại nơi phát xuất, gọi là sóng phản xạ của âm lực tâm lý, nhà Phật gọi là luật nhân quả. Trên nguyên tắc, bị vật cản, sóng sẽ phản xạ, dù là sóng cơ học hay hay sinh học, sóng vật lý hay sóng tâm lý.

Nếu ý tưởng độc hại hướng đến một người hay một sinh động vật, tạo một hạt nhân xấu trong ý thức tâm lý, gọi là đơn nhân. Một người hay một sinh động vật bị thọ nạn từ ý lực đen đó, phát sanh hận thù, đau khổ, tạo một sóng dẫn phản hồi kết hợp với âm lực tâm lý của người muốn hại, tạo một hấp lực phản xạ chờ điều kiện trở quả. Cứ thế mà tạo ra trùng trùng nhân quả tồn tại trong các sóng âm chủng thức.

Vì vậy, không nên tạo ra một ý tưởng tiêu cực để bắn ra những tia độc hại bao phủ bản thân mà còn tác hại người khác. Nếu những ý tưởng xấu, đưa đến hành động xấu thì chắc chắn tác nhân bị trói chặt luật phản xạ của ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp. Một người chế tác nhân xấu đã như thế, một tập thể, một cộng đồng đều hình thành một trường lực tiêu cực đen tối thì chắc chắn tập thể đó ở khu vực đó sẽ không hanh thông trong cuộc sống, vì thế hận thù luôn đeo đuổi, biến xã hội đó có nhiều tội phạm, vô đạo đức. Chính vì thế mà đức Phật cũng như các giáo chủ chân chính đều kêu gọi lòng vị tha, xả kỷ và tình thương vô điều kiện. Ta hãy nghe bài kinh trong Nikaya do Hòa Thượng Minh Châu dịch sau đây:

Như vậy tôi nghe. Một thời Tôn giả Ananda trú ở Vesali (Tỳ-xá-ly), tại Beluvagàmaka (ấp Trúc Lâm).

Lúc bấy giờ gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka đến tại Pataliputta (thành Ba-la-lị-phất) có công việc. Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka (Bát thành) đi đến Kukkutarama (Kê Viên), đến một Tỷ-Kheo, đánh lễ vị này, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka thưa với Tỷ-Kheo ấy:

- Bạch Tôn giả, Tôn giả Ananda nay an trú ở đâu? Chúng con muốn gặp Tôn giả Ananda.

- Nay Gia chủ, Tôn giả Ananda nay ở Vesali, tại ấp Beluvagamaka.

Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka, sau khi làm xong công việc ở Pataliputta, liền đi đến Vesali, ấp Beluvagamaka, đến Tôn giả Ananda. Sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama người ở thành Atthaka thưa với Tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

- Nay Gia chủ, có pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa

được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

- Bạch Tôn giả Ananda, pháp độc nhất ấy là gì, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

- Ở đây, này Gia chủ, Tỷ-Kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: "Sơ Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nên Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, vị Tỷ-Kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-Kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và

an trú Thiền thứ ba. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ ba này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-Kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy suy tư và được biết: "Thiền thứ tư này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-Kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán,

Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-Kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... Với tâm câu hữu với hỷ... Với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Xả tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự việc gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-Kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-Kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết: "Không vô biên xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-Kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Vị này suy

tư và được biết: "Thức vô biên xứ định này là pháp hữu vi do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Lại nữa, nay Gia chủ, Tỷ-Kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này suy tư và được biết: "Vô sở hữu xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-Kheo nào, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát, được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Khi được nghe nói vậy, Gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka bạch Tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong một lúc tìm được mười một kho tàng cất giấu. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe một lần mười một pháp môn bất tử. Bạch Tôn giả, như ngôi nhà người ta có đến mười một cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, chỉ với một cửa bất tử trong mười một cửa bất tử này, con có thể đạt được sự an toàn cho con. Bạch Tôn giả, đệ tử các ngoại đạo này sẽ tìm cầu tiền của cúng dường cho vị thầy của mình, sao con lại không cúng dường cho Tôn giả Ananda?

Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka cho mời hợp Tỷ-Kheo Tăng ở Pataliputta và Vesali, tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, tặng cho mỗi Tỷ-Kheo, mỗi vị một cặp y, tặng cho Tôn giả Ananda ba y và xây dựng một Tăng xá trị giá năm trăm đồng tiền vàng (hay có năm trăm Tăng phòng) cho Tôn giả Ananda.

Đoạn kinh trên cho thấy Tâm dẫn đầu các pháp, **Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt.** Ý tưởng là một âm lực vô thanh tác thành nhân quả; là một năng lực tâm lý vô ngôn mạnh hơn cả âm thanh hiển lộ. Nói cho cùng, dù vô thanh hay hữu thanh đều là âm lực tâm lý tạo nên chủng tử nhân quả tồn tại trên tần số của dạng sóng siêu âm.

MINH MÃN

04/7/2012

Thứ Tư, ngày 11 tháng bảy năm 2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 3



SIÊU ÂM

Siêu âm là dạng sóng âm cao hơn mức bình thường, ngoài 20.000Hz, tai không nghe được; hạ âm cũng thế, chúng dao động dưới mức 20Hz, tai không nghe được.

Siêu âm vật lý và siêu âm sinh học

Siêu âm vật lý áp dụng trong nhiều ngành nghề do khoa học thực hiện. Áp dụng trong y khoa như: Đo nhịp tim, chẩn đoán động mạch vành, theo dõi huyết áp, nội soi, siêu âm thai nhi. Siêu âm dùng trong công nghệ thực phẩm, công nghệ xây dựng. Trong công nghệ quốc phòng, vũ khí và ngay cả tham cứu vũ trụ. Hiện nay khoa học còn áp dụng tần số siêu âm

để diệt khuẩn và các hóa chất độc hại trong nước thải mà không cần dùng chlor, xử lý những vùng đất bị ô nhiễm. Khi tần số siêu âm cực đại, có thể tải một số năng lượng đáng kể. Theo giáo sư Timoty Mason tại đại học Coventry, Anh quốc, thì siêu âm cực mạnh sẽ tạo ra phản ứng hóa học phát sinh một nhiệt độ cực cao tạo áp suất tăng quanh vùng làm nổ tung các phân tử hóa chất độc hại trong nước, diệt vi khuẩn, vi trùng trong nước. Một tác dụng như thế thì không thể bảo siêu âm cho các sản phụ hay cơ thể con người mà không có tác hại. Cho dù tần số nhỏ, nhưng áp dụng lâu dài và nhiều lần thì hiệu ứng sinh học của siêu âm cũng không tránh khỏi sự phơi nhiễm cho thai nhi và sản phụ.

Ngược lại, sóng siêu âm phát xuất từ cơ năng sinh học đều là loại sóng âm có hiệu quả cao nhất, ngoại trừ sinh vật đó bị rối loạn hệ thần kinh. Sóng siêu âm ở con người rất hiếm, chỉ xuất hiện nơi các hành giả tâm linh, những bậc chứng đắc. Phần lớn thì một số loài động vật đặc biệt như cá heo, linh trưởng, dơi và vài loài cá, ếch. Người ta cũng thí nghiệm sóng siêu âm để điều khiển chó nghiệp vụ. Do tần số siêu âm của hệ thần kinh sinh động vật mà kỹ thuật tạo ra máy phát sóng siêu âm để đuổi muỗi, gián, chuột và những côn trùng độc hại.

Siêu âm là loại âm thanh mà một số loài động vật sử dụng như cá heo, tuy con người không nghe được, nhưng âm lực đó giúp cho những cơ phận của con người lành bệnh, vì tần số siêu âm từ cá heo tương thích và tác động đến sóng âm trong cơ năng sinh lý của con người. Từ đó, y học cũng sử dụng siêu âm vào vấn đề chữa trị và nhiều lãnh vực khác.

Trong những chấn động lực của khí quyển, địa tầng, hải lưu, các chấn lực kể đôi khi chưa nhận được tín hiệu mà một số loài động vật đã cảm nhận được những biến đổi bất thường sắp xảy ra. Một vài nhà khoa học cho rằng động vật có giác quan thứ sáu do tuyến Tùng phát triển, nhưng thật ra, tần số siêu âm hoặc dưới hạ âm của những động vật đó đã cảm ứng được những tần sóng dao động trong không khí, dưới biển cả, trong lòng đất.

Ngày xưa, kinh nghiệm của tổ tiên, nhìn chuồn chuồn bay biết nắng hay mưa; nhìn kiến di chuyển mồi và trứng biết sắp có lụt; nhìn thú rừng hoảng loạn bất thường biết sắp có thiên tai. Hoặc kinh nghiệm nhà nông, mùa xoài trụng thì mùa lúa thất; nhìn mông dài trên trời thì biết là nắng, thấy mông ngắn biết sắp mưa... Tất cả những hiện tượng trong không gian đều báo hiệu cái gì đó sắp xảy ra, điềm lành cũng như điềm dữ. Vì thế, cổ nhân đã sáng tạo ra quẻ dịch.

Dịch lý là lẽ biến thiên của vũ trụ, do những kinh nghiệm đó mà cổ nhân sắp xếp từng hiện tượng trên 64 quẻ, những hào quẻ đó biến hóa vô cùng

dựa trên hồ quái, biến quái mà luận đoán những sự kiện sắp diễn ra, gọi là dịch học. Sinh vật cảm ứng bằng tần sóng siêu âm. Ngoại trừ một số bậc chứng ngộ tuệ giác, tiếp nhận mọi hiện tượng bằng chân động lực vũ trụ và sinh học mà biết trước sự việc. Những chân động lực tạo nên sóng âm tồn tại trong không gian cho dù quá khứ xảy ra khá lâu. Các minh sư, Thánh nhân, Phật, Bồ Tát căn cứ vào hiện tượng âm dịch tồn tại đó mà biết được quá khứ.

Tất cả mọi sinh vật đều có ngôn ngữ riêng, mỗi âm ngữ có một tần số cá biệt; chúng giao tiếp nhau qua sóng âm tương thích của mỗi loài; nhỏ nhiệm như loài kiến, côn trùng, sâu bọ, cho đến voi, ngựa, trâu bò rắn rết, dê chó... Chúng đều có tình thức chứ không phải vô tri như một số tôn giáo Thần học quan niệm.

Ngay cả thế giới vô hình, thấp như ma quỷ, cao hơn là Atula và chư Thiên cũng có âm ngữ để truyền đạt cho nhau. Ngày nay, khoa học chưa thăm thấu đến thế giới siêu lý đó, nhưng qua kinh nghiệm của những nhà ngoại cảm thì thế giới âm cũng biết tỏ bày ý nguyện mà thế giới loài người chưa cảm nhận được, phải truyền đạt qua trung gian nhà ngoại cảm. Riêng cảnh giới cao thì chỉ có các minh sư, cao Tăng chứng đắc mới tiếp nhận được sóng âm của họ.

Trong kinh Pháp Hoa nói đến Bồ Tát Diệu Âm, một bậc Bồ Tát từng diễn tấu mười vạn nhạc khí khác nhau để cúng dường Đức Vân Lô Âm Như Lai. Diệu Âm tiếng Phạn là Gadgadasvara. Gadgada là diệu, svara là âm. Diệu là huyền nhiệm, âm là dung thông; vị Bồ Tát dung thông âm lực một cách tự tại huyền nhiệm. Ngài thông thấu mọi âm ngữ của chúng sanh, dùng âm ngữ diệu pháp để diễn đạt diệu pháp dưới mọi hình thái độ chúng sanh đủ mọi căn cơ trong mọi tướng trạng. Đó là loại âm ngữ dung thông tam giới. Bồ Tát Diệu Âm do hành pháp thiền giải nhất thiết ngôn ngữ của chúng sanh nên thành tựu nhiều công đức và độ thoát vô số chúng sanh nhập vào tri kiến Như Lai. Vì diệu âm ngữ của Bồ Tát từ chân tánh mà biến hiện ra mọi ngôn ngữ thích hợp với căn cơ mọi loài.

Yếu tính âm lực sẽ được nói đến trong những phần sau, để thấy rằng, âm lực nằm trong mọi dạng thức của cuộc sống, chứ không chỉ là âm thanh thông tục của mọi loài sinh động vật. Siêu âm cũng vậy, không chỉ là tần số vượt ngưỡng bình thường của tai nghe mà nó còn là trạng huống của âm lực siêu thức mà ngày nay khoa học chưa chạm tới được.

Cho dù âm lực ở trạng thái hạ âm hay siêu âm cũng đều là thể hiện một nghiệp thức của chúng sanh. Hành giả quán âm có trách nhiệm chuyển hóa chúng lên tần số sóng âm siêu thức.

Siêu âm vật lý là tần số sóng âm phi thức có khả năng kích hoạt và phản xạ. Hiệu quả hạn chế trong thế giới vật chất.

Siêu âm sinh học là sóng âm có tần số với khả năng truyền đạt ý thức. Hoạt dụng đa dạng tùy tình thức của chủng loại sinh vật. Khoa học chỉ tìm hiểu được khả năng siêu âm của một vài loại động vật mà chưa am hiểu nội dung truyền đạt như một âm ngữ của chúng.

Trong những sóng âm sinh học, không chỉ phát xuất từ tâm thức của từng chủng loại, mà hoạt động của từng tế bào thần kinh cũng lưu xuất tần số nhất định lan tỏa vào năng lượng sinh thức cho những thông tin về cảm trạng, về sức khỏe, về tâm thức của mỗi loài.

Hạ âm và siêu âm, không chỉ là trạng thái của tần số sóng âm mà còn biểu hiện một trạng thái tâm thức của chúng sanh. Nhu cầu nhuộm màu vô minh dục vọng là những sóng âm hạ liệt của chúng sanh trong lục đạo ba cõi. Khi sóng âm hạ liệt được chuyển hóa vào tần số rung động thanh khiết cực mạnh của tâm thức thì siêu âm trở thành siêu thức, một âm lực có khả năng chuyển hóa và thông hiểu mọi âm ngữ của chúng sanh.

Bồ Tát Quán Âm không chỉ lắng nghe mọi nhu cầu hạ liệt khổ đau của chúng sanh mà còn là một hành giả trong mỗi chúng sanh tự chuyển hóa mọi khổ đau của chính mình bằng một năng lượng thanh khiết qua sóng âm siêu thức.

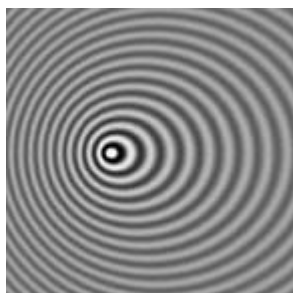
Mỗi hành giả quán âm là một công hạnh của một Bồ Tát Quán Âm vận hành tự tánh nội thể để lắng nghe mọi nhu cầu hạ âm của chính mình hầu chuyển hóa thăng hoa siêu thức vào tần số siêu âm; đó là chuyển thức thành trí trong quá trình tu tập tâm linh mà dưới nhãn quan khoa học hiện đại vẫn chưa đủ khả năng minh chứng.

MINH MÃN

10/7/2012

Thứ Hai, ngày 23 tháng bảy năm 2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 4



ÂM LỰC

Trong cuộc sống thường ngày, mấy ai để ý những chấn động lực quanh ta và trong ta. Từ đại dương mênh mang đến rừng núi bạt ngàn, từ trao đổi tâm sự của con người đến tình bạn của loài vật, từ thiên hà, ngân hà vũ trụ đến những hoạt động của từng tế bào sinh vật, từ không gian bao la đến địa tầng quả đất... không lúc nào âm thanh ngơi nghỉ. Chúng là nguồn sống và sự tồn tại của muôn loài. Ở một góc độ minh triết, âm lưu vũ trụ và âm lưu nội thể của từng sinh vật là một âm lực hằng hữu, là nguyên tố vật chất đầu măt. Có bao nhiêu dạng thể trên mặt đất, trong không gian là có bấy nhiêu âm giai khác nhau tồn tại. Chúng không phải là một dạng thể vô cơ, chúng không là hiện tượng vật lý thuần túy. Linh hồn sự sống muôn loài nằm trong chúng, chúng là sự sống của muôn loài!

Âm ngữ đại dương

Vô lượng thời gian trôi qua, đại dương có mặt trước khi con người có mặt, vũ trụ có mặt trước khi đại dương ra đời; cứ như thế mà từng đêm giá rét, đại dương thì thâm với gió, những ngày nắng cháy khô cằn, cũng chỉ có gió tâm sự cùng đại dương; nguồn sống là đó và cũng bắt đầu từ đó.

Triết Ấn xa xưa, có những học phái quan niệm lửa là nguồn gốc sự sống thì cũng có phái bảo nước là nguồn gốc của muôn loài; nhưng không ai hiểu được tiếng nói của lửa trong cơn thịnh nộ, tiếng âm i của nước lúc biển cả lặng yên. Ở một góc độ chuyên biệt, triết lý về cuộc sống khởi nguồn từ sắc màu đơn điệu. Cuộc sống vô vàn sắc tướng đã phát sanh vô vàn triết lý với vô vàn góc độ tầm nhìn khác nhau. Tạm cất những góc độ muôn màu khác nhau, hãy lắng nghe tiếng nói đại dương mà con người là một thành phần trong vô vàn nhịp sống đang tồn tại.

Chúng ta quên rằng, đại dương tuy mênh mang nhưng đại dương vẫn có tiếng nói hằng hữu, đó là âm vang của giao tác từ vũ trụ, từ giông bão, từ gió và nắng, từ thủy tộc giao hòa, để rồi, giữa khuya lữ khách ngắm trăng,

lặng nghe biển rì rào tâm sự, trải rộng lòng người mà cảm nghiệm âm lực cùng đại dương!

Khoa học có những bước tiến khá sớm để hiểu rằng biển âm thanh tràn ngập khắp đại dương. Cũng như vũ trụ, không gian tràn ngập sóng âm mà có những đêm khuya, trên phương tiện máy móc, nhà khoa học lắng nghe vô vàn tín hiệu. Những tín hiệu do con người bắn đi vào vũ trụ mong có sự phản hồi, rồi cũng tiếp nhận được những âm điệu tuông như vô nghĩa, có lúc trùng lặp, có lúc tiết tấu âm điệu dường như muốn gửi gắm tâm sự với con người, để rồi, cái hiểu hạn chế của con người dù là khoa học, cũng chỉ đối diện với bức tường bao la của vũ trụ ngăn cản sự hiểu biết giữa thiên nhiên và nhân loại.

Trở về với lòng biển cả, ngành hải dương học, ký âm học, tìm hiểu ngôn ngữ của các loài thủy tộc. Trong đó, những sinh vật có vú, tầm trí tuệ cao hơn, có nhận định nhiều hơn bằng giác quan siêu âm một cách kinh ngạc. Ví dụ, cá heo mõm trắng phát tín hiệu siêu âm định vị ở tần số 150.000 Hertz. Cá voi Pseudorca biết hát và huýt gió và còn biết khóc để định vị khi lạc bầy. Người ta còn ghi âm được tiếng hát của cá heo Đại Tây Dương. Đừng tưởng rằng âm tiết của động vật đại dương đơn điệu. Kỹ sư âm học Mark Fischer đã phát minh ra những âm cụ ghi nhận âm thanh của các loài cá, vì thế mà nghe được tiếng hát của cá voi, cá heo thật hay. Đặc biệt tiếng khóc của cá voi lưng gù khi lạc bầy với tần số thật thấp. Tâm thức tiên bộ của loài cá voi, cá heo, chúng biết sử dụng tiếng vang để định vị thay vì dùng thị lực đã bị hạn chế ở độ sâu của đại dương. Chúng phát ra âm vang để định vị đối tượng, vật cản từ xa, còn phân biệt được vật cản cứng, mềm và hình dạng của một đối thủ. Tiến sĩ Vincent Janik thuộc phòng động vật có vú biển của đại học St Andrew của Mỹ đã phát hiện loài cá heo mũi khoằm chúng gọi nhau bằng tên như con người vậy.

Khác với cá voi, cá heo tạo âm thanh bằng tiếng động của không khí trong đầu chuyển theo tần sóng về phía trước. Các loài giáp xác sử dụng vỏ cứng để tạo âm thanh thì các loài da mềm tạo âm thanh bằng sự chuyển động của cơ thể. Hầu hết, âm thanh là phương tiện để các loài thủy tộc hiểu nhau, liên lạc với nhau. Trong đại dương có vô vàn động vật thì có vô vàn âm tiết khác nhau tạo thành một âm thanh nền. Thêm vào đó, giao động của biển, ma sát với gió, tác động của mưa, sấm sét, sự chuyển động địa tầng, núi lửa và khí lưu hòa thành bản nhạc thiên nhiên kỳ vĩ.

Chính nhờ tạp âm giao hòa làm thành nền cho một âm lực thiên thu của biển. Âm từ vô biên muôn thuở, ngày nay bị khoa học tiến bộ can thiệp

quá sâu, tác hưởng đến các sinh vật thủy tộc, làm suy giảm giọng tộc của các loài, vì thế mà có hàng loạt cá voi, cá heo bỏ mạng giạt trôi vào bờ. Như năm 2002, hàng loạt cá voi bị mắc cạn ở vùng biển Canarias vì bị xuất huyết não và nội tạng bị tổn thương. Hàng triệu loại cá nổi trôi trên mặt nước như tấm thảm làm ô nhiễm môi sinh... Không chỉ là hậu quả của dầu khí, của chất thải công nghiệp, hoạt động tàu thuyền chiến hạm, thử nghiệm vũ khí hóa học mà quan trọng nhất là sóng âm của những nhà khoa học mần mò dò tìm hiệu quả của tác dụng siêu âm, làm chấn thương não bộ và cơ năng sinh lý của những loài thủy tộc. Do vậy, môi trường âm thanh từ lòng biển có thêm những âm thanh cơ giới.

Âm thanh vật lý là loại mà âm lưu sinh học không mong muốn. Tùy mỗi loại âm thanh khác nhau có ảnh hưởng từng loại động vật biển khác nhau. Từ những tạp âm đó đã làm nên những kỳ tích của khoa học, tạo thêm kỳ tích tổn hại môi sinh, nước nóng băng tan và các loài cá quý hiếm, mất dần đất sống, mất khả năng định vị, hoặc bị tuyệt chủng, đó là dạng phản ứng sinh lý mà loài người gọi là stress.

Định vị âm thanh (sonar), khai thác dầu khí, vận chuyển tàu biển, thử nghiệm vũ khí... là những nguyên nhân đe dọa mạng sống của loài cá heo, cá voi, vì chúng sống, tìm môi, tránh tai nạn, liên lạc nhau bằng sóng âm thính giác. Tiềm nghi khoa học ngày nay đã làm xáo trộn cơ năng sinh lý của chúng, đưa chúng vào thể tự hủy.

Tính tương tác

Trên mặt đất cũng như trong không gian, vô số sóng âm, tín hiệu sóng từ, do môi trường thiên nhiên tạo tác, cộng thêm sóng dẫn do con người sáng tạo, tuy là mạng lưới chằng chịt, nhưng mỗi tần số có tần sóng riêng biệt nên khó bị nhiễu âm. Những sóng âm tai người nghe được vào lúc khuya thanh vắng như tiếng côn trùng, tiếng ve là những âm thanh nên ít ai lưu ý. Đó là những âm thanh ở trong đồng bằng, rừng núi. Ra bãi biển, ta lại nghe tiếng rì rào của sóng. Nếu bịt tai hoặc dùng vỏ ốc áp vào tai, ta chỉ nghe tiếng hải triều; cũng động tác đó, ta vào phòng kín thì âm thanh vi vu như ruồi muỗi, hoặc dùng ly thủy tinh, bình thủy đựng nước nóng, áp vào tai, ta nghe tiếng o o càng lúc càng lớn đến độ khó chịu. Ở thành thị, tuy bịt kín tai ở trong phòng vắng, vẫn nghe tiếng máy nổ, tiếng xe, mọi âm thanh thường nhật. Tại sao???

Tùy từng môi trường, do cộng hưởng âm lực tại chỗ tác động vào tần số não bộ mà âm thanh tồn tại đó xuất hiện trong màng nhĩ cho dù tai bịt kín. Trong không gian không có sóng âm, tiếng o o xuất hiện, vì không bị tạp âm nào bên ngoài tác động. Một thử nghiệm khoa học, Steven Orfield cho biết, tại căn phòng cách âm tuyệt đối ở South Minneapolis nước Mỹ,

dùng để đo lường chất lượng các sản phẩm kỹ nghệ, ông ta thách thức bất cứ ai có thể ngồi lâu trong căn phòng này, nó yên lặng một cách lạ thường, người ta chỉ còn nghe được tiếng nhịp đập con tim hay hơi thở của chính mình. Một phóng viên chỉ ngồi lâu nhất được 45 phút trong đó. Khi vào đó, không bao lâu con người sẽ mất phương hướng do bị cách ly âm thanh, như thế, chứng tỏ ngoài ánh sáng tự nhiên, mọi sinh vật định hướng cho sinh hoạt nhờ âm thanh. Theo Guinness, đây là nơi yên tĩnh nhất thế giới.

Từ đây, ta có thể hiểu tính cộng hưởng âm lực trong vũ trụ và trên mặt đất. Trong y khoa có danh từ gọi là “tự kỷ”, “trầm cảm” hoặc “thần kinh phân liệt” để ám chỉ cho những người không bình thường. Theo bác sĩ kết luận, cho đây là hậu quả của việc chấn thương tâm lý như: thất vọng, trượt thi, căng thẳng trong gia đình và cuộc sống bị thất bại, bất mãn... đã tạo cho vỏ não thiếu chất truyền dẫn thần kinh serotonin; bệnh nặng sẽ đưa đến “ảo thanh”, nghĩa là trong tai luôn nghe những âm thanh lạ và xúi dục hành động lệch lạc đối với tự thân hoặc làm tổn hại kẻ khác. Nếu tâm thần phân liệt đưa đến hậu quả ảo thanh thì sao không có ảo thanh tốt đẹp hơn? Cũng không hiếm trường hợp một người bình thường, khỏe mạnh, có cuộc sống ổn định, không có tiền sử thần kinh, thế mà vẫn bị ảo thanh quá nhiều xúi giục bạo lực.

Như đã biết, hạ âm và siêu âm không chỉ lần mức độ âm thanh ngoài ngưỡng tai của chúng ta, nó còn hàm dưỡng tính chất tiêu cực và tích cực. Ví dụ: Một chuyên gia công nghệ thông tin người Anh tên Vic Tandy làm trong phòng thí nghiệm Đại học Coventry, bỏ ra 5 năm để quan sát các hiện tượng ma trong những lâu đài hoang phế, ông ta kết luận:

"Những bóng ma ở đất nước này có nhiều lý do để đi dọc theo các hành lang và tháp canh của những lâu đài và biệt thự cổ vì gió biển mạnh thổi nhanh trên khắp các hòn đảo nước Anh", Tandy nói. "Những cơn gió đã tạo ra sóng âm ở một dải tần số đặc biệt, mà cho đến gần đây các nhà nghiên cứu vẫn không ghi nhận được. Người ta thường nhìn ra hiện tượng được tạo bởi những sóng âm này là những con ma".

Thanh kiếm ông ta treo lơ lửng trong phòng tự nó chuyển động, hạ thanh kiếm xuống, tự nhiên một tiếng động tràn ngập căn phòng; ông ta kiểm tra tất cả máy móc trong phòng, tắt bộ thông gió của máy điều hòa, thì âm thanh biến mất. Đây là tần số của sóng hạ âm. Sóng hạ âm trong phòng đo được trong phòng thí nghiệm có tần số 18,98 Hz, tương đương tần số chuyển động của nhãn cầu con người. Và ông ta nói:

"Không phải là ngẫu nhiên mà các bóng ma thường được nhìn thấy đi dọc theo hành lang khi gió thổi mạnh trên các bức tường", nhà nghiên cứu dẫn chứng cho giả thuyết của mình.

Hạ âm là tần số thấp mang âm tính tiêu cực. Siêu âm là tần số cao mang dương tính tích cực, khi sóng vô não ở tần số hạ âm, luôn tương thích với âm tính tiêu cực, thường có ảo giác, nhất là bộ phận nghe tiếp nhận sóng âm tiêu cực, gọi là ảo thanh. Phân thị giác luôn giao tiếp sóng âm tiêu cực gọi là ảo giác. Vì nhãn thức và nhĩ thức tương thích với sóng hạ âm nên phát sanh ra nhà ngoại cảm. Đó là hiện tượng cộng hưởng tần số của sóng âm. Người có khả năng ngoại cảm hay bị nhiễm xạ tần số hạ âm luôn nghe ảo thanh, luôn thấy thế giới vô hình, nếu không tự mình giải cứu khỏi môi trường đó, hoặc không được một bậc thầy tâm linh có nội lực cao cứu vãn, lâu ngày trở thành điên loạn, một loại điên loạn thần kinh tâm lý chứ không phải do tai nạn vật lý.

Hạ âm trên biển cả cũng từng tạo ảo giác cho người đi biển, họ nghe tiếng kêu la than khóc hay những hình ảnh chập chờn ma quái. Do tần số hạ âm phủ trùm mặt biển giao tác với mật độ ion trong không khí mà có.

Trong phòng thí nghiệm của giáo sư Masaru Emoto, Nhật Bản, chuyên gia nghiên cứu về tác động ngôn ngữ đối với con người và môi sinh đã dẫn chứng âm lực tác động lên mọi vật do xung động với từ trường tạo ra lực. Đã là xung lực thì tạo ra những bước sóng khác nhau mà từ đó, khoa học thiết lập điện não đồ, điện tâm đồ. Trong phòng thí nghiệm, giáo sư truyền âm lực vào ly nước đông lạnh bằng lời chúc lành tốt đẹp, các tinh thể có cấu trúc đẹp và sáng, ngược lại, một ly nước khác giáo sư truyền vào một âm lực tiêu cực, cấu trúc tinh thể nước sẽ dị dạng và xấu.

Nhưng độc đáo hơn cả là một thí nghiệm khác của GS Emoto trên những hạt cơm, được đựng trong 3 chén chén như nhau. Emoto đã tập trung hết tư tưởng và nói với chén cơm thứ nhất "Cảm ơn bạn", với chén thứ hai "Đồ ngu" và không nói gì với chén thứ ba. Ba ngày sau, kết quả: chén thứ nhất lên men nhưng có mùi thơm dễ chịu; chén thứ hai thì cơm bị mốc đen và có mùi thiu khó chịu; còn chén thứ ba cơm bị mốc xám và có mùi chua.

Chưa dừng lại thí nghiệm ở đây, sau đó Emoto đem cả 3 chén cơm đến một lớp ở trường tiểu học, nhờ các em học sinh lần lượt tập trung ý chí nhìn vào từng chén cơm và nói lời "Cảm ơn". Kết quả bất ngờ: không lâu sau đó, cả ba chén cơm đều chuyển thành mùi dễ chịu, kể cả chén cơm thiu mốc đen do bị nói là "Đồ ngu"!

Tương tự, GS Emoto cũng thí nghiệm đối với thực vật, cụ thể là cây hướng dương. Ngay trước lúc gieo hạt, ông phân hạt giống thành hai túi. Một túi có nói và viết hai chữ “Cảm ơn”, còn túi kia là hai chữ “Đồ ngu”. Trong giai đoạn hạt nảy mầm và thành cây cũng vậy, hằng ngày khi chăm sóc, mỗi nhóm đều được ông tiếp tục nói lời “Cảm ơn” hoặc “Đồ ngu” tương ứng. Kết quả: nhóm được nói lời “Cảm ơn” cành lá phát triển xanh tốt, còn nhóm “Đồ ngu” thì cành lá quăn queo thưa thớt.

Trong tác phẩm nói về sự minh triết trong cuộc sống, tác giả Darshani Deane kể lại đứa bé ba tuổi bú sữa mẹ đã chết sau khi cha mẹ cãi lộn với lời lẽ cay độc, cơ thể thâm tím, khám nghiệm cho biết bị nhiễm độc sữa do máu tiết ra. Đây là hậu quả do lời lẽ cay độc giữa hai vợ chồng tiết ra độc tố trong cơ thể người mẹ.

Tính cộng hưởng tần số hạ âm (tâm lý) như thế thì việc cộng hưởng siêu âm (tâm lý) cũng mang tính tích cực.

Một năng lượng khác cũng từ ngôn ngữ mang tính tích cực, giáo sư Shinichiro Terayama, giám đốc hội y học Nhất Thể Nhật Bản, bị ung thư thận, tự chữa bằng năng lực siêu âm tự thân, hàng ngày ông nói lời cảm ơn với cuộc sống, mọi vật, vũ trụ và con người, quả nhiên, một thời gian sau với tinh thần lạc quan tích cực, giáo sư đã khỏi bệnh. Giáo sư kết luận: Từ con người khỏe mạnh đến tế bào ung thư hư hoại cũng có thể được chuyển hóa hồi sinh tốt lành nếu chúng ta lưu tâm chăm sóc bằng những tình cảm và lời nói chân thành, lời lẽ dịu dàng và lòng biết ơn chân thành.

Tuy hạ âm nằm ngoài ngưỡng nghe của lỗ tai, nhưng cơ thể con người vẫn cảm nhận và bị tác động bởi hạ âm; ví dụ ở trên mạch nước ngầm, trên các phần nghĩa địa, tần số từ 6 Hz trở xuống gây tổn hại sức khỏe, buồn phiền, mệt mỏi, trầm cảm. Và một vài cơ phận tương thích với tần số hạ âm sẽ đưa đến hủy hoại cơ phận đó.

Như vậy, âm lực là một năng lượng được tác động bởi ý thức dẫn sóng tồn tại trong không gian, đó là dạng năng lượng tâm lý. Năng lượng vật chất như sông biển đất đá núi đồi được tích tụ khí âm dương là loại năng lượng vật lý hàm tàng một trường lực vô cơ. Những vùng đất thâm u không có con người xâm nhập, những nghĩa địa lâu năm đều tích tụ năng lượng hạ âm, dễ phát sanh âm khí, đó là dạng sóng âm tiêu cực, có thể tác động đến sức khỏe người sống nếu thâm nhập lâu dài. Địa sinh học không chỉ là môn học áp dụng cho kiến trúc, còn là bộ môn đi sâu vào cảm xạ học để nắm bắt được những âm khí trên cuộc đất mà ngôn từ khoa học gọi là ion hóa trên địa tầng mặt đất. Thường các hầm hố chứa rác, các nghĩa địa đã được bóc dỡ đều tích tụ trường lực xấu có hại sức khỏe cho

người sống trên đó. Trường lực tác động tích cực hoặc tiêu cực đến nhịp điệu sinh học của con người và các động vật.

Âm lực tiêu cực

Từ lâu lắm, khi con người còn hoang sơ, một vài người đã có khả năng giao tiếp với cõi vô hình, có những hành tung trị bệnh, yểm bùa, làm một vài việc mà người bình thường không làm được. Không riêng các nước phương Đông, cận Đông mà ngay cả Tây Phương cũng thường xuất hiện dạng âm lực tiêu cực mà thời Trung cổ bị ghép là phù thủy. Thật ra trình độ dân trí lúc bấy giờ còn thấp, cuộc sống gần với thiên nhiên rừng núi, biển cả, âm khí phủ tràn mặt đất vì mặt bằng chưa được khai hoang quang đãng, sóng nã hạ âm nhạy cảm với hạ âm môi sinh, bắt nhịp với tần số giao hưởng thấp. Mọi chuyển biến trong không gian tác động vào vỏ não, hình thành một tác lực cộng với ý tưởng dẫn dắt đương sự đến hành động mà mọi người cho là có sự hỗ trợ của Thần linh, thường dùng những ẩn ngữ pháp thuật để chữa bệnh, trừ tà hoặc khống chế. Ngày nay vẫn còn tồn tại, Thái, Miến, Lào, Việt, nhất là vùng cao, các thầy mo, vừa là thầy cúng, vừa là thầy pháp, sên, ém, nèm, thư, giải bùa trấn ngải...

Hiện nay, khoa học vẫn chưa lý giải được những hiện tượng đó. Hạ âm vật lý trong điện trường không gian, giao cảm với tần sóng hạ âm vỏ não của người nhạy cảm, cộng với tạp niệm sẽ cảm xạ luồng sóng năng lượng sinh học, hành động được dẫn dắt bởi giao tần hạ ý thức. Người bệnh cùng chung tần số sẽ được giao cảm và hóa giải.

Một số mật ngữ thần phù là kết quả huân tập từ nhiều thế hệ sơ khai của hạ tầng giao cảm với năng lượng ngoại biên, đúc kết, điểm khuyết gia tăng thêm những sáng tạo và kinh nghiệm làm phong phú đa dạng những hình thức huyền thuật. Ví dụ “Trường sinh học nhân điện” là biến thể của một phần nhỏ Yoga, sử dụng khai thông các đại huyệt gọi là luân xa (chakra) để tiếp nhận khí Tiên thiên từ vũ trụ, phục hồi sinh lực khí nội thân giúp tăng cường sức khỏe để tiến hóa tâm linh, đồng thời hóa giải bệnh tật cho những ai có duyên, do tổ sư Dashira Narada, một cao Tăng Srilanka khai sáng. Nhưng ngày nay, tại Việt Nam, một số người được mở luân xa bị các vong lợi dụng thâm nhập. Như tại Biên Hòa - Đồng Nai, một vị đã truyền các vong qua cho những học trò, trong đó có hai chị em ở Mỹ, có học vị có địa vị của một kỹ sư, thế mà bỏ công ăn việc làm, giờ chỉ còn là cái xác bị sai khiến bởi năng lượng tiêu cực.

Thầy pháp thầy bùa là những truyền nhân được kết nạp và thệ nguyện để tiếp nối con đường huyền thuật. Khi xuất sư, thầy truyền cho một số lực lượng để phù trợ hành nghề, trong quá trình luyện tập, đương sự sẽ chiêu

nạp thêm một số vong bất đắc kỳ tử, oan hồn không được đầu thai để gia cố âm bình hành hiệp theo sự sai khiến của thầy.

Bùa Năm Ông, Lỗ Ban hay bất cứ huyền thuật nào cũng đều có một quy luật đạo đức nhất định. Ví dụ Lỗ Ban cấm đệ tử trọng giàu khinh hèn, không sáng mắt trước tiền của, không ngoảnh mặt với kẻ nghèo; đồng thời tuân theo một số tiêu chuẩn sinh hoạt âm thực.

Ngay cả linh phù là những con chữ được vẽ lên giấy cho bệnh nhân uống, thể mà tác dụng không nhỏ. Bệnh nhân bị phân âm của những linh phù không chế, lâu ngày bị ách tắt thần kinh, sẽ không bình thường.

Milarepa đã dùng huyền thuật sát hại nhiều người và mùa màng tại Tây Tạng cũng bằng vào âm lực.

Mọi dạng thức huyền thuật không có mục đích giải thoát đều là tần số hạ âm do lực lượng ngoại biên đen kết hợp với đương cơ tương thích tầng sóng vỏ não. Tất cả những dạng hạ âm tiêu cực, tuy khởi xướng giúp đời, nhưng kèm theo tác hại không ít, vì chúng lẫn quẩn trong vòng nhân quả tử sanh.

Âm lực tích cực

Cũng như hạ âm vật lý khác với hạ âm sinh học và hạ âm tâm lý, siêu âm vật lý cũng khác hẳn với siêu âm tâm lý và siêu âm sinh học.

Hạ âm vật lý và siêu âm vật lý là mặt nổi của âm thanh, ngược lại hạ âm tâm lý, hạ âm sinh học và siêu âm sinh học, siêu âm tâm lý là một hợp thể diệu dụng của tâm sinh lý có một năng lực vô hạn về phương diện tiêu cực cũng như tích cực.

Phần trên đã nói qua về âm lực tiêu cực trong cuộc sống, vậy âm lực tích cực đối với hệ phái tâm linh đem lại hiệu quả nào?

Mật tông là tông phái hàm tàng nhiều mật ngữ mà hiệu quả diệu dụng không thể hiểu dưới cặp mắt khoa học duy vật hiện nay. Mật tông là cách nói chung cho những trường phái về mật ngữ. Bởi lẽ chính tông và tà phái, tuy có những ngôn hành tác ý giống nhau về ngoại tác, nhưng mục đích và tác dụng có hai chiều trái nghịch nhau. Thần chú có khả năng tạo một tần số tương thích tần sóng của vỏ não làm thành một dải vi sóng câu thông với năng lượng vũ trụ, đưa hành giả hòa nhập vào ánh sáng tự tánh.

Nói đến mật tông, lấy Tây Tạng làm tiêu biểu cho một trường phái được truyền thừa qua nhiều thế kỷ, vẫn còn giữ được sắc thái đặc thù và hiệu

quả sâu sắc mà các nước phương Tây đang thâm nhập tìm hiểu và trân trọng.

Mật ngữ còn gọi là mantra, là những âm tiết vô nghĩa nhưng hữu lực, có một tác động hơn cả cơ năng vật lý. Tổ khai sáng mật ngữ là một chuyên gia tâm linh có trình độ tu chứng, thiết kế phẩm mềm vô vi tần số sóng siêu thức. Những âm tiết của mật ngữ là những tín hiệu mà hành giả chỉ cần chú tâm dụng khí để phát âm đúng tần số rung động của vi sóng thì lực tác hưởng sẽ đến. Có những Thần chú chỉ cần lúc ngồi thiền, lắng nghe thật sâu âm ba của mật ngữ thì hành giả tự hội nhập vào ánh sáng của chơn thức. Trong buổi tu tập cộng đồng, sóng não mọi người cùng hòa nhập với tần số mật âm đồng điệu, lực lượng cộng tu sẽ nâng tâm thức đại chúng lên một trạng thái hay gọi là cảnh giới siêu thức. Như nhà thôi miên dùng nội lực tâm thức đưa con bệnh đi vào quá khứ để hiểu được nguyên nhân bệnh tật hiện tại. Tác động cộng hưởng đó đòi hỏi cùng tần số và tần số đồng pha.

Âm, khí và lực là ba yếu tố quan trọng trong việc trì chú. Âm thanh vật lý bị giới hạn trong môi trường và vật cản, nhưng âm lực tâm lý hay gọi là lực lượng tâm linh vượt ra mọi hạn chế vật chất. Khi niệm chú là tâm ý không tán loạn vọng tưởng, ý trụ đầu là khí tụ đó, nguồn sinh lực khí nội thân lưu thông các luân xa giúp hành giả khai thông trí lực và khí lực, vì thế mà phục hồi sức khỏe, xóa tan bệnh tật. Tác động trung tâm năng lực nội thể liên kết với trung tâm năng lực ngoại biên tạo thành một loại vi sóng trong trường năng lượng vũ trụ.

Trì chú là phương cách thay thế tập niệm để trụ tâm vào một âm lực cố định, tâm định là tuệ khai; và lại năng lực mật ngữ là loại sóng âm khi phát ra sẽ cấu thông với lực lượng ngoại biên, nâng tâm thức và trí tuệ lên tầng cao hơn. Mỗi âm lực của mỗi mật ngữ có công năng thần lực khác nhau mang một sắc thái khác nhau, cung độ khác nhau tương thích với một cơ phận nội tạng; vì thế khi xướng lên mật ngôn tạo một chấn động lực nội thể. Tự trung có ba loại ánh sáng chính là Lam-Trắng-Đỏ của dòng quang tử ngoại biên cấu thông với năng lượng nội thể khai mở quang năng tự tánh, luồng hỏa hầu cũng được khởi phát, máu huyết ngũ tạng đều sung mãn. Phương pháp trì chú của Mật tông là cách phối hợp giữa khí lực và âm thanh làm thành giọng hợp lưu, kích hoạt tần số giao động để hấp khí, tẩy trừ; vì thế các sư Tây Tạng thường to khỏe.

Tây Tạng thường kết hợp nghi lễ với nhạc khí: chiêng-trống-tù và linh-não bạt, là những hợp âm hỗ trợ sóng dẫn đưa mật ngôn bàng bạt khắp không gian. Khi chữa bệnh cũng vậy, xác định cơ phận có bệnh tương thích với luân xa đảm nhiệm. Tây Tạng thường dùng cường độ âm thanh

và mật ngôn tương thích với luân xa đó, kích hoạt để nhịp quay của luân xa vào đúng vị trí thì cơ thể được quân bình, trực khí tiêu tan thì bệnh tật giải trừ.

Những bậc cao Tăng thâm hậu, mật ngữ không nhất thiết phải phát âm thành tiếng, các ngài quán tưởng đến Thần chú, lập tức âm thanh vang rền trong tai cùng với ánh sáng chan hòa. Hành giả tu pháp Quán Âm, có thể đi đứng nằm ngồi đều lắng nghe âm thanh bên trong, (không phải ảo thanh của âm lực tiêu cực nói trên), khi nhuần nhuyễn, âm thanh trở nên vắng lặng, sự yên tĩnh đó cũng là loại âm thanh cao cấp mà gọi là âm thanh trắng. Nhà Thiền có giai thoại **“tiếng vỗ của một bàn tay”**, ám chỉ vô thanh cũng là một loại âm thanh, âm thanh tự tánh.

Vũ trụ hình thành với ba đặc tính: Ánh sáng – Âm thanh – Vật thể. Mật tông kết hợp cả ba để hình thành một pháp tu tiến đến giải thoát. Việc chữa bệnh chỉ là phương tiện chứ không phải mục đích của Phật giáo nói chung và Tây Tạng nói riêng.

Tịnh độ tông lấy câu trì niệm lục tự Di Đà cũng là dùng âm thanh đi vào ánh sáng tự tánh. Di Đà là ánh sáng vô tận, trụ tâm niệm Di Đà là trụ tâm vào quang năng tự tánh của chúng ta. *“Lục tự Di Đà vô biệt niệm, trực lao đàn chỉ đạo Tây phương”* tức là mức độ trụ tâm không kể hở, không gián đoạn, là một năng lực câu thông năng lượng ngoại biên, cũng có nghĩa tự tánh và vũ trụ là một năng lượng siêu thức do tận dụng siêu âm sinh thức có kết quả trong tích tắc.

Thiền tuy vô số pháp hành, tựu trung là sử dụng năng lượng siêu âm từ tâm thức. Tuy vô thanh nhưng cũng là loại âm thanh trắng, một âm thanh vô tướng vô tác khởi xuất từ tâm thức an trụ và quán chiếu, tạo thành năng lượng sáng, khai thông nội kinh, hỗ trợ cho các đại huyết thông thoáng hầu phóng xuất kundalini bò dần lên bộ đầu, khai mở huệ nhãn khi tuyên Tụng được kích hoạt.

Một số tôn giáo Thần học dùng cầu nguyện và âm nhạc làm phương tiện hòa nhập cùng Thượng Đế. Tuy hướng ngoại nhưng vẫn hướng thượng nên tạo ra một từ trường sáng. Kết quả không trực tiếp nhanh như các pháp hành nội quán, vẫn đạt một phần năng lượng siêu âm, vì chính bản thân người cầu nguyện chưa thanh tẩy thân tâm một cách tuyệt đối như các hành giả Phật giáo và Tiên giáo. Nhưng lời cầu nguyện cho những mục đích tâm thường thì con đường hòa nhập với năng lượng vũ trụ (hay năng lượng Thượng Đế) vẫn còn xa diệu vợi.

Âm lực vũ trụ và âm lực địa tầng có một tác dụng hỗ tương. Âm lực ngoại biên dương thì âm lực địa tầng âm. Sóng từ địa tầng tốt cho sức

khỏe khi nơi đó không bị những mạch nước ngầm, không bị tụ khí âm hoặc nơi giao nhau của các tia bức xạ. Phong thủy ngày nay phát triển về các loại đá có năng lượng từ trường mạnh, hóa giải các sóng âm độc hại. Các đạo sĩ, các hành giả xa xưa thường ngồi trên các tảng đá để tu luyện, năng lượng của đá có độ rung khá mạnh, hỗ trợ cho năng lượng hành giả. Vì năng lượng của đá có khả năng phân tán âm lượng để tích tụ năng lượng dương quanh khu vực đá.

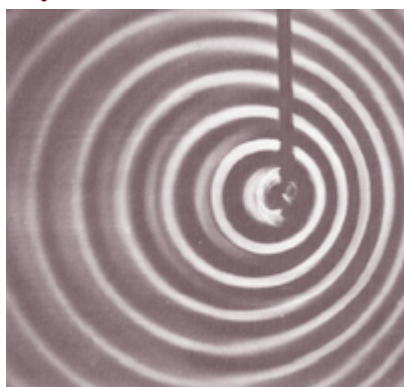
Các bậc Thánh Tăng, minh triết biết sử dụng âm lực để thăng tiến tâm linh, nương ánh sáng, âm thanh và vật thể để chuyển hóa nội lực. Âm lưu nội tại luôn là sóng âm trường lực duy trì sự sống mọi loài. Quán Âm là một trong vô số phương cách tu tập giải thoát.

MINH MÃN

23/7/2012

Thứ Ba, ngày 07 tháng tám năm 2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 5



DIỆU ÂM

Như đã nói, âm thanh là một yếu tố quan trọng song hành với ánh sáng. Ánh sáng là dương thì âm thanh là âm. Thiết định âm dương cũng được áp dụng cho hai giới Nam và Nữ. Con mắt là dương thì lỗ tai là âm. Ông bà thường nói: con gái có lỗ tai, con trai có con mắt; nghĩa là con gái thích nghe lời dịu ngọt, con trai thích ngắm nhìn sắc đẹp; vì thế, Phật Giáo Hòa Hảo có câu: **“Mắt thấy sắc thường ưa bận bịu, tai thích nghe những điệu âm thanh”**. Chính vì thế mà con mắt và lỗ tai, ánh sáng và âm thanh luôn là hai đối cực quấn quýt lẫn nhau, đắp đổi nhau để thiên biến vạn hóa theo dục tính của sanh loại.

Các pháp môn tâm linh, tuy hình thức pháp hành khác nhau, chung quy cũng y cứ trên âm thanh và ánh sáng để thành tựu giải thoát. Con đường trau dồi tâm linh có khác với con đường thể gian khi sử dụng con mắt và lỗ tai, ánh sáng và âm thanh. Ánh sáng và âm thanh của thường tục là hai đối cực quán quyện lẫn nhau, lúc cương lúc nhu để sanh biến. Ngược lại, ánh sáng và âm thanh trong lãnh vực tâm linh là một hợp thể nhuần nhuyễn, đi đến kết cuộc của giải thoát, âm thanh ánh sáng chỉ là một, nghĩa là con mắt và lỗ tai đều có công dụng giống nhau, không những thế, cả lục căn đều có tác dụng như là một.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển thứ 9, Phật dạy: về cấp độ Thiên đưa đến quả vị như Tam Thiên Thiên, Hào quang biến thành âm thanh, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, hạng này gọi là Thiếu Tịnh Thiên. Nguyên nhân nào đạt kết quả như thế? Hãy xem qua kinh điển của nhà Phật. Trong kinh Pháp Hoa có phẩm Bồ Tát Diệu Âm:

“... lúc đó, trong nước Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, từ lâu đã trông các cõi công đức, cúng dường gần gũi vô lượng trăm nghìn muôn ức các Đức Phật, mà đều đặng trọn nên trí tuệ rất sâu, đặng môn Diệu Tràng Tướng tam muội, Pháp Hoa tam muội, Tịnh Đức tam muội, Tú Vương Hỷ tam muội, Vô Duyên tam muội, Trí Ấn tam muội, Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn tam muội, Tập Nhất Thiết Công Đức tam muội, Thanh Tịnh tam muội, Thân Thông Du Hỷ tam muội, Huệ Cự tam muội, Trang Nghiêm Vương tam muội, Tịnh Quang Minh tam muội, Tịnh Tạng tam muội, Bất Cộng tam muội, Nhật Triền tam muội v.v... đặng hàng trăm ngàn muôn ức tam muội như thế...”

Sự xuất hiện của Bồ Tát Diệu Âm trong cõi ta bà này do thần lực hào quang của Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni phóng ra từ nhục kế và từ lòng trắng giữa chặng mày soi đến hằng hà sa cõi nước Phương Đông, trong đó có thế giới tên Tịnh Quang Trang Nghiêm, do Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai làm giáo chủ, ánh sáng đó đã soi đến thân của Bồ Tát Diệu Âm, do vậy Bồ Tát bạch Phật xin qua đảnh lễ Đức Thích Ca Mâu Ni đương kiêm giáo chủ tại cõi ta bà.

Qua công đức của Bồ Tát Diệu Âm, có vô số hạnh môn mà 16 đặc tính trên tiêu biểu cho vô số công hạnh. Một cõi nước tên Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm, hàm ý là một cảnh giới mà tất cả các loại ánh sáng đều thuần khiết, không một bợn nhơ ô nhiễm, đã cấu thành nên cõi như thế, trong biển ánh sáng phủ trùm, tồn tại một Bồ Tát Diệu Âm. Có nghĩa một âm thanh vi diệu ẩn tàng trong nguồn sáng siêu thức đó. Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni từ cõi ta bà phóng quang giao tiếp với cõi nước Tịnh

Quang Trang Nghiêm, soi đến đức Bồ Tát Diệu Âm, nghĩa là trong cõi ô trược này, một vị Phật đã câu thông với cảnh giới ánh sáng và âm thanh để dẫn hiện một âm thanh vi diệu từ tự tánh của mọi chúng sanh. Dĩ nhiên, ai có duyên mới cảm nghiệm và khai ngộ được với tự tánh đó.

Trong quá trình chuyển hóa tâm thức của pháp môn lắng nghe âm thanh, lắng nghe bản chất của tánh nghe để đi đến tự tánh thường trụ vượt ngoài căn và thức, hành giả trở thành tự tánh của diệu âm, của Phật tánh, của tánh giác...

Quá trình công hạnh và chuyển hóa của hành giả Diệu Âm, cho chúng ta thấy: Phẩm Diệu Âm đứng sau phẩm Dược Vương, vì Dược Vương hiện tướng Nhất Thiết Sắc Thân tam muội sau khi đoạn trừ nhục tướng phàm nhân. Đó là công hạnh loại trừ sắc âm, thì hành giả Diệu Âm có công hạnh đoạn trừ thọ âm về thanh trần để đi thẳng vào tự tánh diệu âm.

Khi hành giả thành tựu hạnh môn sẽ nhập vào bốn môn, từ đó tùy cơ ứng hiện hóa độ quần sanh. Vì thế Bồ Tát Diệu Âm đã sử dụng mười muôn ức kỹ nhạc khác nhau, khởi xuất từ diệu âm tự tánh, để cúng dường mười phương chư Phật, đồng nghĩa diệu âm tánh giác phủ trùm khắp mười phương vạn loại.

Tự tánh diệu âm

Hành giả hành trì pháp môn phản văn văn tự tánh, không cần thông qua thể gian âm, đi thẳng vào tánh nghe thường trụ để nhiếp tâm, gần giống với pháp tham thoại đầu, trì niệm vào một công án không ngưng nghỉ. Lãng Nghiêm Đại Định tu chứng viên thông cũng thế, gần giống với phản văn văn tự tánh; một số pháp hành phát xuất từ Lãng Nghiêm do chư Tổ sáng tạo cho thích hợp với căn cơ đương chúng, đều dùng âm thanh để thâm nhập vào tự tánh, đi từ thể gian âm tiến đến sinh thức âm, siêu thức âm nhập vào diệu âm tánh giác. Vì vậy, “**tiếng vỗ của một bàn tay**” là bước nhảy thẳng vào năng lượng siêu âm để cảm nhận âm thanh vượt ngoài âm thanh. Vô thanh là loại âm thanh siêu thức, chỉ có những hành giả tâm chứng mới cảm nhận được. Khi đạt được âm thanh siêu thức, hành giả là một Bồ Tát Diệu Âm, đủ năng lực tiết tấu mọi âm thanh tương thích với âm thanh của từng loại chúng sanh, có khả năng thấu hiểu mọi âm thanh của thể gian. Bồ Tát thành tựu Diệu Âm tức đủ năng lực hiển thị mọi âm thanh sắc tướng của thể gian mà không bị chướng ngại, vì đã vượt qua mọi chướng ngại về âm thanh sắc tướng mới đạt đỉnh của Diệu Âm.

Một số hành giả quán âm không nắm vững tiến trình kinh qua những giai đoạn nội âm, liền bám vào những thành tựu, tự cho là đã đắc pháp, là sở chứng, tự xem mình là Thánh nhân hiện tiền. Giai đoạn đầu tiên của những hành giả tu pháp quán âm, nghe được âm thanh trần tục, tiếng

động cơ, tiếng côn trùng, tiếng nhạc, tiếng người... cho dù được cách ly hẳn với ngoại âm. Tạm gọi là đẳng cấp một; cũng như đứng ngoài biển, dù bịt kín tai vẫn nghe tiếng rì rào của hải triều, do cộng hưởng từ trường tại chỗ; cũng vậy, khi hành giả dù bịt kín tai ở phòng cách âm mà vẫn nghe mọi thứ tiếng. Về đêm nghe cả trùng đế, dù đang ở phố thị, tức hành giả tự thân vẫn còn giao cảm với thế gian âm, chấn động lực thế gian âm và sóng âm hạ não vẫn còn tương thích. Tập âm đã tích tụ trong tiềm thức, khi tu tập, công phu hành trì chưa đủ lực để đoạn trừ, chúng khởi hiện cộng hưởng với ngoại âm. Đó là âm thanh vật lý.

Đến một giai đoạn hành giả tương đối nhiếp niệm, tâm tư ít bị chi phối, thân thể khiết tịnh thì chấn động lực nội thể do đường dẫn của sinh khí lực tác động hệ thần kinh tạo nên những độ rung của giây đàn, hay của phong linh trước gió, chuông nhà thờ, tiếng đại hồng chung... Đó là âm thanh nội thể tâm lý. Tạm gọi là đẳng cấp thứ hai.

Thân thể thuần tịnh với tâm nhiệt thành hướng thiện tu tập, hành giả còn ảnh hưởng tâm lý vọng tưởng, nhưng tâm thức có phần sáng sủa hơn, lúc bấy giờ năng lượng siêu thức võ não tiếp cận với năng lượng sóng âm vũ trụ, nghe nhiều âm thanh thánh thoát vượt khỏi không gian trần tục mà một số nhạc cụ cao cấp thế gian diễn tấu. Bởi vì âm lưu vũ trụ thuần khiết nên âm thanh nhẹ bổng êm dịu. Đó là âm thanh siêu lý. Tạm gọi là đẳng cấp thứ ba.

Hành giả mong muốn nghe được âm thanh hay thấy ánh sáng là một vọng tưởng bị trói buộc không thể tiến xa hơn. Ánh sáng và âm thanh không phải cái đích để đến mà là hiện tượng trải nghiệm trên con đường tu tập. Vì thế, kinh Kim Cang đã cảnh báo hành giả: **“Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”**, còn trụ vào âm thanh ánh sáng là không thể giải thoát khỏi tam giới, vì ánh sáng và âm thanh là phân cực của tục đế. Kinh Lăng Nghiêm, Phật cũng đã cho biết trên 50 loại ám ma xuất hiện từ tâm thức vọng trần của hành giả, thiếu kinh nghiệm sẽ bị dẫn dắt sai lạc.

Đến giai đoạn gà sắp mổ vỏ, nói theo Đạo gia là đã kết Thánh thai, tiểu châu thiên hòa hợp với đại châu thiên, hành giả quán âm đôi khi không còn cảm nhận âm thanh nữa, nhưng âm lưu vẫn bàng bạc trong ngoài vũ trụ. Hành giả sẽ cảm nhận được sự khác thường của tự thân; cái thấy cái nghe, cái biết và mọi hành trạng không còn như xưa. Đây là trạng thái siêu thức chuẩn bị nhập lưu thánh tính. Tạm gọi là đẳng cấp thứ tư.

Trong tiến trình tu tập, hành giả thường quên nhiều thứ nhưng không phải cái quên của kẻ mất trí; đó là giai đoạn thanh tẩy vọng tưởng, cho đến khi

thức thứ tám trở thành **“bạch tịnh thức”** thì trí tuệ phát sanh và nhớ rõ môn một quá khứ vị lai vô số kiếp.

- **Nhãn nhĩ tử thiệt thân thức sau khi giác ngộ sẽ biến thành Thành Sở Tác trí**

- **Ý thức sau khi giác ngộ sẽ biến thành Diệu Quán Sát trí**

- **Mạt-Na thức khi giác ngộ sẽ biến thành Bình Đẳng Tánh trí**

- **Alaya thức khi giác ngộ sẽ biến thành Đại Viên Kính trí**

- **Trí Huệ toàn mãn gọi là Pháp Giới Thể Tánh trí**

Giai đoạn hành giả chưa đạt trí tuệ toàn giác, nếu hành giả không được vị thầy đắc đạo ấn chứng, sẽ hoang mang trước ngã ba đường, cũng không phải là không rõ con đường mình đang đến, nhưng chưa biết vị trí mình đang đứng ở đâu mà thôi. Nói theo Phật giáo, đó là cảnh giới **“không vô biên xứ”**. Hành giả tiếp tục tu tập miên mật, thân thể nhạy cảm với mọi tần sóng và tần số, có thể hiểu được tâm ý của mọi đối tượng. Cảm ứng với sự hướng tâm hay lời cầu nguyện của ai đó đến với mình, tâm hành giả phủ trùm vạn vật, đây gọi là **“Thức vô biên xứ”**.

Các giai đoạn tiến hóa tạm gọi là đẳng cấp, thật ra đó là chứng từng phần chứ tâm linh không có đẳng cấp; còn trụ vào đẳng cấp là tự trói mình vào ngã chấp.

Khi vượt qua giai đoạn cuối để phá vỡ hố đen vây quanh tâm thức như hố đen sẵn sàng nuốt chửng vũ trụ, vượt qua được bức tường đen đó, hành giả hoát nhiên đại ngộ, mình và vũ trụ là một, hành giả và chư Phật là một; vượt thoát sanh tử vĩnh viễn. **“Phi tướng, phi phi tướng xứ”** là trạng thái hành chứng của hành giả đạt đến **“Tứ thánh quả”** (quan điểm Đại thừa về quả vị này ám chỉ quả vị A La Hán chứ chưa phải toàn giác). Cũng như Đức Bồn sư Thích Ca trước khi Thành Đạo, cũng phải vượt qua mọi thử thách hiện tướng của sắc thọ tướng hành thức, đối diện với màn đêm phủ trùm để khi sao mai chợt tỏ cũng là lúc đại ngộ hoát nhiên.

Năng lượng siêu thức và âm thanh siêu thức bấy giờ là một, âm thanh và ánh sáng là một. Diệu dụng của lục căn thanh tịnh là một. **Ý thức sau khi giác ngộ sẽ biến thành Diệu Quán Sát trí**. Ánh sáng trí tuệ của Đức Thích Ca phóng quang giữa chạng mây là một trí tuệ vượt khỏi nhị biên. Câu thông với diệu âm như câu thông với Bồ Tát Diệu Âm ở cõi Tịnh Quang Trang Nghiêm. Bồ Tát địa là cảnh giới của một hành giả với ánh sáng thuần tịnh, trong ánh sáng vẫn là âm thanh, sóng quang và sóng âm là một nguồn gốc khi chưa phân hóa; như giả thuyết Big Bang khi sự nổ phát ra ánh sáng đồng thời cũng phát ra âm thanh, cho dù giả thuyết này

sai hay đúng thì thực tế âm thanh và ánh sáng khi chưa phân hóa, cũng là một. Hành giả tu giải thoát là vượt cái một để trở về chân như tự tánh.

Kể cả thuyết vũ trụ giãn nở hay co cụm, thuyết “Big crunch” (cuộc sụp đổ lớn) đều là quy trình **thành - trụ - hoại - không** mà Đức Phật đã xem như một định luật. Thế thì, một khi vọng niệm móng khởi, vô vàn chủng tử bất thiện phóng xuất, khởi đầu cho một vụ Big Bang xuất hiện trong tâm thức tạo nhân để đủ duyên sanh quả biến thiên hiện tượng. Đó là sự giãn nở tạo ra vô số linh thức và chúng sanh vạn loại mỗi ngày một tăng trưởng trên tinh cầu. Nhưng một lúc nào đó sự giãn nở cực đỉnh, chúng sẽ ngưng tụ và co cụm, cũng vậy, sự phóng đặng của tâm thức, một lúc nào đó cũng phải hồi đầu quy hướng nẻo thiện. Nhà Phật thường nói “**hồi đầu thị ngạn**” hay là “**đồ tể buông dao thành Phật**”. Ông bà bảo: cọp dữ mới tu chứ thần lẫn rắn mới có tu bao giờ! Nguyên lý cực đại sẽ thành cực tiểu. Lỗ đen vũ trụ (black hole) là sự quy nạp mọi tổng thể để xóa mọi thể trạng mà cái còn lại duy nhất là sóng thức; cũng thế, trong quá trình hướng nội, đỉnh điểm tâm linh, mọi tạp thức bị xóa sạch, bị delete, lúc bấy giờ bạch tịnh thức xuất hiện để cho ánh sáng chân như hiển hiện. Các khoa học gia chỉ là người quan sát vũ trụ chứ không tác động xen vào sự vận hành vũ trụ. Cũng thế, một hành giả tâm linh bất cứ pháp môn nào, cũng chỉ là người quan sát khách quan những hiện tượng tâm linh trong tiến trình tu tập chứ không bám chấp, thủ đắc hay toại nguyện với những giai đoạn đang có, vì như thế sẽ dẫm chân tại chỗ, đôi khi thụt lùi và lệch hướng.

Sự tìm hiểu giãn nở hay co cụm cũng chỉ là vọng thức suy diễn của trần tục. Ta hãy nghe đức Phật giảng cho Anan và đại chúng trong kinh Thủ Lăng nghiêm, quyển hai:

Phật bảo A Nan: Tất cả sự vật lớn, nhỏ, trong, ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, ví như trong khuôn vuông thấy có hư không vuông. Ta lại hỏi người: Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định, đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn; nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông. Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa! A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn, chớ nên nói "trừ bỏ tướng vuông của hư không" (khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho bản tâm).

Qua phẩm Bồ Tát Diệu Âm cho ta thấy khả năng diệu dụng của bốn môn và tích môn thể hiện qua hạnh môn, dưới mọi sắc tướng và âm thanh vô

ngai của một hành giả Bồ Tát. Vì thế, kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn nói, diệu âm tự tánh vượt khỏi mọi âm thanh thế gian dù đó là Phạm Âm hay Hải Triều Âm. Công hạnh của Bồ Tát Quán Âm phát xuất từ bốn môn diệu âm.

Âm lưu nội thể và âm lưu vũ trụ

Âm lưu nội thể và âm lưu vũ trụ luôn giao thoa, nhưng năng lượng vũ trụ bị hạn chế khi thâm nhập vào cơ thể bởi vọng tưởng và hoạt não của con người, nhất là tâm tưởng đen tối sẽ chiêu nạp từ trường xấu, cản trở khí tiên thiên trong sáng của vũ trụ. Các hành giả tâm linh đã hạn chế được những vọng tưởng đó, nhất là khi Thiền định, trì tụng, mật niệm, cầu nguyện... năng lượng vũ trụ thẩm thấu qua các đại huyết để nuôi dưỡng khí lực, sung mãn thân sắc. Điều này dễ hiểu cho một thiền giả luôn khỏe mạnh sau khi nạp năng lượng nhiều giờ qua thiền định và tu tập. Giác ngộ cũng giúp năng lượng vũ trụ giao thoa với năng lượng sinh học dễ dàng hơn; do vậy, sau một giấc ngủ, con người tỉnh táo khỏe ra. Trong đĩa VCD “Sự thật về linh hồn” đã giới thiệu cho thấy năng lượng vũ trụ phủ trùm khắp vạn vật, nuôi dưỡng mọi sinh vật, riêng động vật thượng đẳng như con người, biết tiếp nhận để hỗ trợ cho hệ thần kinh vỏ não phát triển, kích hoạt tuyến Tùng khai phát trí tuệ.

Một sinh vật bị hủy hoại các đại huyết thì sinh vật đó sẽ chết, vì không còn chỗ tiếp nhận năng lượng vũ trụ để nuôi dưỡng sự sống, bởi lẽ sự sống không chỉ nuôi dưỡng bằng thực phẩm, chính vì thế mà có những người nhịn ăn hàng chục năm vẫn sống, sự sống đó nhờ vào tiếp nhận khí tiên thiên. Đối với các hành giả tâm linh, họ có khả năng loại trừ mọi bệnh hoạn bằng năng lượng vũ trụ kết hợp với năng lượng sinh thức. Chẳng những thế, họ còn dùng năng lượng tự thể để hoán chuyển nghiệp bệnh cho tha nhân nếu cảm thấy đủ duyên, với điều kiện bệnh nhân phải thành tâm hướng về tu tập, giải trừ nghiệp sát.

Năng lượng vũ trụ là loại diệu âm vi tế ẩn tàng qua dạng sóng và hạt khi xuyên vào khí quyển, nhưng tự thể, không là sóng, hạt, mà sóng và hạt là hiện tượng khi vũ trụ được phóng xuất qua thuyết Big Bang. Cái đích cuối mà khoa học không thể tìm thấy hạt cơ bản, cho dù là hạt Higgs được phát hiện vào năm 1964 mang tên khoa học gia Ái Nhĩ Lan tên Peter Higgs, cũng chưa phải là nhân tố cơ bản hình thành vũ trụ. Khoa học gia căn cứ vào vật chất để tìm nguyên nhân của vũ trụ chỉ là trò chơi cút bắt so với các tôn giáo tâm linh. Chính vì thế mà Đức Phật từ chối trả lời những vấn nạn về vũ trụ từ đâu mà có, sẽ đi về đâu. Thật vô ích khi biết rằng hiện tượng giới phát sanh từ vọng tưởng, một đại mộng vô duyên có!

Tại sao Đức Phật gần ba ngàn năm trước không cần khí cụ khoa học mà vẫn thấy được dạng thể của từng thiên hà, ngân hà vận hành như bánh xe, như giòng nước xoáy, như đóa hoa nở... phải chăng chúng xuất hiện từ tâm thức, cộng nghiệp của mọi chúng sanh??? Phật thấy rõ ba đời quá khứ, hiện tại vị lai của từng sinh mạng mà không phải bỏ công suốt đời tìm tòi của một nhà khoa học để rồi mù mờ, bó tay trước sự bí hiểm của vũ trụ. Vì khoa học gia là những người phóng xuất tâm thức, luôn hướng ngoại nên càng đi xa thực chất. Các nhà tâm linh là hành giả hướng nội, quy tâm tìm ra nguyên nhân của nghiệp thức để chuyển hóa thực tại. Một người uống nước sẽ được giải khát, thực tế hơn là một người truy nguyên hydro và oxy cấu tạo thành nước. Đó là hai trạng thái khác nhau để giải quyết chung một vấn đề.

Mật âm

Kim Cang thừa và một số trường phái thần chú, bùa phép, linh phù đều dùng mật ngữ để thành đạt mục đích. Các thần chú bùa phép mang tính lợi ích trần tục, can thiệp vào nhân quả kẻ khác khi mà đương sự chưa giải quyết hết nghiệp nhân của mình, do vậy các thầy pháp thường lãnh hậu quả hoặc con cháu nhiều đời phải tiếp tục trả quả. Riêng các mật pháp chú hướng giải thoát, tự thân hành giả có mục đích rõ ràng, vì thế khi hành trì không vọng tâm sở cầu.

Mật âm là loại năng lượng được thiết kế phần mềm tồn tại trong vũ trụ, có tác dụng theo chủ đích của người có khả năng tâm linh. Cũng như sóng âm điện thoại, tác dụng theo phần mềm thiết kế của kỹ sư, chỉ cần bấm đúng tần số sẽ liên lạc được. Các hành giả Kim Cang thừa vận hành theo thanh trần để đi vào siêu âm vô não. Những người chưa hiểu tác dụng của âm lực, nên chứng kiến nghi lễ của Tây Tạng cảm thấy hoạt náo. Mật thừa là sự hòa phối bởi pháp cổ của Ấn Độ và triết học Đại thừa Phật giáo, để phân biệt các loại mật giáo của Ấn hay đạo Jaina, đạo Bon... người ta dùng chữ Kim Cang thừa.

Mật thừa Phật giáo xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ V khi giáo lý Đại thừa xuất hiện tại Bắc Ấn. Ngài Long Thọ được xem là tổ khai sáng Mật giáo, truyền vào Trung quốc vào thế kỷ thứ 7, vào Tây Tạng vào cuối thế kỷ thứ 8 bởi Đức Liên Hoa Sanh. Đầu thế kỷ 9, đạo sư Không Hải người Nhật đem về Nhật Bản, gọi là Đông Mật, lấy tên là Chân Ngôn Tông. Mật tông Tây Tạng có 4 giòng phái chính: Cổ Mật - Kagyu – Gelug – Sakya. Từ đây phát triển nhiều chi phái khác. Tùy căn cơ hành giả mà Mật tông có những trường phái thiên về ngoại tướng và nội thể. Chính nghi cách ngoại tướng mà có vẻ rườm rà, nhưng rồi cũng quy hướng nội

thể bằng âm thanh sắc tướng. Thanh trần và sắc trần là phương tiện để nhập vào trí tánh chân như. Riêng Mật Tông Tối Thượng Du Già đi thẳng vào nội thể **“tức thân thành Phật”** như thiền đốn ngộ -**“kiến tánh thành Phật”**. Nhưng Mật thừa dùng quán tưởng về tướng vũ trụ thông qua đồ hình Mạn Đà La để nhập vào chân tánh.

Tuy Mật thừa nặng về âm thanh sắc tướng nhưng vấn đề đặt trên căn bản giáo lý Tánh Không và Bát Nhã, vận dụng tinh thần Hoa Nghiêm – sự sự vô ngại, lý sự vô ngại nên chuẩn đích Mật thừa đi vào đúng lộ trình tâm linh giải thoát. Quan điểm về thế giới Hoa Tạng của vũ trụ thông qua ngũ căn thức để thăng hoa, vì thế năm vị Phật biểu tượng cho sự thăng hoa của năm căn thức gọi là Ngũ Trí Như Lai khi căn thức được chuyển hóa giác ngộ. Để nhiếp niệm ngũ trần thức, Mật âm dùng miên tục hầu thanh tịnh hóa căn trần và căn thức của hành giả.

Mật âm có một năng lực phi thường do thần lực của mỗi vị giáo chủ đảm nhiệm. Nói cách khác, khi hành giả sơ khai thủ đắc một trần thức khai ngộ, lực lượng căn thức đó tự hiển lộ, biến thành mật âm để hỗ trợ cho hành giả kế thừa trên đường tu tập. Từ đó Mật âm, thủ ấn, linh phù và bao động tướng khác phát sanh để đối trị và hỗ trợ. Mật âm nhờ lực lượng tâm linh mà có một chấn động lực mạnh tác động vào tâm thức, hệ thần kinh của hành giả hành trì mật pháp. Khi mật âm ngoại vi hành trì có hiệu quả do định lực của hành giả, căn trần và thức sẽ là một, sóng âm vô não tiếp nhận chấn động lực từ trường vũ trụ để thăng hoa, hòa nhập vào ánh sáng tâm thức. Âm thanh mật ngữ bấy giờ trở thành ánh sáng tâm linh. Mật âm là một chấn động lực tùy thuộc vào âm tiết, cường độ phát âm và sự rung động của sóng âm. Thông thường Mật âm được tiết tấu qua nhạc lễ hoặc xướng tụng, nhưng hành giả chuyên sâu nội thể, mật âm được phát ra từ tư tưởng có một năng lực phi thường. Linh phù thủ ấn họ chỉ cần quán tưởng bằng mắt cũng đạt hiệu quả cao. Bấy giờ mật âm và tâm thức là một. Ý trụ đâu là khí trụ đó, ý lực và khí lực tạo thành một lực lượng bất khả tư nghì. Mật âm là tiếng nói của linh thức, không thể giải nghĩa để đáp ứng nhu cầu trí thức.

Hành giả diệu âm được biểu tượng bởi Bồ Tát Diệu Âm phẩm 24 trong kinh Pháp Hoa, đáng thành tựu vượt thoát mọi thọ tướng và sắc âm để thể nhập Tự Tánh Quán Âm. Tự Tánh Quán Âm là một trong 25 pháp hành được kiểm chứng trình bày của 25 vị Bồ Tát và A La Hán trong kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển thứ 5 và thứ 6, khi Phật còn trụ tại tinh xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt:

Phật hỏi về viên thông, con từ Nhĩ Căn vào Viên Chiếu Tam Muội, Tùy Tâm tự Tại, Từ Sự Nghe Nhập Lưu, cho đến Đắc Tam Ma Địa, Thành Tự Bồ Đề là hơn cả.

Thế Tôn! Như Lai khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm, do con quán âm sáng tỏ mười phương, nên danh hiệu QUÁN ÂM khắp mười phương thế giới.

Diệu Âm là bản thể tánh giác, âm lực vũ trụ và âm lưu nội tại là tướng và dụng. Đi từ tướng đến tánh là hạnh nguyện Quán Âm. Như vậy, âm thanh vẫn là con đường đưa đến tuệ giác như bao pháp môn khác, tùy căn cơ thích hợp mà trạch pháp hành tri.

MINH MÃN

07/8/2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 6

Nhập pháp giới

Pháp giới của Hoa Nghiêm là pháp giới Tạng Thân, ẩn tàng thập diệu huyền môn mà đại biểu cho hành giả xuyên thấu bởi Thiện Tài Đồng Tử học qua 53 vị đại thiện tri thức. Tại sao không một ai khác mà chỉ có Thiện Tài?

Thế giới hiện tượng chỉ là sóng hạt hiện thân của tánh không. Trong một nguyên tử hay một hạt Higgs, đều thấp thoáng bóng dáng khoảng không vô tận, là những dạng hư ảo như hình ảnh trên truyền hình do sóng dẫn hiện hình, như thật nhưng không thật. Theo duy thức, thế giới hiện tượng là hiện tướng của tâm thức, tâm thức như giòng nước chảy xiết, xuất hiện lăm hình tướng, do vậy mà không thường trụ, gọi là vô thường. Thế nhưng, chính mình lại đắm nhiễm hiện tướng vọng niệm đó của mình, như một họa sĩ đam mê sắc đẹp của một kiều nữ trên khung vẽ do mình phát họa. Trong vô lượng pháp môn đưa hành giả trở về thực tánh, Hoa Nghiêm là bộ kinh hùng tráng nhất, hàm tàng mọi tinh túy, mọi tính chất thật của hiện tượng giới.

Hành giả muốn thâm nhập vào thực tướng của hiện tượng để chứng vào thực tánh pháp giới, giải thoát khỏi những giây mơ rã má vọng tưởng, trước tiên phải có tâm thái hồn nhiên, thoát mọi ràng buộc đắm nhiễm trần tục. Đạo học gọi là sơ tâm – **“nhân chi sơ tánh bản thiện”**, cũng gọi

là tâm ban đầu, tức là tâm khi chưa khởi hiện ý tưởng nhận xét phán đoán, đó là một đồng tử.

Thiện Tài đồng tử là một trẻ thơ nhiều thánh tính, có nhiều biệt tài thánh thiện. Khi sanh ra, gia đình sanh nhiều tài vật; muốn tham cứu, học hỏi mọi mặt trong cuộc sống, vì thế Pháp hội do Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền làm thượng thủ, đã hướng dẫn dạy dỗ Thiện Tài thâm nhập vào mọi cảnh giới hữu vi thế tục để dần đưa đến thực tướng siêu thế. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi quán chiếu nhân duyên thiện căn của Thiện Tài Đồng Tử gieo trồng vô lượng công đức với chư Phật trong quá khứ, thường thân cận chư thiện tri thức.

Lúc đó ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, như tượng vương, xoay nhìn Thiện Tài đồng tử mà bảo rằng:

Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Ngươi đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, lại muốn thân cận các bậc thiện tri thức để hỏi Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo.

Nay thiện nam tử! Thân cận cúng dường các bậc thiện tri thức là nhơn duyên trước nhất để được đầy đủ Nhất thiết trí. Vì thế nên công việc này ngươi chớ có mỗi nhàm.

Thiện Tài đồng tử bạch rằng:

Cúi xin đức Thánh vì tôi mà dạy Bồ Tát phải học Bồ Tát hạnh thế nào? Phải tu Bồ Tát hạnh thế nào? Phải đến Bồ Tát hạnh thế nào? Phải thực hành Bồ Tát hạnh thế nào? Phải tịnh Bồ Tát hạnh thế nào? Phải nhập Bồ Tát hạnh thế nào? Phải thành tựu Bồ Tát hạnh thế nào? Phải tùy thuận Bồ Tát hạnh thế nào? Phải ghi nhớ Bồ Tát hạnh thế nào? Phải thêm rộng Bồ Tát hạnh thế nào? Phải làm thế nào cho Phổ Hiền hạnh mau được viên mãn....

.....

Nay thiện nam tử! Nếu muốn thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí thời phải quyết định cầu chân thiện tri thức.

Nay thiện nam tử! Cầu thiện tri thức chớ có mỗi lười. Thấy thiện tri thức chớ có cho là đã đủ. Thiện tri thức có dạy bảo điều chi phải đều tùy thuận. Nơi thiện xảo phương tiện của thiện tri thức chớ thấy lỗi lầm.

Phương nam này có một nước tên là Thắng Lạc. Trong nước Thắng Lạc có tòa núi tên là Diệu Phong. Trên núi đó có một Tỳ Kheo tên là Đức Vân. Ngươi nên đến hỏi Tỳ Kheo Đức Vân: Bồ Tát phải học Bồ Tát hạnh thế nào? Phải tu Bồ Tát hạnh thế nào? Nhẫn đến phải như thế nào để

được mau viên mãn hạnh Phổ Hiền? Tỳ Kheo Đức Vân sẽ chỉ bảo cho người.

Kể từ đây, Thiện Tài Đồng Tử thâm nhập vào mọi giai tầng xã hội, được Tỳ Kheo Đức Vân sau khi dạy dỗ, giới thiệu Thiện Tài đồng tử đến các bậc thiện tri thức như Tỳ Kheo, ngoại đạo Bà La Môn, Tiên giáo cho đến kỹ nữ, chợ trời... mỗi vị, Đồng Tử đều được học một hạnh vượt thoát như sự vượt thoát của sen từ vũng bùn.

Thể tướng pháp giới

Trong Pháp hội nơi rừng Thệ Đa mà đức Bồ đề sư đang được Thánh chúng vô lượng cõi giới xuất hiện, vô số lầu đài hoa trái, mọi tướng trạng tồn tại trong một không gian mà chỉ có chư Bồ Tát mới cảm nhận được. Hàng Thanh Văn chưa đủ căn cơ thấy được sự hiện diện của Pháp hội vượt ra ngoài tri kiến thế gian:

Chư đại Thanh Văn chẳng thấy được thần lực của Chư Phật, cùng chẳng thấy được chúng Bồ Tát.

Ví như người mù đến chỗ châu bảo, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm vẫn chẳng thấy được châu bảo. Vì không thấy nên không lấy được, chẳng dùng được.

Đây cũng như vậy, chư đại đệ tử Thanh Văn dầu ở rừng Thệ Đa thân cận đức Thế Tôn mà chẳng thấy thần lực tự tại của đức Thế Tôn, cũng chẳng thấy được đại hội Bồ Tát, vì không có tịnh nhãn vô ngại của đại Bồ Tát, nên chẳng có thể thứ tự ngộ nhập pháp giới thấy thần lực tự tại của đức Như Lai.

Ví như có người được thanh tịnh nhãn gọi là ly cấu quang minh, tất cả màu tối không làm chướng được. Bấy giờ ở trong đêm tối có vô lượng ức người, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hình tướng oai nghi. Người này ở trong đại chúng đó đều thấy biết rõ ràng. Còn đại chúng đó lại không thấy biết oai nghi tấn thối của người minh nhãn này.

Cũng vậy, đức Phật thành tựu trí nhãn thanh tịnh vô ngại thấy rõ tất cả thế gian.

Đức Phật thị hiện thân thông biến hóa, chúng đại Bồ Tát câu hội. Hàng đại đệ tử Thanh Văn đều chẳng thấy được.

Trong thế giới vật lý, luôn có sự chướng ngại giữa hai vật thể, do sự chướng ngại mà không thể hòa nhập. Bởi vì vật chất là thể thô của vật lý, ánh sáng và âm thanh là thể tế của vật lý. Thế giới vật chất là sự tồn đọng cô đặc bị ý thức chấp chặt. Cùng một hiện tượng vật lý, bậc Bồ Tát không bị chi phối bởi hiện tượng vật lý, chư vị minh sư chứng đắc vô ngại, vì các Ngài có đủ năng lực chi phối mọi hiện tượng vật lý lẫn tâm lý – **“tâm chủ đạo – tâm tạo tác – tâm dẫn đầu các pháp”**. Dưới ánh sáng trí tuệ của bậc chứng đắc, vật lý và tâm lý là một.

Do tâm ô trược làm chấp nên mọi hiện tượng chướng ngại lẫn nhau. Vì có chướng ngại nên không gian, thời gian bị hạn chế đối với mọi vật thể; ánh sáng và âm thanh bình thường không thể vượt qua vật cản, chúng sẽ bị bức xạ, nhiễu xạ, tán xạ hay phản xạ. Tuy nhiên, vi tế của vật lý như hạt Higgs có thể ít bị chi phối bởi không-thời gian, chúng tồn tại độc lập trong sóng dẫn bằng bạc khắp nơi, nhưng cũng có một tính năng tương thông cho dù hai hạt cách nhau hàng vạn dặm. Đây là điều mà các nhà khoa học chưa lý giải được. Cái tận cùng của thể tướng, chưa phải là hạt Higgs; cái bản chất của thể tướng, phía sau là một hố đen mà nhà khoa học chưa vượt qua được để lý giải thực tướng của vạn vật. Hố đen vũ trụ hay hố đen tâm linh, hố đen vật thể hay hố đen tâm lý là ranh giới giữa thể tướng và thể tánh. Hố đen là tận cùng của vật thể và cũng là khởi đầu của tánh thể, cũng vậy, vô minh là khởi đầu của hiện tượng và tận cùng của tánh giác, khi tánh giác xuất hiện là vô minh bị đoạn diệt.

Thể tướng vũ trụ vật thể là sự vận hành, giao thoa của chúng tử tạp niệm; khi tạp niệm sinh khởi thì cái thấy biết còn bị giới hạn bởi vô minh chướng ngại. Do vậy, hàng Thanh Văn chưa đạt toàn giác, không thể thấy được Thần lực của chư Phật, không cảm nhận được sự hiện hữu của chư đại Bồ Tát trùng trùng nơi không gian hạn hẹp tại Pháp hội. Tương tự cơ chế vật lý của bếp điện từ, còn gọi là bếp cảm ứng, dựa vào nguyên tắc từ trường của cuộn dây với dòng điện cảm ứng, dưới bề mặt thủy tinh, bên trên là vật dụng bằng kim loại có khả năng nhiễm từ, sẽ sinh dòng điện foucault phát nhiệt. Bên dưới mọi hiện tượng vật thể là dòng vô minh tác động, bên trên là mặt bằng lý trí được tác động bởi dòng điện từ vô minh khởi sanh tạo năng lượng ý thức. Năng lượng ý thức bị hạn chế và lệ thuộc bởi vô minh nên không cảm nhận được tính năng vi diệu của trí tuệ giác ngộ chư Phật, khả năng dung thông của năng lượng siêu thức.

Theo quan điểm khoa học truyền thống, thời gian và không gian là hai thực thể khách quan và độc lập nhau, nhưng đến thời đại “Các nhà bác học sau Newton, nhất là Einstein với thuyết Tương đối, Bohr, Heisenberg... với Cơ học Lượng tử đã giải quyết những nghi vấn đó một cách bất ngờ, có thể nói là theo hướng phủ định nếp suy nghĩ khoa học

quen thuộc: Không gian và thời gian đã được chứng minh trong thuyết Tương Đối Hẹp là hai mặt của cùng một thực thể gọi là continuum thời - không, chúng không có giá trị khách quan tự thân nào mà tùy thuộc vào người quan sát và nhất là chúng có thể chuyển hóa cho nhau.”

Thế tướng của pháp giới cũng vậy, do bủa vây vô minh vọng tưởng nên có sự sai biệt, để vượt thoát sự sai biệt đó, Bồ Tát Văn Thù dạy cho Thiện Tài phải thâm nhập mọi ngõ ngách cuộc sống thông qua 53 vị đại biểu Thiện tri thức. Một khi thâm thấu mà không vướng mắc thì hành giả thông dong giữa chợ đời, phiêu du vào cảnh giới tự tánh. Đó là trạng thái sau khi Thiện Tài đồng tử gặp Thiện Trụ Tỳ Kheo tự tại kinh hành giữa cõi không, không dính mắc bất cứ vọng tưởng nào. Thiện Tài đã trang bị cho mình áo giáp vô nhiễm để rời vào chợ trời (tự lực) gặp Bồ Tát Di Đà, và học hỏi mọi thứ xấu ác, ngôn ngữ bất tịnh để không còn bị nhiễm ô bởi bất tịnh xấu ác. Qua bao đẳng cấp trần tục để bước vào tự tánh pháp giới. Tự tánh của pháp giới là hàm tàng của quang năng và âm lực.

Tự tánh pháp giới

Càng ngày, khoa học càng đến gần với Phật giáo, dĩ nhiên không thể đuổi kịp trí huệ của đức Phật. Ví dụ, Pháp Tướng tông bảo: **“nhất thiết duy tâm tạo”** hay là **“tam thế duy tâm, vạn pháp duy thức”**... Một ai đó cảm hứng trong thiền định, thể nghiệm được vạn vật là chiếc bóng của một thực thể, hay nói cách khác, trong vũ trụ luôn tồn tại hai thực thể giống nhau. Khoa học gần đây, sử dụng hình ảnh hai chiều tạo thành một thực thể sống động như thật. Và Brian Greene đoán rằng, thế giới là hình chiếu của Holograms từ thế giới hai chiều, thuộc môn nghiên cứu của các nhà khoa học về lý thuyết dây (string theorist). Holograms là hình nổi, ngắt điện là mất tất cả, từ đó các nhà khoa học đặt vấn đề: “What if we’re holograms?” Nghĩa là – chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta là ảo ảnh? Thực ra chẳng có gì lạ đối với tinh thần Duy Thức học về thế giới hiện tượng. Hiện tượng là hình ảnh phóng tâm của chúng sanh. Một thiền giả cảm nghiệm những linh ảnh báo trước những sự kiện sắp xảy ra hoặc đang xảy ra cách xa vạn dặm. Trong chiêm bao, cảnh vật hiện ra như thật, làm tác động tâm lý của người nằm mộng, có thể khóc, cười, hoảng sợ... thì hiện tượng vật lý cũng chỉ là phóng ảnh của cuộc đại mộng do cộng nghiệp chúng sanh tác thành.

Các khoa học gia, tuy biết rằng nguyên tử, phân tử cấu thành vật chất, nhưng bản chất của chúng vẫn là số không; cái gì cấu tạo thành khối? Người ta hy vọng hạt Higgs giải đáp được nguyên nhân cấu thành hiện tượng vũ trụ, nhưng đó chỉ là giả thuyết chưa thành tựu, vì khoa học chưa

nắm bắt được tính “KHÔNG” của Phật giáo, nên cứ mãi khổ công loanh quanh trong cơ chế hiện tượng Holograms vật lý.

Bát Nhã là tinh thần tuyệt đối đề cập đến tự tánh pháp giới:

“Quán-tự-tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã Ba-la mật-đa thời chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư Pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cô không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý-thức-giới, vô vô-minh diệc, vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề tát-đỏa y Bát-Nhã-ba-la mật-đa cố tâm vô quái-ngại; vô quái-ngại cố vô hữu khủng-bô; viên ly điên-đảo mộng tưởng; cứu cánh Niết-Bàn, Tam-thế chư Phật, y Bát-Nhã-ba-la mật-đa cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-Bồ-Đề.

Có tri Bát-Nhã Ba-la-mật-đa, thị đại-thần chú, thị đại minh chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.”...

Thế đây, Bát Nhã là dòng điện được ngắt để thực tướng hiển lộ, nó không bị xóa mất trắng như Holograms, nhưng nó sẽ hiển lộ tự tánh của thực tướng. Thế thì lý thuyết dây, lý thuyết lượng tử, hạt cơ bản... cũng chỉ là chiếc bóng ẩn hiện của một Holograms tâm thức. Khoa học chạy lòng vòng trong Holograms tâm thức để bị bế tắc trước bức tường kiên cố của vọng tưởng. Nếu loại bỏ vọng tưởng, lọt vào vòng đai Bát Nhã thì khoa học không còn là khoa học vật lý, khoa học tâm lý mà tạm gọi là khoa học tâm thức.

Nhà khoa học vật lý Trịnh Xuân Thuận bảo: "Mọi thứ đều khả hữu được hết dưới sự thống trị của nguyên lý bất định, và đối với nó, mọi qui luật được làm ra chỉ để bị vi phạm", có nghĩa – lý nhân quả chỉ còn giá trị tương đối trước nguyên lý bất định. Thật ra, Phật giáo đã từng nói, Phật pháp tức bất định pháp, tuy bất định nhưng vẫn có sự ràng buộc của luật nhân quả; nếu không phải bất định pháp thì luật vô thường không tồn tại, lý nhân-duyên không có mặt trong cuộc sống. Từ nhận định trên, Trịnh Xuân Thuận cảm nhận được những hạt ảo tạo năng lượng ảo bất chợt xuất hiện, bất chợt biến mất như “ma”, vì thế ông ta bảo “tù mù lượng

tử". Và theo Trịnh Xuân Thuận, hình như không có gì gọi là khách quan, mọi thứ tùy thuộc vào đương sự đứng vào cuộc: "Sự có mặt của chúng ta (khi quan sát hay làm thí nghiệm) thay đổi hẳn tiến trình của vở kịch. Hiện tượng khách quan đã bị biến dạng, không tài nào sửa chữa được và biến thành một hiện tượng chủ quan, cái hiện tượng chủ quan đó tùy thuộc vào người quan sát và dụng cụ đo lường" (Trịnh Xuân Thuận). Tất cả bị "cách mạng hóa đến mức" để mô tả điều đã xảy ra, cần xóa bỏ từ ngữ cổ lỗ "Người quan sát" và thay vào đó "Người tham dự" (J.Wheeler).

Phải chăng, khoa học vật lý đã khởi đầu đi vào con đường Duy Thức của Phật giáo: **“Nhất thiết duy tâm tạo”**?

Âm lưu nội tại

Trong vũ trụ tồn tại một dạng sóng mà khoa học gọi là “trường”, là “năng lượng”, đó là sự chuyển động của những hạt cơ bản giao thoa, một sự chuyển động tại chỗ chứ không phải sự di dịch vị trí của một vật thể. Ví dụ ném một vật xuống nước, những đợt sóng nhấp nhô là do dao động của nước chứ không phải nước có sự di chuyển. Electron bành bạc khắp không gian trên trường nguyên tử, tạo một dạng sóng của hạt cơ bản. Nó làm nền cho mọi dạng thông tin về sóng dẫn. Sóng quang và sóng âm được tồn tại trong môi trường vật lý. Ngay cả năng lượng sinh thức và năng lượng siêu thức cũng ký gửi thông tin tâm thức vào trường năng lượng nền đó, để đối tác tâm linh cảm nhận thông tin cho nhau.

Những loại thông tin vật lý được chuyển tải trong trường năng lượng vũ trụ, bị giới hạn bởi khả năng phát triển của khoa học đương đại; nhưng thông tin siêu thức có khả năng vượt khỏi giới hạn vũ trụ vật thể để xuyên thấu vào thế giới siêu thể như Pháp hội Hoa Nghiêm được trình bày:

Khi đức Thế Tôn nhập tam muội này rồi, tất cả thế gian đều khắp nghiêm tịnh.

Liền đó, lầu các đại trang nghiêm bỗng nhiên rộng rãi không có ngăn mé, kim cang làm đất, bửu vương che phía trên, vô lượng bửu hoa và những châu ma ni rải đầy khắp trong lầu, lưu ly làm cột, các thứ báu hiệp thành, trang nghiêm với đại quang ma ni, vàng diêm phù đàn, như ý bửu vương trùm khắp phía trên nghiêm sức. Lầu cao thành dãy, đường gác kèm bên. Kèo máy thừa nhau, cửa gạch chói nhau. Thêm, bực, hiên, bao lơn đều đầy đủ. Tất cả đều trang nghiêm với diệu bửu. Những bửu ấy đều là hình tượng nhơn thiên, kiên cố đẹp lạ đệ nhất thế gian. Lưới báu ma ni che khắp phía trên. Bên cửa đều dựng tràng phan, đều phóng quang minh

cùng khắp giới. Ngoài đạo tràng, thêm cấp lan can nhiều vô lượng không thể kể nói, đều bằng ngọc ma ni.

Lúc đó lại do thần lực của Phật, rừng Thệ Đa bỗng nhiên rộng rãi đồng với bất khả thuyết Phật sát vi trần số quốc độ. Tất cả diệu bửu xen lẫn trang nghiêm. Bất khả thuyết bửu trái khắp mọi nơi. Vô số bửu làm tường rào. Cây Đa La báu trang nghiêm bên đường.

Trong rừng lại có vô lượng hương hà, đầy những nước thơm sóng gợn xoay quanh. Tất cả hoa báu theo dòng chuyển về phía hữu, tự nhiên diễn ra âm thanh Phật pháp. Bất tư nghì bạch liên hoa báu búp nở thơm tho giăng bày trên mặt nước. Những cây bông báu trông hàng bên bờ sông. Bất tư nghì những đài, nhà mát xếp hàng trên bờ sông, lưới báu ma ni che trùm. Vô số báu phóng đại quang minh. Đốt những diệu hương mùi thơm ngào ngạt...

Bây giờ trong hư không trên rừng Thệ Đa có bất tư nghì thiên cung điện vân, vô số hương thọ vân, bất khả thuyết Tu Di sơn vân, bất khả thuyết kỹ nhạc vân phát ra tiếng hay diệu ca ngợi đức Như Lai, bất khả thuyết bửu liên hoa vân, bất khả thuyết bửu tòa vân trái thiên y Bồ Tát ngồi trên đó ca ngợi công đức của Phật, bất khả thuyết thiên vương hình tượng ma ni bửu vân, bất khả thuyết bạch chơn châu vân, bất khả thuyết xích châu lâu các trang nghiêm cụ vân, bất khả thuyết vũ kim cang kiên cố châu vân. Những bửu vân này đều dừng ở hư không bao vòng cùng khắp để trang nghiêm.

Sự tồn tại của năng lượng siêu thức từ quang năng và âm lưu của Phật lực làm nền cho mọi thường trụ và thông tin, xuyên thấu mọi cảnh giới, nhưng năng lượng Phật lực đó không được chúng sanh cảm nhận do nghiệp thức ngăn che. Trong phẩm “Hoa Tạng thế giới” và “Thành Tựu thế giới” dẫn chứng phước báu trang nghiêm, công đức Phật lực và chư đại Bồ Tát mười phương mà vũ trụ được an bày và tồn tại dưới nhiều dạng thức. Đó là một trường lực vô biên mà năng lượng siêu thức của mỗi hành giả tâm linh sẽ hòa nhập đồng thể đại bi:

“...Lúc đó Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng: 'Chư Phật-tử! Mỗi mỗi thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần-số chỗ nương trụ. **Hoặc nương tất cả trang-nghiêm mà trụ. Hoặc nương hư-không mà trụ. Hoặc nương bửu-quang-minh mà trụ. Hoặc nương bửu-sắc quang-minh mà trụ. Hoặc nương tinh-âm chư Phật mà trụ. Hoặc nương Kim-Cang hình đại-lực a-tu-la chúng-sanh như huyễn mà trụ. Hoặc nương thân các**

Thế-Chủ mà trụ. Hoặc nương thân chư Bồ-Tát mà trụ. Hoặc nương tất cả biển trang-nghiêm sai khác hạnh-nguyện Phổ-Hiền mà trụ.

Chư Phật-tử! Thế-giới-hải có thế-giới vi-trần-sô chỗ nương trụ như vậy...”

Cái trường năng lượng tồn tại trong vũ trụ đó, “Phẩm thế giới Thành tựu” trong Hoa Nghiêm đã cho thấy vô số chủng loại “thế giới hải vi trần” nương vào nhiều yếu tố mà trụ, trong đó quan trọng cho thấy có thế giới hải vi trần tồn tại bằng “Quang Minh hoặc Bửu sắc quang minh” hoặc nương “thịnh âm của chư Phật mà trụ”. Năng lượng và năng lực đó từ quyển thứ nhất đến quyển thứ 81, bốn mươi phẩm đều bàn bạc quang năng và âm lưu của Phật lực. Khi chuyển qua thế giới vật lý, khoa học gia chỉ nhìn thấy được dạng sóng của những hạt cơ bản, hạt Higgs, Electron hư ảo, nên không thể nắm bắt được nền tảng chắc thật cố định, vì thế mà Trịnh Xuân Thuận gọi là bất định, chúng ẩn hiện như ma. Thật ra, dưới nhãn quang nhà Phật, thế giới này là hư ảo, vì thế chúng ta thấy mọi chương ngại. Theo tinh thần Hoa Nghiêm thì **lý sự vô ngại – sự sự vô ngại**, nên “nhất đa tương dung” vì tâm chư Phật vốn vô ngại, vì vậy lòng từ của chư Phật đối với chúng sanh vô ngại đại bi.

Đi đến tận cùng của vật thể, khoa học đối diện với một khoảng không đen tối và bất lực, vật chất không đáp ứng mọi thắc mắc của khoa học vật lý. Một số khoa học gia tìm thấy phía sau hố đen vũ trụ cũng như khoảng đen tri thức là một dạng sóng siêu thức, thế nhưng, với óc thực dụng, chưa phải là chìa khóa khả hữu để họ bước vào lãnh vực tâm linh siêu thoát.

Tuy nhiên, trong mỗi sinh loại đều tồn tại một dạng năng lượng chưa được khai thông, từ năng lượng sinh học đến năng lượng sinh thức và năng lượng siêu thức đang bị vây bủa bởi một bóng đen vô minh cố hữu. Một hành giả đủ duyên, gặp chánh pháp, gặp Phật, Bồ Tát, Thánh sư câu thông năng lượng vũ trụ, hay còn gọi là năng lượng “Hoa Tạng” tức chân như Phật tính. Từ đó, hành giả luôn được bao bọc bởi năng lượng tiên thiên, năng lượng Phật lực, hành trì, nghiệp thức dần dà tiêu mòn, trí huệ càng được khai thông. Năng lực nội thể đó là dạng âm lưu nội tại, một dạng chấn động lực nội thể hòa nhập cùng chấn động lực ngoại biên, nâng tần số siêu âm của vỏ não, giúp hành giả hoán cải từ thể chất đến tâm linh; con người mới hoàn toàn thay đổi, đặc biệt lòng từ bi phát triển không hạn chế, sức khỏe và tinh thần an lạc hoan hỷ sống một cách tự tại vô ngại giữa xã hội nhiều chương ngại.

Mỗi hành giả tâm linh là một Thiện Tài đồng tử được khai sinh từ thiện pháp, tâm thể hồn nhiên, thâm nhập muôn pháp thế gian, hóa giải mọi chương duyên ràng buộc, để sẵn sàng nhập pháp giới Hoa Tạng. Một thế giới tràn đầy năng lượng sóng âm và quang năng làm nền để thế giới hoa

tạng cùng tồn tại mà không hề chướng ngại nhau như thế giới vật lý. Thiên Tài đồng tử hay hành giả tâm linh đều cần nương vào thần lực và âm lực của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thánh sư để chuyên hóa nghiệp thức, nâng cao tâm thức; hành trạng này, Thiên tông gọi là **giáo ngoại biệt truyền**, tâm ấn tâm giữa thầy và trò. Từ đó, năng lực của thầy luôn hỗ trợ cho đệ tử suốt cuộc hành trình thâm ngộ quang năng và âm lực siêu thức.

Hành giả quán âm luôn lắng nghe âm lưu nội tại là tần số rung động của năng lượng sinh thức để tiến vào thế giới siêu thức, vượt qua mọi chướng ngại của thế pháp, một dạng thể nhập pháp giới tự tánh!

MINH MÃN

28/8/2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 7

HẠNH LẮNG NGHE

Lắng nghe là hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, do hạnh lắng nghe mà Ngài thành đạt đạo quả, cách lắng nghe như thế nào để không vướng mắc vào căn trần thức?

“Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ khi xưa, từ vô số hằng sa kiếp trước có Phật Quán Thế Âm ra đời, con phát tâm Bồ Đề nơi Phật ấy, Phật dạy con từ Văn, Tư, Tu nhập Tam Ma Địa (Văn, Tư, Tu là Văn nơi tai, Tư nơi Tâm, Tu nơi Hạnh).

- Bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu (chẳng chạy theo lục trần) mà quên cái sở nghe (vong, sở: vong nghĩa là quên). Sở nhập đã tịch, thì hai tướng động và tịnh chẳng sanh, như thế dần dần tiến thêm, thì năng nghe và sở nghe đều hết; sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ. Còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác, nên phải Không cái năng giác sở giác, thì sự Không giác ấy mới cực viên tròn; năng giác sở giác được Không đến cùng tột, là nhập vào chỗ Không, nhập vào chỗ Không thì còn trụ nơi Không, nên năng không sở không cũng phải diệt. Năng sở của Không diệt rồi thì tất cả sự sanh và diệt đều hết, sanh diệt đã diệt, thì tịch diệt hiện tiền, thành linh siêu việt thế gian và xuất thế gian. Đến đây, khắp mười phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ...”.

Lắng nghe tuy dựa vào căn trần cảnh nhưng không dính vào căn trần. Mọi chúng sanh tồn tại và sinh hoạt qua cái thấy và cái nghe; Chư Bồ Tát, Thánh nhân, minh sư... cũng dùng cái thấy và nghe để tiến tu đạo quả.

Thánh phàm khác nhau từ chỗ đó. Chúng sanh đắm nhiễm vào tiền trần khi thấy sắc và nghe âm thanh, từ đó khởi sanh trùng trùng vọng tưởng. Bồ Tát Quán Thế Âm từ nơi căn trần và thanh trần để nghe, tư duy đoạn trừ cảm thọ nơi tâm, tiến hành công hạnh tu tập. Cái được nghe không dính, cái khả năng để nghe cũng không trụ được gọi là năng sở đều vong. Ngay cả cái biết về không trụ ở nơi năng giác sở giác – cũng phải mất dấu, nhập vào tánh Không. Nhưng như thế cũng chưa toàn vẹn, vì còn nhập vào chỗ Không, hành giả còn phải diệt luôn năng Không sở Không để tịch diệt hiện diện. Đó là pháp hành đưa đến tuyệt đỉnh tự tánh.

Trong cuộc sống, hành giả áp dụng hạnh lắng nghe đối với mọi sinh hoạt khi giao tiếp vạn loại chúng sanh, cái lắng nghe này có khác ở đẳng cấp hiện tượng giới. Khi hành giả thực hiện hạnh Quán Âm, đòi hỏi năng lượng từ bi; đây là năng lượng tổng hợp cả ba hạnh nguyện: Dược Vương, Diệu Âm và Quán Âm. Diệu Âm có công năng thẩm thấu mọi âm lực của chúng sanh, Dược Vương có khả năng đáp ứng những phương dược bạt nghiệp bệnh khổ. Quán Âm thể hiện hạnh hòa nhập. Ba trong một là hạnh cứu cánh của Bồ Tát nhập Pháp giới. Diệu Âm Bồ Tát xuất hiện khi Đạo quang của đức Bổn Sư Thích Ca chạm đến pháp thân Ngài, tức là khi có nhu cầu quang năng tự tánh thì Diệu Âm mới xuất hiện, bằng không thì tự tánh Diệu Âm ẩn tàng. Diệu Âm ở trạng thái này được gọi là hạnh môn; Quán Âm không như thế, tự tánh luôn hiện diện bằng bạc khắp không gian-thời gian, Quán Âm ở trạng thái này được gọi là bản môn. Khi mà chúng sanh tánh còn là hạnh Quán Âm còn. Vì thế, phẩm Phổ Môn nói:

Bấy giờ Bồ Tát Vô Tận Ý liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai bên hữu, chấp tay hướng Phật bạch rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát Quán Thế Âm, do nhân duyên gì gọi là Quán Thế Âm?"

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: "Này Thiện nam tử! Nếu có vô lượng muôn ức chúng sanh đương chịu các khổ não, nghe danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thiết tha xưng niệm, tức thời Bồ Tát Quán Thế Âm quán triệt âm thanh kia, đều được giải thoát."

"Nếu có người trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, giá như lâm vào lửa lớn, lửa chẳng đốt đặng vì nhờ oai thần Bồ Tát này che chở vậy; hoặc bị dòng nước cuốn trôi, xưng danh hiệu ngài liền gặp chỗ cạn."

Chúng sanh tánh là tham dục vọng tưởng, sân si, khi biết đang bị những tạp tánh đó chi phối, bình tâm lắng lòng quán xét, tự động mọi thứ sẽ lắng đọng, sẽ được giải thoát khỏi mọi chi phối, sự thiêu đốt của lửa sân hận,

thoát khỏi sự ngập chìm trong biển tham dục si mê. Tất cả những pháp hành chân chánh đều có công năng hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp giải thoát hành giả khỏi những trạng huống vọng tưởng, đó là những tai nạn của nghiệp thức. Vọng tưởng ở trạng thái tiềm ẩn thì chúng chỉ là tạp niệm, ở trạng thái khởi động thì chúng là những âm lực thôi thúc. Chính vì vậy mà nhiều kẻ bị những âm thanh lạ (ảo thanh) luôn xúi dục hành động tự hại hoặc hại người. Trường hợp này, tần sóng tiêu cực của não tương thích với tần sóng cực âm của ngoại biên, cộng hưởng với tạp niệm, khởi hiện âm thanh tiêu cực. Tuy nhiên, một số hành giả công phu, chưa nắm vững nguyên lý của ngũ ấm ma, năng lực tập trung cộng thêm vọng tưởng hướng thượng, kích hoạt sóng não tích âm, cộng hưởng với tần sóng âm lực ngoại biên, nghe được những âm thanh lạ xui khiến hành động không bình thường mà dân gian thường gọi là bị hành căn, nhất là một vài hành giả tu Mật tu Thiền không có thầy hướng dẫn, không có lực lượng tâm linh bảo hộ, thường lọt vào tần số nhiễu âm.

Hành giả tu tập thường quán chiếu tạp tưởng vọng niệm tự thân, có thể tránh được những trường hợp tán loạn như trên, chỉ những người tự tu, không am tường giáo lý, không có người hướng dẫn, giao phó sinh mạng giữa màn đêm vô minh đầy nghiệp lực dẫn dắt mới bị sa hầm lọt hố. Những nạn nhân của tu tập như thế, muốn phục hồi chân khí là cả một thiên nan vạn nan, ngoại trừ có phước báu gặp được bạn lành thầy giỏi mới thoát được mê hồn trận của thế giới tâm linh đen. Bất cứ thời chánh pháp hay mạt pháp, hành giả tuy là tự nỗ lực hành trì, nhưng luôn cần sự hỗ trợ tâm lực của một vị thầy, một minh sư chứng đắc mới thoát khỏi nghiệp lực chi phối. Vào thời Phật tại thế, do đạo lực của Phật mà hàng ngàn đệ tử chứng đắc dễ dàng, không ai lạc vào loạn tưởng điên loạn.

Cho dù người bình thường hay hành giả tâm linh, hạnh Quán Âm luôn là ngọn đuốc hóa giải từng bước đi gặp ghềnh của nghiệp thức. Một pháp khác, ngoài hạnh Quán Âm trên, ngoài hạnh phản văn văn tự tánh, ngoài hạnh nhĩ căn viên âm (viên thông), kể cả hạnh Đại Chân Viên Giác Thanh đời Tây Sơn mà Hải Lượng phát hiện (VNPGSL-Nguyễn Lang) còn có một hạnh Quán Âm xuất hiện vào thế kỷ 15 tại Bắc Ấn, có pha tạp một phần Thần lực, nhưng căn bản vẫn là tự lực, nương vào âm thanh theo từng giai đoạn mà nâng thần thức lên dần cảnh giới Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ định. Pháp hành này phối hợp cả Mật Âm và Quán Âm, kết hợp cả âm thanh và ánh sáng của nhãn căn và nhĩ căn. Một số hành giả bị vướng chấp vào linh ảnh mà kẹt tại chỗ, không tiến xa được, thậm chí lạc sang tà giáo; bởi trong quá trình thiền thường khởi vọng mong cầu hoặc mẩn ý với linh ảnh, tất cả là một trong năm mươi loại ma khởi phát từ ngũ ấm. Cho dù đạt được một phần tuệ giác, có thần thông, nhưng bản ngã vi tế chưa sạch, vẫn là biểu hiện của tà giáo. Giáo phái tâm linh này

không phổ biến như các tôn giáo, hạn chế truyền thừa nên vẫn còn giữ được những công năng chứng đắc, đời này qua đời khác luôn có truyền nhân thủ đắc tâm ngộ. Chính năng lực này mà vị thầy (minh sư) có khả năng hỗ trợ đệ tử tiến tu dễ dàng. Tuy nhiên, việc hành trì mang tính khoa học tâm linh, nhưng khi diễn đạt giáo lý lại có màu sắc Thần học.

Như vậy cái khác nhau giữa hạnh nguyện quán âm tục đế và chân đế: Tuy tục đế lắng nghe bằng lòng từ để hiểu và thương, giúp chúng sanh có nhu cầu được thỏa mãn; một hạnh nguyện khác là lắng nghe tục tánh của tự tâm mà hóa giải những nhu cầu bất minh chính mình; và một công hạnh giải thoát khác, hành trì pháp quán âm với lòng từ phổ quát để tự lợi và lợi tha, đó là pháp hành vượt thoát sự vướng mắc của âm lực và khả năng tiếp nhận của tánh nghe. Âm lực đây không chỉ là tiếng vọng tà tâm, âm lưu nội tại, mà là chấn động lực của nội thể và ngoại biên; vượt thoát khỏi căn thức, trần cảnh và cảnh giới sở đắc. Nhờ hạnh lắng nghe trên nền tảng khách quan mà tâm thức dễ vượt qua bức tường âm lưu nội thể và chấn động lực ngoại biên, bấy giờ hành giả thoát ly tam giới. Như khoa học ngày nay, phi thuyền vượt khỏi bức tường âm thanh để đạt đến tốc độ thoát khỏi lực hút mà nhập vào không gian vô tận. Đến đẳng cấp này, chấn động lực hay âm lưu nội tại được hiểu là Diệu Âm. Bồ Tát Diệu Âm xuất hiện theo nhu cầu quang năng của đức Bổn Sư thế nào thì bản chất diệu âm của hành giả cũng xuất hiện đúng với nhu cầu thiền định và tuệ giác của chính hành giả. Bồ Tát Diệu Âm thấu hiểu mọi âm thanh chúng sanh và có khả năng thể hiện mọi nhu cầu âm thanh thế gian thì hành giả quán âm khi thành đạt tâm pháp cũng có khả năng hội nhập mọi âm lưu và biểu hiện mọi âm lực, đó là diệu pháp.

Phật giáo vào thế kỷ 18, thời Ngô Thời Nhiệm tìm hiểu pháp hành gồm 24 thanh. Ngô Thời Nhiệm là thiền sư Hải Lượng, **Ngô Thì Nhậm (1746–1803)**, tự là **Hy Doãn**, hiệu là **Đạt Hiên**, là danh sĩ, nhà văn đời [hậu Lê–Tây Sơn](#), người có công lớn trong việc giúp [triều Tây Sơn](#) đánh lui [quân Thanh](#). Ngô Thì Nhậm xuất thân gia đình vọng tộc chốn Bắc Hà, là con [Ngô Thì Sĩ](#), người làng Tả Thanh Oai, ngày nay thuộc huyện [Thanh Trì](#). Trước đó là quan Thượng Thư bộ Lại thời Tây Sơn, năm 1790 giữ chức Bộ binh thượng thư. Sau khi Nguyễn Huệ băng hà, triều đại Tây Sơn sụp đổ do Gia Long tiêu diệt, Ngô Thì Nhậm trở về nghiên cứu Phật học; với tinh thần uyên thâm cả Nho lẫn Phật, Ngô Thì Nhiệm lấy tên là Hải Lượng cùng với huynh đệ là Hải Âu và Hải Hòa biên soạn tác phẩm “Trúc Lâm Tông chỉ nguyên Thanh”. Đây là luồng gió mới trong Phật giáo lúc bấy giờ, một tác phẩm kết hợp tinh thần Phật-Nho, không những thế, còn ẩn tàng một bí pháp hành trì qua 24 thanh.

Sách gồm hai phần, phần đầu nói về “Tam tổ hành trạng, phần sau nói về 24 âm thanh”, gọi là Đại Chân Viên Giác Thanh. Trong 24 chương nói về 24 thanh gọi là 24 thanh Phối Khí Ứng Sơn”, mỗi Thanh có một tên riêng, đặt chung cho Bồ Tát Quán Âm. Sở dĩ tên Bồ Tát Quán Thế Âm được nêu lên 24 lần, mỗi lần một tên khác nhau để phối hợp với một Thanh là vì Bồ Tát này nhờ quán âm thanh mà chứng đắc viên thông. Vậy có thể nói 24 chương trình bày 24 đề tài Thiền quán, mỗi đề tài là một loại âm thanh. 24 âm thanh là: “Không thanh, Ngộ thanh, Ân thanh, Phát tướng thanh, Kiến thanh, Hoán thanh, Thoát thanh, Thu thanh, Định thanh, Tịch nhiên vô thanh, Trác thanh, Nhất thanh, Xu thanh, Biểu lý thanh, Hành thanh, Đồng thanh, Minh thanh, Phán thanh, Túc thanh, Bất quả thanh, Tàng thanh, Hưởng thanh, Lưu động thanh và Dư thanh” (VNPGSL-Nguyễn Lang- Đại Chân Viên Giác Thanh).

Trong 24 Thanh chủ yếu dung hóa giữa hai tư tưởng Nho Phật thời bấy giờ. Mỗi người có một kiến giải khác nhau về 24 Thanh. Phạm Trần Lê trong phần giải thích 24 thanh, nói về quan điểm Nho gia đối với Không thanh chưa thấu đạt tinh yếu như Nguyễn Lang. Riêng về quan điểm Phật học thì cả Nguyễn Lang lẫn Phạm Trần Lê đều nêu lên tính Không của nhà Phật. Vì tính Không là cơ bản trong Phật giáo đối với vạn vật; “**Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ**” đó là Như Lai, biểu hiện bản thể Như Như, một tính Không tuyệt đối vượt khỏi tính đối đãi nhị nguyên, nhưng các Ngài vẫn không đi vào được bí pháp hành trì qua 24 thanh đó. Không thanh là bản thể uyên nguyên tự tánh. Một trạng thái hỗn mang khi đất trời chưa phân, âm dương chưa định trong cõi vô cực, đó là Như Lai tự tánh, năng lượng siêu thức, quang năng bản thể. Đó là tiếng vỗ của một bàn tay. Đó là đích về của mọi hành giả giải thoát. Về lý thì Không thanh hiểu như thế, khởi đầu cho tiến trình qua 24 thanh trong pháp hành mà Thiền sư Hải Lượng (Ngô Thời Nhiệm), nó không chỉ hóa giải sự cách biệt giữa Nho-Phật mà còn là pháp hành triển khai từ Quán Thế Âm, bằng chứng là mỗi thanh đều gán cho một đặc tính của Quán Âm.

Như vậy 24 thanh không chỉ là phân tách trạng thái của âm thanh và dung hòa giữa Nho-Phật mà còn là tiến trình của âm lực khi hành giả thăng tiến tâm linh. Sách sử không tiết lộ sự hành trì của Hải Lượng qua 24 thanh, nhưng chắc chắn Thiền sư Hải Lượng không chỉ đơn thuần gán ghép mỗi thanh là một hành trạng của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách vô cơ. Có thể nói, **ÂM THANH** là tiêu đề triển khai các pháp hành phong phú nhất, trong khi đó, ánh sáng chỉ được áp dụng trong vài Thiền phái đơn thuần. Chẳng những âm thanh được các thiền sư áp dụng trong nhiều pháp môn hành trì, ngay cả thế học, âm thanh cũng được phân tích cặn kẽ trong từng lãnh vực khoa học vật lý, ví dụ:

Âm thanh truyền trong không khí là gốc, là dao động của phân tử không khí. Âm thanh đi trong dây dẫn đến loa là tín hiệu điện thế (hoặc dòng điện) có cường độ thay đổi tương ứng với tần số dao động âm thanh nó truyền tải. Để lưu trữ và xử lý âm thanh trên máy tính bắt buộc phải chuyển sang dạng số nhị phân 0, 1. Tín hiệu trong não bộ và trong dây dẫn đến loa cũng tương tự nhau thôi và đúng là có cơ chế chuyển ngược nhau (Wikipedia).

Thế kỷ 13 có pháp hành liên quan tới âm thanh tại Bắc Ấn thì thế kỷ 18 tại Việt Nam cũng nhắc đến pháp hành về âm thanh của Thiền sư Hải Lượng. Nhưng trong tập “Trúc Lâm Tông chỉ Nguyên Thanh”, Hải Lượng cũng đã phát hiện khía cạnh hành trì của Trúc Lâm thiền phái có liên đới đến “Nguyên Thanh”, chính vì thế mới có tập Trúc Lâm Tông chỉ Nguyên Thanh. Có lẽ do bí pháp mà không tiết lộ pháp hành như hiện giáo nên mạch pháp này ít được biết đến. Phía Bắc Việt Nam hiện nay, vẫn còn tồn tại pháp mạch Quán Âm, một số hành giả lặn lẽ ẩn tu, những hành giả của pháp mạch này có lẽ là truyền nhân của “Trúc Lâm Tông chỉ Nguyên Thanh” hay ít ra là của “Đại Chân Viên Giác Thanh” mà Thiền sư Hải Lượng truyền thừa. Chưa rõ pháp mạch quán âm của những truyền nhân này có khác với pháp mạch quán âm của Sant Mat, tức là một chi nhánh xuất phát từ Phật giáo vào thế kỷ 13 do hành giả Hindus và Muslims kế thừa hành trì để sau đó tách hẳn thành một môn phái tâm linh cá biệt mang danh nghĩa đạo Sikh, mà khai tổ là Guru Nanak. Giới luật của giáo phái này vẫn lấy 5 giới căn bản trong Phật giáo làm nền tảng. Giáo phái này chính thức phát triển vào thế kỷ 15 tại Punjab, Bắc Ấn. Mạch pháp giáo phái này trên năm thế kỷ chưa hề gián đoạn.

Cho dù công thức nào của pháp môn liên hệ đến âm thanh, cũng đều giúp hành giả nương âm thanh mà thoát tục. Từ hạnh lắng nghe thông thường đến với sanh loại, hạnh lắng nghe tạp tánh vọng niệm tự thân, hạnh lắng nghe cao tột của âm thanh siêu thức... đều nương từ âm thanh để vượt thoát âm thanh mà nhập vào nguyên thể tự tánh, tức không còn bị ràng buộc vướng bận vào bất cứ pháp hữu vi cũng như vô vi nào. Đó là mục đích tối hậu của mọi pháp hành giải thoát.

MINH MÃN
29/9/2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 8

ĐỊNH NGHIỆP

Thân người là thân nghiệp, ngoại trừ hóa thân và nguyện lực thân của chư Bồ Tát, tất cả thân chúng sanh ít nhiều đều mang theo một số nghiệp chướng nhất định.

Nếu hiểu chữ **ĐỊNH NGHIỆP** như một định mạng đã được an bài sẵn, con người không thể làm khác hơn, không thoát khỏi sự chi phối của nghiệp, thì Phật giáo không chấp nhận loại định nghiệp như thế.

Tuy nhiên, theo tinh thần con Phật, việc chuyển hóa nghiệp lực qua những công đức tu tập và phước đức hành thiện, tùy duyên và tùy lực mà gia giảm, thì định nghiệp được hiểu là nghiệp lực được tạo tác sẵn từ những kiếp trước do chính mình. Như vậy định nghiệp là một số biệt nghiệp tương thích với cộng nghiệp nơi y báo để mang sắc thân tồn tại trong một thời gian tương thích với nghiệp nhân đang có. Chúng sanh trải qua vô số kiếp, trong đó phúc và tội tồn tại trong nghiệp thức, một sanh thân ra đời mang theo, nghiệp nào dẫn đầu, đủ duyên sanh quả (cho dù tốt hay xấu) thì xuất hiện trước. Thời gian ấu thơ, nghiệp quá khứ quyết định sanh thân, khi có ý thức, thân khẩu ý tác nhân cho những nghiệp mới, do hiện đời tác động trợ duyên thêm những hạnh lành hoặc việc ác mà nghiệp nhân có thể chuyển đổi định nghiệp mang theo. Nhân và duyên luôn quyện nhau làm thành một y báo và chánh báo.

Đức Đạt Lai Lạt Ma 14 nói: **Mặc dù hoàn cảnh hiện tại của chúng ta được quyết định bởi những hành vi trong quá khứ, nhưng chúng ta vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hành động của chúng ta trong hiện tại. Chúng ta có khả năng và trách nhiệm để chọn lựa phương cách nhằm hướng dẫn mọi việc làm của chúng ta đi theo con đường đạo đức.** (từ An Open Heart)

Như vậy nghiệp là hình thức của luật tác nhân quả. Aristote cũng đã bảo – *thế giới chúng ta đang sống được chi phối hoàn toàn bởi những quy luật chứ không phải định mệnh may rủi.*

Chuyển hóa nghiệp quả - Nhân nào quả đó là nguyên tắc chung, nhưng đi vào dòng luân lưu nhân – duyên và quả, khó mà xác quyết. Ví dụ, đi vấp té, không thể bảo kiếp trước mình xô người té nên kiếp này phải bị té.

Trên bề mặt nhân quả, phải có những điều kiện: người tạo nhân – kẻ bị tác nhân – phương tiện tạo nhân – hậu quả gây nhân và ý thức tác nhân. Ví dụ: anh A đánh anh B, anh A là kẻ tạo nhân, anh B là người bị tác nhân, đánh bằng tay hoặc hung khí, kết quả anh B bị thương nhẹ hoặc

nặng, có khi là chết. Anh A đánh anh B là cố ý đả thương hay vô tình, ngộ sát... Theo luật pháp thế gian, nhìn hậu quả của hiện tượng để xử đoán, nhưng nhân quả là luật cân bằng tương thích trên cơ bản nghiệp thức tạo tác. Nhân nào quả đó thì anh làm người té, người phải làm anh té chứ không thể tự nhiên vấp té một cách vô nhân, nghĩa là không có đối tượng bị hại thì ai sẽ là người gây hại lại cho mình? Vậy nhân nào để mình tự té? Đây là một tình huống khá phức tạp trong lý duyên sanh. Ta nghe một đoạn kinh đức Phật trả lời cho Subha về những hiện tượng bất đồng trong kiếp sống:

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một chàng thanh niên tên là Subha, thắc mắc trước tình trạng khác biệt về số phận giữa loài người, muốn hiểu chân lý, bèn tìm đến Ngài và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì sao mà trên đời này người ta đều có những số phận rất khác nhau, có người mạng yếu và có người sống thọ, có người bệnh hoạn và có người khoẻ mạnh, có người xấu xa và có người xinh đẹp, có người làm gì cũng không ai làm theo, nói chi cũng không ai nghe và có người làm thế lực, làm gì cũng có người theo, nói chi cũng có người nghe, có người nghèo khổ và có người giàu sang, có người sinh trưởng trong gia đình hạ tiện và có người dòng dõi cao sang, có người dốt và có người trí tuệ? Xin Ngài giảng giải cho con."

Đức Phật trả lời vắn tắt như thế này:

*"Tất cả chúng sinh đều mang theo cái **Nghiệp** (tiếng Phạn là **Karma**) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chỉ thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi người đều khác nhau nên mới có tình trạng khác biệt về số phận giữa chúng sinh."*

Rồi Đức Phật giải thích cho Subha nghe từng trường hợp:

"Nếu người nào trọn đời chỉ biết sát sinh, như người thợ săn chẳng hạn, bàn tay luôn luôn đẫm máu, hằng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương thì do tính hiếu sát ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, người ấy sẽ có mạng "yếu".

"Nếu người nào luôn luôn thận trọng, không hề xúc phạm đến tính mạng của ai, sống xa gươm đao, giáo mác và các loại khí giới, lấy lòng từ ái đối với tất cả chúng sinh thì do từ tâm, do sự không sát sinh ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, người ấy sẽ trường "thọ".

"Nếu người nào độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, thường dùng đấm đá và gươm đao đối xử với mọi người thì do nét hung dữ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, người ấy sẽ ốm đau bệnh hoạn.

"Nếu người nào không bao giờ làm tổn thương ai thì do đức tính hiền lương nhu hòa ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, người ấy sẽ được mạnh khỏe.

"Nếu người nào thô lỗ, cọc cằn, luôn luôn giận dữ, chửi mắng, nguyên rủa kẻ khác thì do sự thô lỗ, cọc cằn ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, người ấy sẽ xấu xí.

"Nếu người nào thanh tao nhã nhặn, dầu ai có chửi mắng thậm tệ cũng không hề oán giận và tìm cách trả thù thì do phong thái thanh nhã ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, người ấy sẽ xinh đẹp.

"Nếu người nào có tính đố kỵ, thèm thuồng, ham muốn lợi danh của kẻ khác, không biết tôn kính người đáng kính, luôn luôn chứa chấp lòng ganh tỵ thì do tính tật đố ganh ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người nói gì không ai nghe, làm gì không ai theo.

"Nếu người nào không có tánh đố kỵ, không thèm thuồng, ham muốn lợi danh của người khác, biết tôn trọng người đáng kính, không chứa chấp lòng ganh tỵ thì do cái tâm không ganh tỵ, không đố kỵ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người có thể lực, nói gì cũng có người nghe, làm gì cũng có người theo.

"Nếu người nào không bao giờ biết bố thí vật gì cho ai thì do tính keo kiệt, bám níu vào tài sản của mình, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người nghèo nàn thiếu thốn.

"Nếu người nào giàu lòng quảng đại, tính ưa bố thí thì do lòng rộng rãi ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người giàu có dư dả.

"Nếu người nào không biết phục thiện, tính kiêu căng, không tôn trọng người đáng kính thì do tính ngạo mạn và vô lễ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người hạ tiện thấp hèn.

"Nếu người nào biết phục thiện, tính không kiêu căng, biết tôn trọng người đáng kính thì do đức tính biết phục thiện và có lễ độ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người sang trọng quyền quý.

"Nếu người nào không chịu gần người có tài đức để học hỏi điều hay lẽ phải và phân biệt chính tà thì do sự kém học hỏi ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người dốt."

"Nếu người nào cố công tìm đến người có tài đức để học hỏi thì do sự học hỏi chính đáng ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người thông minh trí tuệ."

Như vậy, không hẳn người tạo nhân phải có kẻ bị tác nhân; một ý nghĩ, một hành động vô ký tạo nhân thiện ác hoặc vô ký, gặp thời duyên thuận lợi sẽ trở quả bất định. Ở đây, trong phạm vi nhỏ, chúng ta đề cập đến nghiệp quả hiện tiền và cách hóa giải duyên nghiệp.

Một người mang bệnh nan y, có tiền của nhiều, phải xuất chi để lo chữa chạy; cũng một bệnh đó, cũng gia sản sung túc, đi cùng một bệnh viện do cùng một liệu trình điều trị, nhưng không phải người nào cũng khỏi bệnh; vậy do đâu người khỏi kẻ không?

Về cơ địa, sinh hoạt tâm sinh lý, dinh dưỡng hàng ngày mỗi người mỗi khác cũng góp một phần nhỏ trong việc trị liệu; nhưng trong một tu viện, thực dưỡng đồng đều, sinh hoạt và trị liệu giống nhau, không hẳn tất cả đều khỏi bệnh hoặc tất cả đều bất trị; thế thì kẻ khỏi người không còn tùy thuộc vào phước duyên cá nhân. Nếu bệnh nhân vốn có căn bản một phước duyên dồi dào, bệnh nghiệp sẽ gặp cơ may nhiều hơn là người ít phước. Phước duyên quá khứ được tô bồi thêm phước duyên hiện tại, chắc chắn nghiệp bệnh sẽ được ảnh hưởng. Như vậy, một bệnh nhân bỏ ra một số tiền thật lớn để trao đổi bệnh nghiệp, nếu sự hao tổn chưa cân xứng với nghiệp bệnh, trong thời gian chữa trị còn phạm vào sát sinh tổn hại thì chắc chắn bệnh khó mà thuyên giảm. Một bệnh nhân cùng hao tổn một số tài sản tương đương, bệnh ngưng phát triển, có nghĩa phước và nghiệp đang ở vị trí cân bằng; một bệnh nhân khác biết sử dụng số tài sản như trên, thay vì toàn bộ lo cho bản thân, biết đem chia sẻ với những hoàn cảnh đau thương khác, biết bố thí phóng sanh, cúng dường, tạo niềm vui và sự hoan hỷ cho tha nhân, ngoài phước báu đó, tự thân bệnh nhân cũng cảm nhận được an lạc hạnh phúc khi thấy người được hạnh phúc. Phước báu tô bồi thêm phước báu thì nghiệp bệnh sẽ được thuyên giảm, cộng thêm tâm lý lạc quan, cuộc sống thanh đạm thì bệnh tật sẽ khó tồn tại.

Bệnh nan y (có nghĩa thân chịu đau khổ) = số tiền bỏ ra để điều trị + tổn hại sinh vật + gây đau khổ kẻ khác = bệnh càng nặng (khổ đau càng chất chồng).

Bệnh nan y (có nghĩa thân chịu đau khổ) = số tiền bỏ ra để điều trị = bệnh ngưng phát triển = sản nghiệp và bệnh nghiệp cân bằng.

Bệnh nan y (có nghĩa thân chịu đau khổ) = số tiền bỏ ra vừa điều trị vừa làm lợi tha nhân, đem lại niềm phúc lạc cho kẻ khác + phóng sanh, bố thí (tài-pháp-vô úy thí) cúng dường + phước quá khứ = bệnh sẽ bị đẩy lùi.

Bệnh nan y (có nghĩa thân chịu đau khổ) = nỗ lực tu tập đúng pháp thích hợp + hành thiện lợi người lợi vật = bệnh có khả năng được triệt tiêu.

Hàng ngày, không thiếu những bệnh nhân được bác sĩ phán định thời gian “hường dương” nhưng sau đó tái khám hoàn toàn không thấy bệnh, trường hợp này do âm đức quá khứ sâu dày + những hành thiện hiện đời, gặp thuốc hay thầy giỏi; lẽ dĩ nhiên trường hợp này rất ít so với số bệnh nhân phải trả nghiệp mang sự đau đớn ra đi.

Vì tình thương đối với tha nhân quan trọng nên tất cả các tôn giáo chân chính đều đề cao tính Từ Bi – Bác Ái. Phật giáo từng nói – **Bố thí chúng sanh là cúng dường chư Phật**. Sant Mat bảo: **phục vụ vô ngã**; Kito giáo bảo – **phụng sự anh chị em là phụng sự Chúa**. Câu này tuy tình thương còn hạn chế trong phạm vi loài người, cũng còn hơn kẻ không có tình thương với bất cứ ai.

Ta hãy nghe một đoạn kinh đức Phật nói về lợi ích của việc bố thí:

Đức Phật thí dụ về phước bố thí:

*Một căn nhà bị cháy, chủ nhân đem ra được khỏi nhà đồ vật nào, đồ vật ấy hữu dụng đối với chủ nhân; những đồ vật còn lại trong nhà bị thiêu hủy, chẳng ích lợi gì cho chủ nhân cả. Cũng như vậy, **sắc thân** này cũng ví như một căn nhà luôn luôn bị thiêu hủy do bởi 11 thứ lửa không ngừng nghỉ, bậc Thiện trí biết vậy, nên sử dụng của cải nào đem ra bố thí, của cải ấy là nhân tạo nên phước thiện, thuộc **của riêng** mình, hỗ trợ cho thí chủ được sự an lạc trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai. Nếu phước thiện bố thí ấy trở thành pháp hạnh bố thí ba la mật, thì hỗ trợ cho các ba la mật khác được thành tựu, để dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo – Thánh Quả và cuối cùng đạt đến cứu cánh Niết Bàn, giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, nhờ pháp hạnh bố thí ba la mật làm nền tảng.*

Vì lòng tham và tính ích kỷ làm cho chúng ta quên rằng – tài sản của cải vật chất thế gian là kho báu có lượng số nhất định, khi ra đi thì tài sản vật chất để lại cho người còn sống, nếu ta tích góp nhiều mà thiếu phước thì

họa sẽ đến bởi vì có người tích góp thì có người thiếu hụt. Hưởng thụ quá mức mà phước tồn kho quá ít cũng là một tai họa. Ví dụ người có chức có quyền là do phước báu quá khứ, tùy phước nhiều ít mà chức quyền lớn hay nhỏ. Nếu lạm dụng chức quyền để thu gom bất chánh thì tự mình làm hao mòn phước báu quá khứ, nếu biết dùng chức quyền để giúp đỡ kẻ khác là mình vun bồi thêm gốc phước báu. Người đạo đức không bao giờ làm hao tổn phước báu của mình. Cổ nhân thường bảo: - **hữu phước bất khả hưởng tận**, nghĩa là thọ nhận vừa phải, không quá mức cần thiết, còn để chia sẻ cho kẻ khác kém may mắn hơn mình. Việc bố thí, giúp đỡ không đơn thuần là công việc chia sẻ vật chất. Phật dạy hành xử Ba La Mật, nếu là bố thí, cho dù vật chất hay tinh thần mà không nghĩ đến mình là kẻ bố thí, người được bố thí và vật bố thí, phước thí như thế mới trọn vẹn.

Trong vũ trụ càn khôn ví như trong một gia đình, những tài sản vật chất hiện có như là một gia tài của ông bà cha mẹ để lại, anh em biết phân chia hợp lý thì tất cả đều có hưởng chung, nếu dùng mách lới thủ đoạn chiếm đoạt thì những anh em còn lại sẽ bị thiếu hụt. Dĩ nhiên không thể chia đồng đều, vì công trạng, trách nhiệm trong gia đình mỗi người mỗi khác; cũng thế, trong xã hội, mỗi người có một phước báu nhất định, quyền lợi tự động sẽ đến tương xứng với phước báu của mỗi người; nếu dùng thủ đoạn, quyền lực để lấn đoạt kẻ khác, đó là hành vi trái luật công bình. Hành vi thất đức là nhân, tạo cho quả báo bất thiện về sau, trong đó không bố thí làm lợi cho mọi loài, mà còn cướp đoạt, không phóng sanh mà còn sát hại mạng sống của mọi sinh vật thì quả báo yếu mệnh hay qua nhiều hình thức đau khổ tương xứng với nhân bất thiện đó. Bệnh tật cũng là hậu quả của những nhân bất thiện bất định. Muốn giải trừ hậu quả của nhân bất thiện, bắt buộc phải phóng sanh, cúng dường, bố thí bằng tinh thần lẫn vật chất để tiêu mòn nghiệp xấu, đó là quy luật hoán chuyển. Nếu muốn có một vật mình thích thì phải bỏ một số tiền tương xứng, muốn hết bệnh cảm phải tốn vài ngày tiền thuốc, muốn mua vui, phải tốn tiền vé, muốn hết bệnh nan y buộc phải hao tiền tốn của, cộng với sự hy sinh làm lợi cho mọi người, mọi vật, có nghĩa tạo phước báu và đem niềm phúc lạc hoan hỷ cho mọi người; trong đó mình cũng hưởng được niềm vui về tinh thần và phước báu của thiện nghiệp. Đó là nguyên tắc trị liệu để giải trừ nghiệp quả. Luật bù trừ như mạch nước giếng, càng mức càng xài thì nước càng hoàn lại. Không xài, nước cũng không đầy thêm, đôi khi bị nhiễm độc; cũng thế, của cải vật chất càng bố thí, càng cho ra thì cái khác sẽ bù lại, nếu tích lũy bảo thủ, không những không lợi cho ai, phước không sanh mà còn phát sanh lòng tham và sự si muội khiến tâm ích kỷ nhiễm độc.

Đỉnh nghiệp là nhân quả khứ tác tạo, nhưng đỉnh nghiệp có khả năng hoán chuyển bằng tâm từ, nghị lực và mọi hành động tạo phước. Tuy nhiên, nếu chỉ có thể cũng chưa đủ, vì giải quyết nghiệp này thì nghiệp khác phát sanh, do đó, song song phải có một pháp tu, vì pháp tu tạo một năng lượng bồi bổ cơ thể vật lý, quân bình mọi cơ năng tâm sinh lý. Nghiệp thức phải được giải nghiệp bằng năng lượng sinh thức. Hành giả thành đạt là một hành giả có trạng thái tâm an lạc, không vui quá hại tim, không buồn lo quá hại bao tử, không sân hận hại gan, không ham muốn hại thận... Sự bình thản, lòng từ vô lượng, luôn tỏa năng lượng sinh học thanh khiết, âm trực không xâm nhập được hà tất bệnh tật và tai nạn phát sinh!

Trong mọi pháp hành, đi đến đỉnh đều gặp nhau một điểm, đó là điểm giải thoát. Trong quá trình hành trì, năng lượng sinh thức được tác động bởi chân động lực sinh học để phân hóa, tan loãng nghiệp thức. Nghiệp thức là kho chứa nhân để dẫn đến quả. Chúng tử nghiệp nhân là hiện tượng chấp thủ được tàng trữ bởi vô minh, một khi hành giả được trang bị một kiến thức về thực tướng vạn pháp, từ đó, tư tưởng không còn bám víu vào hiện tượng; trong tiến trình hành pháp, chân động lực của năng lượng sinh học hỗ trợ cho năng lượng sinh thức để khai triển tánh không từ tạng thức (bach tạng thức), vì thế, nhân quả khứ được pha loãng để khi trở quả, nó chỉ là hiện tượng nhẹ nhàng. Câu chuyện Đức Phật bị Kim thương đâm như sau:

"Một thời gian nọ, khi Phật đang ngụ ở Trúc Lâm tịnh xá gần thành Sa Duyệt, bỗng đâu một mũi kim thương hiện ra sừng sững trước mặt Ngài. Ngài hiện hình lên không trung, mũi kim thương cũng bay lên theo; Ngài trở xuống tịnh xá; mũi kim thương cũng bay xuống theo. Thấy thế Phật bèn nói với mọi người hiện diện tại đó cùng với Thiên Long Bát Bộ rằng:

- Kim thương này là quả báo đời trước của ta. Vậy mọi người hãy an lòng để ta trả quả.

Phật bèn đưa chân mặt ra, kim thương đâm xuống chân Phật, lún xuống đất, rung động cả vũ trụ. Mọi người thấy thế lấy làm ngạc nhiên và xin Phật giải rõ. Phật nói: *"Trong một tiền kiếp xa xưa, thật là xa ta là một vị Chúa tàu chở 500 người đi buôn, ra biển để tìm báu vật. Bỗng nhiên đang đi ngoài khơi, có một kẻ trong bọn ấy sanh tâm muốn giết hết tất cả để đoạt sản vật, ta liền đâm nó chết. Nay ta phải trả cái quả ấy"*.

Việc hành trì miên tục và thành tựu một pháp môn sẽ giúp nhân quả khứ nhẹ nhàng hơn, nghĩa là nhân quả sẽ không mất mà được hoán chuyển và hóa giải. Chẳng những thế, có thể rút ngắn quả báo vị lai trong hiện kiếp:

... Và để nói rõ hơn về luật Nhân Quả, ngài pháp sư Ân Quang - một bậc cao tăng, danh đức trong Tăng giới - đã từng nói: “... Nên biết sự tu trì của hành Nhân quả thật chí thành không giả dối thì có thể chuyển hậu báo thành hiện báo tức là chuyển báo nặng của những đời sau thành báo nhẹ ở đời này. Người phạm mất thịt chỉ thấy sự kiết hung trước mắt chớ đâu biết được Nhân Quả đời trước, Nhân Quả đời sau”... (Quy Nguyên trực chỉ).

Như vậy, với hiệu quả của việc hành thiện và hướng thiện, người con Phật tin rằng, mọi tật bệnh khổ ách đều có thể hóa giải bằng năng lực tâm linh, nặng biến thành nhẹ, nhẹ sẽ là không khí năng lượng sinh thức luôn được bao bọc bởi lòng từ vô biên, tâm an lạc hoan hỷ và vị tha vô điều kiện, đó là **tự tánh quán âm** giải trừ mọi khổ ách trong lục đạo.

MINH MÃN

14/10/2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 9

Tâm linh và vũ trụ

Ngày nay, khoa học đồng thuận với đạo học về sự tương quan giữa con người và vũ trụ, một sự tương quan mật thiết mà ý thức con người gắn liền với sự hình thành, tồn tại và thăng hoa; chỉ có con người mới đủ năng lực hòa nhập và chủ động. Tuy mọi loài động vật khác, thực vật và khoáng vật cũng không ra ngoài sự liên kết đó, nhưng sự tồn tại và phát triển của chúng trong một hạn giới khách quan và vô thức (so với con người). Con người là dấu ấn của sự tiến hóa từ các loài hạ đẳng qua thời gian lâu dài, một sự tiệm tiến do giao tiếp mà thuật ngữ nhà Phật gọi là: **“Xúc cảnh sanh tình”**.

Một con ốc ma, con cuốn chiếu khi bị vật cản, chúng tự co cụm tìm hướng khác để bò, chúng tìm đến thức ăn và ẩn mình vào ban ngày. Mỗi loài có một phản xạ cá biệt. Cây cỏ biết tìm ánh sáng mà tránh bóng rợp. Các loài dây leo có khuynh hướng bò lên mà không chúi xuống. Tất cả loài có sự sống đều phát triển hướng đi lên. Sự phát triển đều mang tính tự tồn và hướng thượng; Từ sinh vật nhỏ nhiệm đến to lớn, từ vật thể vĩ mô như vũ trụ đến vi mô như hạt Higgs, chúng đều có một cái biết tự thể qua sự vận hành, tồn tại và giao thoa. Loài càng phát triển cao càng có tính chấp thủ, tự vệ, vì thế có động thái phản kháng, tranh chấp và triệt

tiêu lẫn nhau, xa dần sự hỗn hậu của bản nhiên. Như thế, cái biết của bản năng và cái biết của ý thức không do sự cấu tạo của não bộ, mà não bộ là kết quả tiến hóa của linh thức (sinh thể năng lượng) mà thành.

Ngoài cá tính đó, tất cả vạn loại đều chịu một ảnh hưởng chung của năng lượng vũ trụ. Năng lượng vũ trụ là nguồn lực sinh tồn vô thủy vô chung. Trường năng lượng là loại vật chất vi tế, tần số dao động cực nhanh cực mạnh thì tính thanh khiết càng cao. Tần số dao động chậm thì các tinh thể vật chất thô càng đậm đặc, hình thành cơ cấu vật lý, vì thế mà thực vật, khoáng sản, mọi sinh vật đều mang một năng lượng sinh học, một phần năng lượng được chiết xuất từ năng lượng vũ trụ. Cũng thế, chấn động lực tâm thức cao, sẽ thanh tẩy mọi tạp thức ứ trước, nâng tâm thức lên cấp độ vi tế, kích hoạt tuyến Tùng để khai quang trí huệ. Do tính trọng trọng u trệ của cảnh giới vật chất thô mà không gian bị hạn chế, năng lượng sinh thức cũng thế, tâm ô nhiễm tạp loạn thì tinh thần u ám thiếu minh tuệ. Ngược lại, tâm thức khai quang hòa đồng cùng năng lượng vũ trụ, bấy giờ năng lượng siêu thức trở thành không gian đa chiều và thời gian phi tuyến tính. Tính tương thích giữa năng lượng sinh học của vật chất thô và năng lượng vũ trụ vật chất vi tế tuy hai mà một, như sóng và nước tuy một mà hai.

Trường năng lượng vũ trụ chính là trường năng lượng siêu thức trong mỗi cá thể, do tần số dao động thấp mà năng lượng sinh học bị ứ trệ bế tắc (chúng tử ẩn tàng trong tạng thức) sinh ra bệnh hoạn. Tần số dao động thấp là do ý tưởng vô minh cản trở sự lưu thông năng lượng sinh học. Một hành giả thành tựu là hành giả hòa nhập với trường lực vũ trụ, giải tỏa mọi bế tắc tâm sinh lý, mọi huyết mạch và tâm thức được câu thông, năng lượng sinh thức sẽ thăng tiến nếu chưa khai triển được năng lượng siêu thức tuyệt đỉnh (hóa giải nghiệp thức). Như vậy tâm linh là con đường thăng hoa của vật chất thô để tiến vào lãnh địa vi tế của tâm thức, hoàn toàn khoa học mà không mang tính huyền thoại mê tín. Ngày nay, nhiều dạng đi vào thế giới tâm linh, tùy căn cơ và sở trường của từng hành giả mà sự thành tựu dưới nhiều dạng thức.

Nghiệp thức và chuyển hóa

Kỹ thuật khoa học tăng trưởng cực nhanh, đưa con người đến thế giới hưởng thụ và cảm xúc, kéo theo nhiều tạp khí ô trược làm ảnh hưởng sức khỏe cá nhân, và, công nghiệp chúng sanh tác động đến môi trường sống, làm biến đổi khí hậu và năng lượng sạch. Nông nghiệp sử dụng thuốc trừ sâu diệt cỏ thì một số loại sâu bọ côn trùng mới phát sanh; cũng thế thuốc men, thực vật biến đổi gen, thực phẩm mới và sự hưởng thụ cũng tạo cho cơ thể phát sanh những loại virus mới để thích ứng với cơ năng sinh hoạt, vì thế mà bệnh tật mới phát sanh. Cứ thế mà con người chạy cút bắt lòng

vòng trong đau khổ. Nhà Phật bảo: **“Cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt”**. Vậy thiên tai dịch bệnh không thể dùng phương tiện vật chất trừ tuyệt, vì đó là hậu quả tất yếu của tâm thức, cái gì sanh phải từ cái đó để diệt. Do tâm tham dục hưởng thụ, độc ác, ích kỷ phát sanh thì cũng từ những yếu tố đó để chuyên hóa. Virus là những nghiệp báo của tâm thức cấu thành. Tâm thức được chuyển hóa trong sáng, yêu đời, vị tha, năng động, vô cầu thì tự nhiên mọi nghiệp thức không có dịp để phát triển.

Khoa học tâm linh xác nhận tâm linh là kho tàng ẩn dấu mọi huyền bí và quyền năng vũ trụ. Tâm linh quyết định khai sinh hiện tượng chứ không phải hiện tượng sinh khởi tâm linh. Nghĩa là năng lượng vũ trụ (năng lượng siêu thức) cấu thành vũ trụ vật lý. Thời đại duy vật quan niệm vật chất khai phát tâm linh là một quan niệm bị bế tắc, khoa học huyền bí chứng minh cho thấy tâm linh quyết định năng lượng vật chất thô; trường năng lượng vũ trụ, tâm từ và trí huệ xuất thế gian cũng chỉ là một. Vì thế, Phật giáo gọi là **“nhất thiết duy tâm tạo”**.

Đây là tiến độ song hành giữa năng lượng vũ trụ và năng lượng sinh thức:

- Năng lượng vũ trụ là trường lực dao động thường hằng để duy trì sự sống. Tần số dao động thấp thì kết tụ các tinh thể nguyên tử cấu thành vật chất (các hạt cơ bản).
- Năng lượng siêu thức là tính thể uyên nguyên của một cá thể; khi năng lượng siêu thức suy giảm tần số dao động tinh túy thì vô minh tạp niệm sinh khởi. Năng lượng sinh thức là môi trường cho khuynh hướng tiến hoặc lùi để quyết định là Thánh hoặc phàm của một cá thể.

Theo các nhà khoa học thì: Các yếu tố vật lý luôn dao động, đây là điều vô cùng quan trọng. Đặc trưng dao động của các yếu tố này thể hiện các thuộc tính Vật chất của Hạt cơ bản. Các đặc trưng dao động của các yếu tố này thể hiện năng lượng, thể hiện khối lượng, thể hiện điện tích, thể hiện các lực của tự nhiên: lực mạnh, lực yếu, lực điện từ và lực hấp dẫn của Hạt cơ bản. Mà tần số dao động càng cao thì năng lượng càng lớn! Nhưng, cũng từ cái thấy của khoa học, các hạt cơ bản chỉ là chuỗi dài mà “Các Hạt cơ bản được mô tả bằng Chuỗi. Hạt Electron, các loại hạt Quark là Chuỗi. Hạt nhân Nguyên tử được cấu tạo từ các hạt Neutron, hạt Proton. Các hạt Neutron và các hạt Proton được cấu tạo từ 3 hạt Quark. Hạt nhân Nguyên tử sẽ là tổ hợp **không** nhiều lắm các Chuỗi.” (Vũ trụ-tính không – Nguyễn Hiếu sư tâm).

Như thế, hiện tượng vật lý thô đã hàm tàng tính Không thì sinh thể năng lượng vật lý vi tế là gì??? Thế giới mà mắt thường không nhìn thấy,

(ngoại trừ Thiên nhân, Huệ nhân và Phật nhân) tuy chưa chứng minh được, nhưng khoa học vẫn phải chấp nhận có sự tồn tại nơi thế giới vô hình như các tôn giáo thường đề cập, đó là sự sống của trường năng lượng vi tế hay gọi là năng lượng siêu thức. Sinh thể năng lượng vi tế đó song song với sinh thể năng lượng vật lý thô, cùng tồn tại và ảnh hưởng lẫn nhau.

Não bộ kết tập các kinh nghiệm, các ý tưởng làm hạt giống thiện ác lưu trữ vào tạng thức, chuyển hóa những cảm thọ thành hạt giống buồn vui để hạt nhân đó áp ủ gặp cơ duyên thuận lợi sẽ trở quả hiện báo, sanh báo hoặc hậu báo. Nếu là sanh báo hoặc hậu báo, những hạt giống đó truyền tải vào năng lượng sinh thức, tồn tại trong một sinh thể năng lượng, khi tần số dao động của năng lượng sinh thức hội tụ trong một sinh thể vật lý, chủng tử đó ẩn tàng một thời gian đến khi cơ thể vật lý đủ khả năng cảm thọ, tư duy và hành hoạt để tạo duyên mới trong môi trường mới thì những hạt nhân đó mới phát sanh ra quả hoặc thiện hoặc ác hoặc vô ký. Trong thời gian trở quả, nghiệp thức tạo thêm chủng tử mới để làm dây xích tiếp tục kết nối những sinh mạng vật lý hoặc sinh thể năng lượng kế tục mà luân hồi miên viễn.

Nếu hiện kiếp, một sinh thức tuy chứa nhiều tạp nghiệp, nhưng do phúc báu nhiều đời, gặp được minh sư, chư Bồ Tát, Thánh Tăng, được pháp hành chuyển hóa nghiệp thức, kết hợp với năng lượng dương của vũ trụ. Bây giờ năng lượng siêu thức có cơ may được đánh thức để hội nhập vào biển tuệ giác, cội nguồn bản lai, còn gọi là Như Lai tạng tánh, đồng nghĩa với lòng từ vô lượng mà các đấng giáo chủ, các minh sư đều có; cơ thể năng lượng của các ngài là cơ thể vô lượng quang, đồng bản thể với năng lượng từ bi tuyệt đối.

Như vậy Tính Không của chư Phật, nhất là Bồ Tát Quán Thế Âm thấu suốt thế gian có mâu thuẫn với năng lượng hằng hữu của vũ trụ hay quang năng thường trụ của mười phương Thánh hiền? Hãy nghe lại đoạn kinh Bát Nhã:

“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không...”

Như đã trình bày phần trên, dưới ánh sáng khoa học vật lý thì mọi hình thái đều cấu thành bởi các nguyên tử, phân tử, hạt nhân... mà tự thân của chúng tồn tại một khoảng trống không, như những bong bóng xà phòng bay lơ lửng trong không gian, tự thân chúng chỉ là ảo ảnh, không có một thật thể trường tồn. Cũng thế, bọt bèo trên sóng biển chỉ tồn tại nhờ sự dao động của nước, nước lắng yên thì chúng cũng biến mất. Trên biển

năng lượng vũ trụ, do nghiệp thức dao động mà sanh thân ngũ uẩn, chính vì thế mà cái nhìn tuệ giác của chư Phật và Bồ Tát đã thấy thân ngũ uẩn vật lý này là không, ngay cả sanh lão bệnh tử, cảm thọ buồn vui cũng là không thật có; đã không thật có thì: *“Vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn”* chính vì dùng trí tuệ tuyệt đối như thế mà ba đời chư Phật vượt thoát ảo giác, đạt đến chánh đẳng chánh giác hoàn toàn.

Tính Không của nhà Phật và **cái Không** của khoa học vật lý trong hiện tượng giới chỉ là bề mặt nổi trong biển năng lượng vật lý thô. Nhưng khoa học đã bị bế tắc ngay trước bức tường không thật đó, chưa có phương cách vượt qua như trí tuệ Bát Nhã của nhà Phật. Trong khi đó, Phật giáo cũng như một số giáo phái tâm linh đều đưa ra những pháp hành giúp hành giả thoát khỏi sự khống chế của vọng thức; nghĩa là dùng mộng để diệt mộng. Ngoài lý thuyết giúp cho con người hiểu được cái vọng tiền trần và cái vọng nghiệp thức, nhà Phật còn có những phương cách chuyển hóa tâm linh để câu thông năng lượng sinh thức với năng lượng siêu thức mà thoát khỏi biển dao động của năng lượng âm trong vũ trụ. Cũng có những giáo phái tâm linh (không phải tôn giáo) không có lý thuyết dài dòng, đưa ra pháp hành trực tuyến, đòi hỏi hành giả tuyệt đối tin tưởng và hành trì miên mật, giúp cho vọng thức ngưng bật để vào đại định, kích hoạt tuyến Tùng trời dậy mà khai thông tuệ giác. Có những môn phái từ tướng đi vào tánh như Kim Cang Thừa, có những pháp môn dùng tâm quán tâm như Vipassana; có pháp dùng âm thanh để đi vào tánh nghe thường trụ như Lăng Nghiêm đại định tu chứng viên thông hay phản văn văn tự tánh; cũng có pháp trụ tướng để hiển tánh; có pháp nương ánh sáng đi vào quang năng, cũng có pháp quán thân ngũ uẩn để hiển lộ trí tuệ.

Sant Mat cũng sử dụng khả năng nghe và nhìn để kích hoạt nguồn sinh lực nội thể, khai thông tuyến Tùng bằng luồng điện âm dương nội thân mà hòa nhập vào năng lượng dương của vũ trụ; có pháp dùng tuệ tri để quán xét tự thân, có pháp dùng một vấn nạn mà xoáy sâu vào định lực như tham thoại đầu... đó là những pháp hành câu thông với năng lượng dương của vũ trụ đưa đến giải thoát từng phần hoặc toàn phần.

Dù là pháp hành nào cũng đưa hành giả nhập vào dòng âm lưu từ bi vô điều kiện; tình thương sẽ lan tỏa tự nhiên, không còn dám xâm hại đến bất cứ một sanh mạng nào, kể cả cỏ cây đất đá, đó là lòng từ ái vô biên đối với mọi loài, và trí huệ ngày càng phát triển linh hoạt, tinh thần thư thái an lạc. Tuy nhiên không thiếu tà sư ngoại đạo sử dụng năng lượng âm để dẫn dắt hành giả thành tựu những hiệu quả của âm trực, mục đích danh, lợi và tình, lún sâu vào trầm luân đọa lạc.

Trường năng lượng vũ trụ là quang năng tự tánh, là nguồn gốc vũ trụ, là một hiện thực của “**chân không diệu hữu**”, vượt khỏi ý niệm nhị nguyên của thời gian và nhị biên của không gian; vì thế, cái nhìn của Bồ Tát Quán Thế Âm đối với hiện tượng thế gian là không thật về tướng. Ngài nương giả tướng để hiển tánh, tánh thường hằng thường trụ không phải là trạng thái bất động khô cứng mà là dạng sóng dao động miên tục, như giòng sông biểu hiện sự miên tục luân lưu của các tinh thể nước. Sóng mặt trời chuyển vận ánh sáng đi muôn nơi; sóng điện thoại, sóng âm thanh... đều là bản chất của sóng năng lượng, chúng nằm trong bề mặt của từ trường vũ trụ. Hạnh nguyện của hành giả quán âm là nương vào âm lưu nội tại để hóa giải mọi khổ ách trọng trọc của nghiệp thức mà thăng hoa.

Phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa có nói trong đoạn kệ:... *“**hoặc từ cảm xiềng xích, tay chân bị gông cùm, do sức niệm quán âm, tháo dỡ đặng giải thoát**”*... (HT Trí Tịnh dịch); hành giả miên mật quán sát âm lưu nội thể thì mọi gông cùm dục vọng trói buộc đời sống tự động tiêu tan. Mọi dục vọng thế gian là loại năng lượng âm trọc biến thể của giòng âm lưu vô minh nhất thời như bọt bèo trên mặt nước lúc dao động, khi năng lượng dương hóa giải thì tự động chúng được chuyển hóa và hành giả được giải thoát mọi ràng buộc. Thế vào đó là “**Từ Tâm**” xuất hiện. Từ tâm là lòng từ, là tình thương vô điều kiện, là lực hút. Từ trường là lực hút của vũ trụ, nếu không có lực hút thì vạn vật sẽ phân tán. Từ tính là giòng hút của nam châm. Từ là tình thương là lực hút mà các Bồ Tát, các Thánh tăng, các minh sư phát triển không giới hạn. Tình thương phạm tục là lực hút có điều kiện, do vậy thường bị phản xạ đưa đến hậu quả bất trắc, nhưng tình thương của Thánh hiền là chiếc bánh mầu nhiệm, càng phát ra, càng tăng thêm. Như vậy, năng lượng vũ trụ là một từ trường mặc nhiên luôn có lực hút những tâm thức hướng thượng và giải thoát, là vòng đai bảo vệ cho những hành giả thoát khỏi trường lực của năng lượng âm.

Trường năng lượng âm – dương

- *Hiện tượng vật lý thô*, cảnh giới này gọi là dương; dương là sự hiển lộ cho mọi người thấy biết. Cơ năng vật lý của mọi sinh vật đều hàm tàng năng lượng; năng lượng sinh học luôn dao động để duy trì sự tồn tại của hình thể, chúng nằm trong dạng sóng năng lượng vũ trụ; khi tần số dao động chuyển đổi thì đương thể bị biến đổi. Quỹ đạo trái đất chịu ảnh hưởng nhất định của từ trường vũ trụ; vì một biến cố nhỏ nào đó của vũ trụ tuyến, làm quả đất lệch độ thì toàn bộ sinh vật trên hành tinh cũng ảnh hưởng theo, hoặc thiên tai động đất, sóng thần, bệnh dịch, hỏa hoạn, chiến tranh... chúng được bao phủ bởi năng lượng vũ trụ mà **Franz**

Anton Mesmer 1734-1815 gọi là chất lỏng. Vì năng lượng sinh học của động vật, nhất là con người, chịu ảnh hưởng mạnh của trường lực vũ trụ nên, theo Mesmer: Đặc tính của cơ thể động vật là có thể cảm nhận được ảnh hưởng của các thiên thể và tác động của những gì bao quanh nó, vì nó có những đặc tính giống như của nam châm. Vì thế tôi quyết định đặt tên cho nó là từ tính động vật (Magnétisme Animal).

Mesmer là nhà thấu thị, dùng năng lượng sinh học chữa bệnh, ông ta xác định: **Sau cùng, học thuyết này đặt người thầy thuốc ở địa vị người có thể đánh giá đúng sức khỏe cho một cá nhân và làm cho anh ta tránh được các bệnh tật. “Như thế, nghệ thuật chữa bệnh sẽ đạt được sự hoàn thiện cuối cùng”.**

Đối với giáo lý nhà Phật, điều này không hoàn toàn đúng, bệnh là kết quả của nghiệp thức kết tập trong quá khứ; các chủng tử đó tiềm phục, đến khi có đủ duyên thì phát khởi. Dùng năng lượng sinh học của một người để trấn áp nghiệp thức của bệnh nhân không cho phát khởi, không có nghĩa triệt tiêu được nghiệp nhân của bệnh nhân mà chỉ có nghĩa gia hạn việc trả quả. Chính vì thế, ông cha ta có câu: **“Nhất đại lương y, tam đại suy”**, vì can thiệp vào nghiệp quả của người khác; tuy nhiên, vì hạnh nguyện của Bồ Tát, một Minh sư chứng đắc có khả năng dùng năng lực để trì hoãn việc trả quả của đệ tử vì mục đích trợ duyên cho đệ tử tu tập hầu đệ tử chuyển hóa nghiệp quả của mình thì việc đó sẽ khác. Cho nên Trường sinh học nhân điện dùng chữa bệnh thuần túy chẳng khác giúp cho bệnh nhân trốn nợ mà không giúp cho họ tự thân tu tập để chuyển hóa nghiệp quả. Nợ thì không thể trốn theo luật nhân quả, không trả trước phải trả sau. Một bệnh nhân hao tốn một số tiền chữa trị và đau khổ vì căn bệnh, đó là cách trả quả; trả xong hay còn là do phước nghiệp quá khứ cùng với hành trạng hiện kiếp của đương sự. Nếu trả quả mà không hao tốn vật chất, không đau khổ tinh thần, thể xác không chịu một tác động, một áp lực nào thì không thể xem là trả quả, ngoại trừ các Thánh nhân, các bậc tu chứng trong lúc trả quả mà tinh thần vẫn chủ động an lạc. Vì vậy, khi nhận thức được tính liên đới về một sinh mạng với năng

lượng dương của vũ trụ thì hành giả tự mình kết hợp tâm thức, pháp hành và đời sống sinh học để cân bằng tâm sinh lý, vừa hóa giải nghiệp thức, vừa tránh kết tụ thêm tập khí xấu, đồng thời tiến hóa trên con đường giải thoát tâm linh. Năng lượng sinh học trong cơ thể động vật, nhất là con người, có hai khuynh hướng do chính chúng ta quyết định. Trong trạng thái cơ học, do hấp thu một số thực phẩm dương tính thì sức khỏe và tinh thần sẽ thanh thái, năng động và nhạy bén. Ngược lại âm chất nhiều sẽ đem đến bạc nhược trì trệ, trầm cảm và bệnh hoạn. Trong phạm vi năng lượng sinh thức, luôn tư duy theo chiều hướng tích cực, trong sáng, thánh thiện, vị tha thì năng lượng dương ngoại biên dễ tiếp cận hỗ trợ chuyển hóa tâm linh, giúp hóa giải nghiệp thức nhẹ nhàng hơn. Bằng ngược lại, tâm tưởng luôn có chiều hướng tiêu cực, xấu xa, sát hại, ích kỷ, bòn xén, độc ác... thì tương thích với năng lượng âm ngoại biên thâm nhập, mở đường cho những bất thiện, tai nạn, bệnh tật và xui rủi theo vào. Dương có khuynh hướng đi lên, sáng tỏ, thánh thiện; âm có khuynh hướng đi xuống, độc ác, đen tối u ám.

- *Hiện tượng vật lý vi tế*, còn gọi là sinh vật năng lượng vô hình, cảnh giới này tạm gọi là cõi âm, một dạng sống ẩn tàng mà mắt thường không thấy được, ngoại trừ huệ nhãn, thần nhãn, Phật nhãn hay các nhà thấu thị, một dạng sóng năng lượng có tần số dao động nhanh hơn, mạnh hơn thể vật lý thô. Sinh vật năng lượng này vẫn mang âm tính. Nhà tiên tri nổi tiếng thế giới người Bungari là bà Vanga (1911-1996), bị mù lúc 14 tuổi, đã cho biết về thế giới vô hình như sau:

- Bà đã nhìn thấy hình ảnh của các vong linh và nghe thấy tiếng nói của họ.

- Bà đã chứng kiến các vong linh bày tỏ cảm nghĩ của mình cũng như trả lời các câu hỏi được đưa ra.

Việt Nam sau 1980, cũng xuất hiện nhiều nhà ngoại cảm mà nổi tiếng nhất là Phan thị Bích Hằng; việc tìm mộ và thấy nghe được thế giới cõi âm trở thành chuyện thường ngày đối với các nhà ngoại cảm có khả năng cao. Sinh vật năng lượng âm này có đủ tính chất lúc mang thân người ở cõi dương; các chủng tử thiện, bất thiện, các cảm thọ hỷ nộ ái ô đều tồn tại ở dạng sóng âm nên người dương không nghe thấy được. Tuy nhiên, cơ năng vật lý vi tế đó vẫn còn lưu trữ những ký ức về một thân thể vật lý thô trước khi chết, cho dù thời gian vài mươi năm hoặc lâu hơn thế nữa, do tính chấp thủ của nghiệp thức mà những ký ức đó vẫn chưa phai mờ, và cơ năng vật lý vi tế âm đó không có khả năng cập nhật thông tin như lúc còn xác thân vật lý thô, vì vậy các nhà thấu thị thường biết họ ăn mặc, nói năng và ước muốn theo tập quán trước khi bỏ xác.

Chính vì vậy mà Phật giáo chú trọng đến việc siêu độ cho những vong thức đang tồn tại trong cảnh giới mộng tưởng đen tối lạc lõng đó. Nếu thời gian tồn tại trong cõi âm mà vong thức còn bảo lưu những cảm thọ bất thiện thì chính họ cảm nhận những khổ đau dần vật. Đa số quần chúng Phật tử lầm lẫn giữa cảnh giới Trung âm và cảnh giới hạ âm thức. Cõi trung âm là giai đoạn chờ đợi đủ yếu tố để chuyển sinh hoặc vào cõi dương hoặc xuống cõi hạ âm thức. Hạ âm thức là cõi có tần số dao động nhanh nhưng năng lượng đen do tụ khí từ những chủng tử bất thiện hoặc cực ác. Thân thể năng lượng nhuộm màu đen tối hoặc đỏ rực, tùy nghiệp duyên chiêu cảm. Những trai đàn chẩn tế rất quan trọng cho các hạ âm thức hoặc trung âm thức, với điều kiện sám chủ và ban kinh sư thành tâm hướng đến họ. Có những sám chủ lãnh hậu quả đột tử là do ngồi đàn mà tâm phóng dật, không đem lại lợi ích cho chư vong nên bị sự phẫn nộ của lực lượng âm phản phục.

Chư linh thánh thiện mang thân ánh sáng mờ nhạt, chư linh trọng trực thì thân là một tụ khí u ám. Tất cả sinh vật vi tế mang thân năng lượng đều giao thoa không hề bị cản trở chướng ngại như thân vật lý thô, nhưng họ có một hạn giới ngăn cách nhau tùy mức độ dao động của thân năng lượng do phước nghiệp của mỗi chủng loại cấu thành. Có một năng lượng siêu thức cấp độ cao mang thân ánh sáng cực đại hòa cùng năng lượng vũ trụ có tâm thức, vượt khỏi mọi chi phối, đó là chư Phật, chư đại Bồ Tát, chư minh sư Thánh hiền.

Quán âm và hóa giải

Ngoài việc chân tế, mỗi pháp hành đều có công dụng giúp tự thân thăng hoa mà còn tác hưởng đến thân tộc và những vi sinh năng lượng, giải trừ nghiệp thức khi biết giải tỏa những kiết sử đang cố chấp; một linh thức được thanh lọc các tập khí càng nhiều thì cấp độ thăng hoa vào trường năng lượng dương càng cao. Một hành giả chân tu, thường hướng đến năng lượng thanh khiết bằng thân khẩu ý thì năng lượng sinh thức tỏa sáng cho những vi sinh thể chung quanh mình. Những thân tộc quá vắng có mối liên kết với nghiệp thức hành giả cũng ảnh hưởng trường năng lượng dương của hành giả mà thăng hoa. Vì vậy được gọi –**“Nhất nhân đắc đạo, cửu huyền thăng”**, nếu hành giả chưa chứng đắc toàn phần, quá trình đắc pháp và hành pháp cũng ảnh hưởng đến thân quyến, bè bạn, oan gia trái chủ để họ cùng thăng tiến trong trường năng lượng dương của vũ trụ. Người bình thường khi cầm một vật, dấu tay để lại trên vật đó, thì hành giả thành tựu cũng để lại những vết sáng trên bất cứ đồ vật nào khi chạm tay qua.

Hành giả quán âm ngoài hạnh nguyện phục vụ chúng sanh một cách vô ngã qua ngưỡng vọng âm thanh thường tục, còn quán sát âm lưu nội tại

miên tục không gián đoạn, không tuyến tính, để độ tận chúng sanh tánh tự thân về bản chất bị thử nhân ngã, không đúng sai, không có chiều kích của không gian và thời gian, luôn là thực tại và hiện tại; không bị chi phối bởi vọng tưởng, không bị chi phối bởi tiền trần thức, không có cảm thọ trần tục... đó là trạng thái tĩnh trong động của tần số năng lượng tâm thức, không lạc vào ngoan không, vì thế Như Lai là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, luôn là hiện thực, hiện tại và bây giờ! Chúng sinh do vọng tưởng dao động nên mọi thực tại bị méo mó, đưa đến nhận thức thiếu trung thực. Tâm thức các hành giả thành tựu hay chư Phật và Bồ Tát luôn là mặt hồ tĩnh lặng phản chiếu mọi thực tại một cách trọn vẹn và trung thực, vì thế - *“viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn”*.

Trường năng lượng vốn là bản năng vô tính của trường lực vũ trụ. Khi năng lượng tâm thức khởi động thì năng lượng sinh thức tác động đến năng lượng vi sinh để hiển thị ánh sáng nếu thị giác hoạt động, và năng lượng vi sinh hiển thị dao tần sóng âm nếu thính giác khởi hiện. Chính vì thế, một hành giả thiền tập thường xuất hiện ánh sáng hoặc nghe được âm thanh vi diệu khi mà bán cầu não được kích hoạt bởi vi sóng năng lượng sinh thức. Quán Âm là pháp của Bồ Tát Quán Thế Âm hay hành giả quán âm hành tập, hòa nhập vào từ trường vũ trụ để phát triển tâm từ và quán sát các loại hình khổ đau của chúng sanh hay nhu cầu tục đế mà hóa giải bằng ánh sáng tuệ tri hầu đưa đến tuệ giác. Như vậy, tâm linh hay năng lượng vũ trụ đều là một thể tính; hàm chứa quang năng tự tánh và âm lưu nội tại, là chấn động lực của tần số đồng pha; hành giả dù đi trên con đường nào với mục đích hội nhập năng lượng vũ trụ, hay hiển lộ Phật tánh, trở về bản lai diện mục, bất cứ ngôn từ diễn đạt nào, cũng đều thoát khỏi cái không thật của khối vật chất thô và vọng tưởng vi tế âm của trường năng lượng. Đó là cách hóa giải cái gọi là: *“nhất thiết hữu vi pháp*

- như mộng huyền bào ảnh – như lộ diệc như điện”. Chúng tử tập khí, nhân quả ở dạng sóng vi tế, nhìn thấy nghe biết ở dạng sóng quang và dạng sóng âm, chúng tồn tại mức độ dao động để duy trì một tinh thể mà ta cứ ngỡ là tĩnh lặng, kể cả khoáng vật, thật ra luôn chuyển động trong cơ chế nhịp nhàng mà tồn tại. Nhờ vậy mà chúng tử quá khứ có thể xuất hiện trong não bộ đôi khi không do học tập mà có, từ đó, thần đồng xuất hiện hoặc vô sư trí có mặt. Như máy thu thanh, có thể rà trúng tần sóng bất chợt, do sóng âm bàng bạc trong vũ trụ, cũng thế, sóng não tiếp cận với tri kiến bất chợt khi sóng quang, sóng âm đồng pha với sóng não trong một giai tần nhất định. Đó là trường hợp của các nhà thấu thị, ngoại cảm, nhưng với những hành giả tâm linh có thể chủ động khi mà định lực đủ khả năng hướng đến một chủ đích theo ý muốn. Ta hiểu tâm thức cũng là tạo hóa của hiện tượng vật lý thô và vật lý vi tế trong trường năng lượng vũ trụ.

Vì vậy cổ nhân từng bảo: con người là chủ tể của vũ trụ. Kết cuộc của mọi hành trình tâm linh đều là dải năng lượng từ bi phủ trùm vạn vật. Phật tính, Đạo hay bất cứ tôn giáo chân chính nào cũng hàm tàng tình thương vô điều kiện; trí tuệ vô biên. Tình thương và trí tuệ là dạng năng lượng trong từ trường quang âm vũ trụ.

MINH MÃN

31/10/2012

TỰ TÁNH QUÁN ÂM 10

Âm lưu nội tại

Âm lực vũ trụ, âm thanh thường nhật trong cuộc sống và sóng âm nội thể trong từng sanh thân của mọi loài đều là một phần của trường năng lượng; Sóng âm trong khoáng vật, trong thực vật, tuy tai không nghe thấy, nhưng nó vẫn luôn dao động để duy trì hình thái và sự sống của vật

thể. Và sóng âm hay trường năng lượng sẽ chuyển hóa các tế bào gen trong từng sinh thân để tương thích với ngoại lực. Chính vì thế mà từ đáy biển sâu lạnh đến vùng xích đạo khô nhiệt vẫn có sự sống tồn tại, mỗi môi trường đều có những sinh vật thích ứng với nhiệt độ và điều kiện sống nơi đó. Trong trường lực vũ trụ vẫn tồn tại dạng sóng sinh thức, đó là sinh vật năng lượng hay cõi vô hình mà con người thường gọi.

Lời tiên tri của những hành giả tâm linh ở đẳng cấp cao trong những thế kỷ trước, tiên đoán thế kỷ 21 là thế kỷ của tâm linh, vì vậy mà trình độ tiến hóa tâm linh nâng trình độ nhận thức khoa học lên một tiến độ vượt bậc. Từ nhân loại đến các loài sinh vật đều có một trình độ khôn ngoan nhất định. Khi tâm linh tiến hóa thì trường lực vũ trụ cũng có sự chuyển biến tương thích. Trẻ con ngày nay đẹp và thông minh hơn, loài vật nuôi cũng tinh khôn hơn, thực vật cũng phát triển nhanh và một số biến đổi gen tự nhiên để thích ứng với môi trường, khí hậu chuyển biến. Sự co giãn của vũ trụ ảnh hưởng nhiều đến sinh quyển, đến não bộ các sinh loại; ngay cả khi thời tiết giao mùa thì con người cũng ảnh hưởng sức khỏe, khi khí quyển dao động bởi trường lực vũ trụ thì cơ năng cũng phải thích ứng, các tế bào, gen cũng phải chuyển hướng. Riêng con người, một số do bảo lưu tập khí nên màn vô minh làm trì trệ tiến hóa tâm linh, chưa thích nghi với những chuyển biến cơ chất, vì thế những vi sinh vật đối kháng lại tâm thức sanh ra vô vàn loại virus lạ mà gọi là bệnh lạ thế kỷ. Tuy nhiên, nếu tâm thức chuyển hóa cao, tâm linh tương thích với sự chuyển biến của vũ trụ thì tự thân, năng lượng sóng âm sẽ đồng pha và sinh thân sẽ quân bình hài hòa với cuộc sống trong vũ trụ. Vì thế, cuộc sống thiên trọng về vật chất thì tâm linh sẽ bị phai nhạt, khuynh hướng tâm linh mạnh thì cuộc sống vật chất sẽ đơn giản hóa, từ đó bệnh tật ít phát triển.

Vũ trụ tuyến chuyển đổi thì cơ năng sinh học các loại cũng phải chuyển đổi, tâm linh cũng phải vận hành theo cơ chế mới trong một trường năng lượng chung của vũ trụ. Mỗi chu kỳ là một kỷ nguyên, mỗi kỷ nguyên là biểu thị sự vận hành của trường lực vũ trụ, nhân sinh đương đại. Do vậy, mỗi thời kỳ có một đẳng tâm linh ra đời khuyến giáo chúng sanh sống theo lẽ Đạo đương thời cho thích nghi với cung Đạo vũ trụ đang tiến hóa. Tôn giáo có giá trị tương đối, nhưng chân lý luôn tuyệt đối; Do nghiệp thức con người sâu dày mà những hệ phái tâm linh luôn bị biến thành tôn giáo, tôn giáo là hiện tượng xuống cấp của tâm linh; đã có tôn giáo là phát sanh ra nghi lễ, giáo luật để bảo vệ tôn giáo, có tôn giáo là có giáo hội, có giáo hội là có giáo chế, giáo sản, giáo ca... cứ thế mà cái này có nên cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh... đến khi tôn giáo biến thái quá độ thì lại có một đạo sư tâm linh khác ra đời để chinh đốn kỷ cương tâm linh. Vì những ràng buộc của giáo điều chẳng khác những ràng buộc

khác trong cuộc sống; cho dù những ràng buộc được mệnh danh vì sự thánh thiện, cũng đều làm chướng ngại cho tâm thức. Giải thoát là sự tự do tuyệt đối từ tâm thức, không bị tập quán, kiến thức, tín ngưỡng, truyền thống, huyết thống, địa vị... chi phối.

Mỗi chu kỳ biến đổi, dịch chuyển của từ trường vũ trụ hay nhiệt lượng quang năng thì trên hành tinh cũng bị dao động về kinh tế, thương mại, chiến tranh, rối loạn xã hội. Vì thế có những chu kỳ nhất định cho việc suy thoái kinh tế, khủng hoảng tài chính, bế tắc giao thương là chuyện khó tránh trên hành tinh. Rồi sau đó lại hưng thịnh phát triển tiến hóa.

Tuy nhiên, cung Hoàng đạo của một chu kỳ trong vũ trụ chiếu cố thì những thế kỷ đó sản sinh lắm nhân tài, Thánh nhân, khoa học lỗi lạc; ngược lại gặp phải cung hắc đạo thì vô số hung thần tội ác thiên ma hắc ám xuất hiện. Điều này dễ hiểu khi có Thánh nhân xuất hiện thì luôn có hiền tài hỗ trợ, cuộc sống thái bình an lạc, xã hội thánh thiện, đất nước phát triển, nhà nhà hưng thịnh. Đó cũng do cộng nghiệp của quốc gia, khu vực hay châu lục, và ngược lại cũng thế.

Sóng âm nghiệp thức của từng cá nhân cộng hưởng với nghiệp thức cộng đồng tạo thành một y báo cho một xã hội; như con sóng vỗ bờ phát xuất từ ngoài khơi đại dương, cũng thế, giữa bề trùng dương năng lượng vũ trụ ảnh hưởng và giao tác nhất định sóng âm của cá thể tạo thành một nguồn sinh lực tâm linh. Từ nguồn sinh lực tâm linh được giao tác với năng lượng sinh thức tạo một nghiệp thức hoặc thiện hoặc ác mà hiện sinh thể giới hiện tượng. Nguồn sinh lực trong mỗi cá thể tạo nên sóng âm sinh học, tư tưởng, cảm thọ tạo nên sóng âm sinh thức, tuy vô hình nhưng tác động của từng sóng âm sinh thức tạo nên nghiệp thức, gửi năng lượng sinh thức vào kho lưu trữ trong băng tần năng lượng vũ trụ. Những hạt giống này tồn tại biệt lập không bị nhiễu với các sóng thức khác, vì tính đặc thù đó mà một bậc chứng đắc hoặc thấu thị bẩm sinh đều đọc được thông tin cá nhân trên trường năng lượng vũ trụ, như kỹ thuật viên đọc được lập trình phần mềm trên mạng tin học.

Như vậy, chấn động lực tâm thức có một quyết định quan trọng cho sự thăng hoa hoặc đọa lạc của một sinh thể.

Hội nhập

Tâm thức vũ trụ hay năng lượng siêu thức của cá thể là một nguồn sáng tinh khiết không tồn đọng bất cứ một dạng thể, một ý niệm, một kinh nghiệm nào; tuy nhiên cũng không phải là luồng sáng vô tri; tuy vô thức nhưng trùm khắp cái biết của vũ trụ. Khi hành giả hòa nhập cùng quang năng vũ trụ là tiếp nhận cái biết của vô thức (vô sư trí), tự động tâm tánh

chuyển hóa tràn đầy năng lượng yêu thương, thu hút mọi cảm ứng đối với muôn loài, và trí tuệ bùng vỡ. Năng lượng vũ trụ dương luôn bao phủ và tỏa sáng quanh cơ thể, nhưng phạm phu khó tiếp nhận vì những năng lượng âm trực chiếm ngự thể xác và tâm hồn. Một hành giả tọa thiền, tâm không bị tạp loạn thì năng lượng vũ trụ thẩm thấu vào cơ năng, cũng thế, khi ngủ say, cơ thể cũng tiếp nhận được năng lượng vũ trụ thông qua 7 luân xa, nên sau giấc ngủ say thường thấy khỏe hơn giấc ngủ chập chờn. Hành giả sau thời gian tọa thiền nhiều giờ, cũng thấy an lành thanh tịnh khỏe khoắn. Một khi tâm thức nhập vào trạng thái vô thức, tức hòa đồng cùng vũ trụ thì tự mình cảm nhận được tính minh triết trước mọi vấn đề. Ví dụ một đoạn kinh, mình hiểu sâu sắc hơn, một vấn đề mình giải quyết thông thoáng hơn, một vấn nạn mình hanh thông những ách tắc...

Con đường hội nhập siêu thức với quang năng vũ trụ chỉ là sự hiển lộ tự tánh toàn chân, như ánh sáng giao hòa với ánh sáng mà không tạo ra một biến động cơ học hay vật lý. Hai Thiền sư tâm chứng ngồi bên nhau hàng giờ mà vẫn không trao đổi nhau một lời, thế nhưng họ vẫn hiểu được nhau về những điều muốn nói, ngược lại, người thường tục ồn ào vận dụng rất nhiều ngôn từ để diễn đạt điều mình muốn nói cho đối tượng cảm thông, đôi khi vẫn bị cảm nhận lệch lạc, đó là do sóng âm não bộ bị chướng ngại nhiều vật cản của nghiệp thức nên khó đồng pha trên cùng băng tần sóng thức.

Con đường hội nhập có nghĩa trở lại chính mình, một quang năng tự tánh mà bấy lâu bị màng vô minh che lấp. Lớp vô minh do vọng niệm khởi xuất từ cái nhìn và cái nghe. Trong năm giác quan, mắt và tai đóng phần quan trọng cho mọi cảm thọ. Cuộc sống thường nhật cho đến hiện tượng vũ trụ đều tồn tại trên chấn động lực của âm thanh và ánh sáng; sóng quang và sóng âm luôn song hành giúp cho tánh thấy và tánh nghe hiển lộ. Trên hiện tượng thì thấy và nghe là hai lãnh vực cá biệt; cũng thế, khi Big Bang xuất hiện thì tiếng nổ đã phát ra tia sáng; sấm sét đi liền tia chớp. Như vậy khởi xuất từ một mà biến thái ra hai ngã để rồi: - *“nhất bản tán vạn thù”*. Lý thuyết Đạo gia không xa khoa học và Phật giáo: khởi niệm vô minh mà muôn hình vạn tượng tiếp nối phát sanh. Do vọng niệm mà biến tánh thấy và nghe thành cảm thọ, từ cảm thọ mà muôn trùng xa cách khởi điểm. Từ vụ nổ đầu tiên mà vũ trụ hình thành tiếp nối hình thành vũ trụ qua những vụ nổ. Do quan niệm cái thấy và nghe khác nhau nên nghĩ âm thanh và ánh sáng khác biệt, thực ra chúng cùng một bản chất vì chúng khởi xuất cùng một thời điểm. Hai tia nắng mặt trời xuyên qua lỗ tole, chúng song song như sự cách biệt, thực chất phát xuất từ một điểm mặt trời, cũng thế, âm thanh và ánh sáng, tia chớp và tiếng sấm, tánh thấy và tánh nghe cũng chỉ là một, thế thì không lý do gì phải

sanh tâm phân biệt. Mọi hiện tượng vật lý và tâm lý cũng vậy, do khởi niệm vọng tưởng mà có, từ cái có này mà cái có nọ phát sanh, trùng trùng duyên khởi từ một ý niệm vô minh phát sanh.

Hành giả tiên tu giải thoát, có nghĩa phải giải thoát ngay tâm phân biệt, ngay ý tưởng vọng niệm; khi hành giả trang bị cặp mắt của Bồ Tát Quán Thế Âm "*Chiếu kiến ngũ uẩn giai không*" thì tinh thần "*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" sẽ giúp hành giả không bị ngoại cảnh chi phối.

"Nhất bản tán vạn thù" thì "*vạn thù quy nhất bản*" nhất bản đó quy về đâu? Gom tất cả hiện tượng vật lý tâm lý về một thì một nằm ở đâu rồi một sẽ đi về đâu để thoát ly tam đồ khổ?

Âm và dương, thấy và nghe, ánh sáng và âm thanh đều là những dạng sóng lẫn lẫn trên mặt năng lượng sinh học và sinh thức. Vì thế hành giả Quán Âm bắt buộc thực hiện sâu xa trí tuệ Bát Nhã mới "*viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn*". Trí tuệ Bát Nhã không nằm ở dưới đan điền (luân xa 1-2), phần dưới cơ thể tương ứng cõi dục (dục giới). Luân xa 3-4-5 tương ứng cõi sắc (sắc giới), thế thì luân xa 6-7 tương ứng cõi vô sắc, từ đây, làm bàn đạp để thoát ly tam giới. Các hành giả Tiên đạo thường dụng đan điền. Có pháp môn xem đan điền là "đại hải" phản chiếu ánh sáng từ nê hoàn cung để khai mở tuệ tri; nhưng hành giả quán âm không nhất thiết phải đi vòng xuống để lộn trở lên đôi khi sinh lực khí bị vọng tưởng dẫn lạc đưa đến cuồng dâm, điên loạn. Mọi tuệ giác khởi đầu đều từ con mắt thứ ba mà người Ấn thường chấm son trên trán giữa hai chân mày. Đức Thế tôn thường phóng quang từ giữa chầng mày hoặc trên đỉnh đầu (luân xa 7). Con mắt thứ ba tương ứng với tuyến Tùng. Từ lâu nhân loại không sử dụng tuyến Tùng nên chúng ẩn tàng sâu vào bán cầu não. Người có chỉ số thông minh tính bằng IQ, nhưng người có tuệ giác là do tuyến Tùng phát triển tốt. Hiện nay, khoa học ngoài việc khám phá về vật lý của não bộ, chỉ biết có hàng trăm tỷ tế bào thần kinh và dạng cấu tạo của não, không còn tìm thấy được những ẩn số mà những thách đố từ tâm linh đưa ra, vì thế, nhà [sinh lý học Robert Edwards](#) (Đoạt giải [Nobel Y học](#) 2010) từng nói "Đối với tôi thì trên thế giới này chỉ có ba thứ mà tôi cảm thấy mơ hồ nhất, nó khiến cho tôi và dường như tất cả mọi người vô cùng tò mò, đó là: [Tâm linh; Vũ trụ và bộ não con người](#)". Thực sự đã trải qua một quá trình rất là dài nghiên cứu bộ não, nhưng chúng ta chưa hề biết nhiều về nó. Bộ não người là một ẩn số vô cùng lớn vượt thời gian. (Wikipedia)

Thế thì cái gì làm cho những bộ não có sự sai biệt về thông minh, về năng khiếu, về trí nhớ và những thiên tài, thấu thị, và nhớ lại tiền kiếp, chưa nói đến tuệ giác như đức Phật và chư Thánh hiền minh sư? Chúng tử

huân tập chỉ là dạng sóng được ký gửi trong trường năng lượng tạng thức, thuần về vật lý không thể có đáp án chính xác, bởi vì, não bộ và sinh vật chỉ là sự kết tụ cô đặc của năng lượng thô. Trong trường năng lượng vũ trụ còn tồn tại vô số sinh thể năng lượng vi tế mà khi hiển thị chỉ là ánh sáng, một loại ánh sáng siêu thức. Khoa học vật lý, khoa học thần kinh chưa có tầm với đến phạm trù khoa học tâm linh.

Sóng âm và sóng quang của năng lượng vũ trụ luôn giao hòa để tồn tại cuộc sống cho quang năng tự tánh. Cũng thế, tánh nghe và tánh thấy được dung hòa giữa cuộc sống vật lý, muốn tiến đến một năng lượng siêu thức hòa đồng năng lượng vũ trụ, đòi hỏi hành giả hóa giải mọi tập nghiệp và luôn nâng năng lượng sinh học, năng lượng sinh thức lên trạng thái của chấn động lực mạnh và nhanh (tần dao động của năng lượng âm lưu). Lúc ấy, hồng huyết cầu tăng, hệ thần kinh phần chấn tạo cho hành giả có cuộc sống an lạc, hanh thông, hạnh phúc, thanh thản, trí tuệ và tình thương rộng lớn vô điều kiện.

Tâm thức tản mạn thì không tập trung năng lượng sinh thức. Tâm thức bảo thủ cố chấp sẽ bị cột trói năng lượng sinh thức, đều là biên kiến. Tâm tĩnh thức là tâm không bị vướng vào bất cứ đâu, chỉ mà vẫn quán, định mà vẫn tuệ; tâm ở đâu là khí ở đó, sinh lực khí là năng lượng nuôi dưỡng tuyến Tùng để khai mở mắt huệ. Bí quyết của mọi hành giả tâm linh tuy “chân không mà vẫn diệu hữu” là đây. Đó là Tự Tánh Quán Âm.

MINH MÃN

06/11/2012

(Hết)

KẾT THỨC TỰ TÁNH QUÁN ÂM

Qua 10 bài nói về âm thanh, từ vật lý đến tâm lý, sinh thức, siêu thức và năng lượng vũ trụ, giúp cho một cái nhìn tổng quát về âm lực, nghiệp lực, nghiệp thức và năng lượng hóa giải từ các pháp môn.

Năng lượng thô kết tụ thành vật chất, đó chỉ là bọt bèo bong bóng; một dạng tướng đánh lừa cảm giác, nhận thức của con người. Tính Không của Phật giáo cảnh giác cho ta về sự hiện hữu không thật của chúng; tuy không thật, nhưng vẫn hiện hữu trong cảm thọ và nhận thức của chúng sanh, vì vậy Bồ Tát Quán Thế Âm lắng nghe mọi nhu cầu vọng nghiệp của chúng sanh để hóa giải, cho dù biết đó chỉ là ảo giác. Chư Bồ Tát từ ảo, dùng ảo hóa giải ảo để hiển lộ thực tánh. Hành giả pháp Quán Âm lắng nghe mọi nhu cầu ảo để tự thân hóa giải nghiệp thứ. Sau khi âm lưu

nội tại được thanh lọc mọi ảo giác, âm thanh vi diệu sẽ hiển lộ, đó là năng lượng thanh khiết của siêu thức hòa cùng năng lượng vũ trụ tương tác với hệ thần kinh sống não (Bồ Tát Diệu Âm đại biểu cho công hạnh này). Bất cứ hành giả pháp môn nào hướng đến giải thoát đều trải nghiệm về ánh sáng tự tánh và pháp âm vi diệu từ nội thể.

Trong quá trình công phu, hành giả luôn bị nghiệp thức quấy rầy. Khởi đầu tập tu thì vọng tưởng xuất hiện 100%; nếu kiên trì công phu từ một đến ba tiếng trở lên, dần dần vọng tưởng suy giảm; đến lúc vừa bắt chân lên ngò là định ngay thì đó là sự thành công giai đoạn một. Thói quen của đầu óc luôn tìm mọi lý do để buộc ta đứng lên hoặc gián đoạn tu tập. Nhiều hành giả cố gắng chống chọi, tuy có thành công nhưng chưa hẳn đã thắng cuộc lâu dài. Cái quan trọng trong mỗi người là tập khí kiên cố, ngũ dục lạc, sân hận, tham đắm... những trần cấu đó, ai cũng phải vướng và thiên trọng về một cái. Khi hành giả ngò xuống, thậm chí có những hành giả nhập định được, nghiệp thức thâm nhiễm nặng về cấu uế nào nhiều, chính cái đó xuất hiện thường xuyên và cản trở nhất.

Thí dụ, người nặng về nghiệp dục thì đầu óc luôn có khuynh hướng nghĩ đến nó, đến lúc kiên trì nhập định thì thỉnh thoảng nó xuất hiện dưới hình tướng của ảo ảnh để quấy rối, cám dỗ. Người nặng nghiệp sân thì cứ xuất hiện những bức bối khó chịu, cho dù tiếng muỗi vo ve. Tóm lại hành giả bất cứ pháp tu nào cũng phải trải qua những dao động của nghiệp thức trước khi thành công. Nếu nhập định thành công mà chưa hóa giải hết những nghiệp thức thì một lúc nào đó, chính nó sẽ đánh bại ta.

Có hành giả vào năm 1965, đạt được huệ nhãn, hào quang hiển lộ mỗi khi thiền; trên núi Tô Châu - Hà Tiên, sư Giác Yên, người thành tựu một phần tuệ giác vào những năm đó. Một hôm sư biết nghiệp sẽ đến vào ngày mà sư quyết định đóng cốc (cốc đây là nhà lòng đủ để ngò chứ không nằm được, sư ngò quanh năm suốt tháng), không ra nhận cơm hàng bữa. Thế mà cô gái đem cơm cúng dường các sư trên núi, ngò chờ suốt đêm, khuya sư đi ra vệ sinh, liền bị cô ta ôm lấy, thế là mất hào quang và thần thông. Từ đó, sư không còn tu tập được nữa cho dù cố ngò bao lâu. Sư tâm sự, cố gắng lắm sư mới đẹp được sắc dục, nhưng chỉ trấn áp mà không hóa giải, nó tiềm ẩn chờ ngày bùng phát.

Trực diện

Nhiều khi ta vẫn làm tướng tu là trốn chạy những cám dỗ, tránh né mọi chướng duyên, đó chỉ là giải pháp tạm thời như đá đè cỏ, cỏ không mọc được nhưng cỏ chưa chết. Kinh nghiệm của các bậc thành tựu, hành giả thường quán chiếu trực tiếp những tập khí mà mình đang đeo mang. Nghiệp thức nặng về cái gì thì lấy cái đó quán chiếu. Quán chiếu tính

“giai không” của nó đến khi búng tận gốc tróc tận rễ để rồi trở lại đối diện mà không bị dao động nữa, là thành công.

Tuy nhiên, cũng có hành giả miệt mài pháp hành, không quan tâm đến chúng, không tránh né chúng, chẳng cần hủy diệt chúng, xem chúng là kẻ bàng quan, việc nó nó làm, việc mình mình làm, rồi từ từ chúng cũng tan loãng.

Cũng có hành giả tu pháp quán từ bi, khi nghiệp thức quấy rầy, khởi lòng từ với chúng, hướng tâm từ hóa giải chúng, thương yêu chúng, tự chúng không còn quấy phá hành giả nữa.

Có hành giả chuyên tâm sám hối nghiệp chướng nhiều đời, tô bồi công đức và phước báu trên bước đường phước huệ song tu.

Có hành giả miên mật trì chú như một âm lực thần phù siêu bạt nghiệp thức.

Tóm lại, nghiệp thức chính khởi từ tâm thức của mình, mình đối kháng chống đối là mình lập thêm một chiến tuyến mới, tạo thêm một nghiệp thức đối kháng mới, cứ thế mà tâm thức luôn bị xung đột. Vọng tưởng là một trở ngại cho hành giả trên đường chuyên tu.

Một câu hỏi được đặt ra: *đã là vọng, không thật thì cái gì luân hồi sanh tử?* Do vọng, không thật, cứ bám theo vọng nên có luân hồi sanh tử. Qua cái thấy của chư Phật, Bồ Tát, Minh Sư; luân hồi sanh tử cũng không thật, nhưng chúng sanh cứ tưởng thật nên khổ đau trong luân hồi sanh tử ảo. Hạnh nguyện của các Ngài đến để chỉ cho chúng ta thấy cái đó là không thật thì đau khổ chỉ là cảm thọ trong đại mộng, quán thấy được như thế thì mọi khổ đau sẽ xa lìa. Trẻ con thổi xà phòng phát ra những bong bóng bập bênh trong không trung, thấy chúng có thật, nhưng khi bong bóng vỡ mới biết đó không thật. Biển luân hồi sanh tử là đại mộng, vì thế Bồ Tát Quán Thế Âm bảo: *“Viễn ly điên đảo, mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn”*.

Là người con Phật, cần chọn cho mình một pháp môn thích hợp với căn cơ mình. Nếu chủ đích là giải thoát thì mọi pháp hành đều là phương tiện, không chánh tà. Nếu chủ đích lợi dưỡng, mọi pháp hành đều tà.

Một pháp hành thích hợp với căn cơ là hành giả sẽ cảm nhận niềm an lạc, hạnh phúc trong hiện tại, lòng từ bi phát triển tự nhiên và trí tuệ phát sanh trong vòng ba đến sáu tháng. Cũng như dùng thuốc trị bệnh cảm, thuốc Tây từ ba đến sáu ngày chưa có kết quả phải thay đổi; thuốc Bắc từ một

tuần không thuyên giảm phải chuyển thuốc. Pháp hành cũng thế, căn cơ mỗi người mỗi khác, không bắt chước người khác cùng tu một pháp mà tâm thể không chuyển đổi thì uổng phí thời gian. Chúng sanh vô lượng nghiệp thức thì cũng có vô lượng pháp môn đối trị. Pháp tuy là phương tiện, nhưng đến đích giải thoát cùng một kết quả như nhau, chỉ khác nhau là do công phu mà thành tựu có sai biệt trong tiến trình tu tập.

Pháp hành là phương tiện, nhưng kinh nghiệm công phu do căn tánh cũng có chậm mau khác nhau. Chư Tổ nhìn thấy căn tánh mỗi người mà hướng dẫn. Năng lực của chư Phật, chư Bồ Tát và Minh Sư thành tựu đương tại có công năng hỗ trợ, nâng sóng thức của đệ tử nên đệ tử thành tựu dễ dàng. Thời đại không còn Phật và minh sư thì sự cố gắng của hành giả lấm vất vả mà ít thành tựu. Tuy nhiên, năng lực vũ trụ có tần số dao động mạnh và tinh tế, hành giả biết nắm bắt đề câu thông sóng thức, cũng có thể thành tựu nhanh. Muốn câu thông với năng lượng, từ trường vũ trụ, điều kiện tiên quyết là hành giả phải có một năng lượng sinh học thanh khiết qua việc trường trai, tránh xa việc giết hại và mang nợ máu chúng sanh để bồi dưỡng sinh mạng mình. Không rượu bia và các chất ma túy để hệ thần kinh được minh mẫn nhạy bén. Thường xuyên tập trung vào pháp hành trong mọi lúc và tâm thái phán chán, trạng thái tri ân để kích hoạt tần số dao động của năng lượng nội thể, tăng hồng huyết cầu nuôi dưỡng não bộ, kích hoạt tuyến Tùng.

Điều hành giả luôn tâm niệm là quanh ta được phủ một từ trường thanh khiết, nhẹ nếu năng lượng sinh học và năng lượng sinh thức của hành giả cùng tương thích thì kết quả tu tập dễ tiến bộ. Song song đó, bố thí, hành thiện một cách vô tâm, công đức và phước đức là đôi cánh nâng hành giả tiến vào không gian giải thoát. Bố thí gồm: Tài thí - Pháp thí và Vô Úy thí, hoặc đem lại bất cứ lợi ích gì cho ai, cho tập thể cộng đồng bằng trí tuệ, bằng công sức đều là phước. Cho dù hành giả cố công tu tập nhưng thiếu phước thì cũng khó tránh chướng ngại. Phước do quá khứ hay hiện tại đều cần có. Phước là phân bón là nền móng cho cây công đức vững chãi.

Kiếp người qua nhanh, cuộc sống hưởng thụ không phải là ý nghĩa nếu kèm theo bệnh tật, nạn tai bất trắc. Hạnh phúc không ở nơi hưởng thụ hay giàu sang; đau khổ không do nghèo đói. Có những hành giả ăn rau quanh năm suốt tháng trên núi, không tiền; hang đá là nhà, không có một phương tiện tối thiểu, nhưng các Ngài vẫn an lạc hạnh phúc. **Vậy hạnh phúc là sống an lạc với hiện tại và làm chủ chính mình, không bị dao động bởi ngoại cảnh.** Danh – lợi – tình là vật vô nghĩa đối với các Ngài.

Chúng ta thử chọn lựa cho mình một hướng đi có ý nghĩa đích thực trong thời gian của đời người còn lại, hãy lắng nghe những nhu cầu của chính mình trước khi lắng nghe nhu cầu của mọi người cho dù đang bệnh hoạn, đang đói lạnh hay đang có địa vị giàu sang!

MINH MÃN
09/11/2012

